

Số : 05/2019/CV-CBTT

No: 05/2019/CV-CBTT

TP.Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2019

Ho Chi Minh City, 29 January 2019

CÔNG BỐ THÔNG TIN

DISCLOSURE OF INFORMATION

Kính gửi / To :

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
The State Securities Commission
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh
Ho Chi Minh Stock Exchange
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
Ha Noi Stock Exchange
- Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
Viet Nam Securities Depository

Công ty: Công ty Cổ phần Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh

Name of Company: *Ho Chi Minh City Securities Corporation*

Mã chứng khoán: HCM

Securities symbol: *HCM*

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 5&6, Tòa nhà AB, 76 Lê Lai, P. Bến Thành, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Head quarter address: *Level 5&6, AB Tower, 76 Le Lai Str., Ben Thanh Ward, Dist., 1, HCM City*Điện thoại: (+84 28) 3823 3299 Fax: (+84 28) 3823 3301 Website: www.hsc.com.vnTelephone: (+84 28) 3823 3299 Fax: (+84 28) 3823 3301 Website: www.hsc.com.vn

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Trương Ngọc Quỳnh Tiên

Submitted by: *Ms. Truong Ngoc Quynh Tien*

Chức vụ: Giám đốc Truyền Thông

Position: *Communications Director*

Điện thoại cơ quan: (+84 28) 3823 3299 (ext: 124)

Telephone (office): (+84 28) 3823 3299 (ext. 124)

Loại công bố thông tin: ☐ 24 giờ ☐ định kỳ ☐ bất thường ☒ theo yêu cầuInformation disclosure type: ☐ 24 hours ☐ Periodic ☐ Irregular ☒ On demand

Nội dung thông tin công bố:

The content of information disclosure:

- Vào ngày 28 tháng 1 năm 2019, Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSC) nhận được Giấy chứng nhận số 08/GCN-UBCK ngày 24/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phần ra công chúng như sau:
 - Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
 - Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng
 - Tổng số lượng cổ phiếu chào bán ra công chúng: 179.215.890 cổ phiếu, trong đó:
 - o Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu 86.369.445 cổ phiếu
 - o Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu 86.369.445 cổ phiếu
 - o Phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động 6.477.000 cổ phiếu
 - Đối tượng chào bán: cổ đông hiện hữu
 - Tổng giá trị chào bán tính theo mệnh giá: 1.792.158.900.000 đồng.
- Bản cáo bạch chào bán cổ phần ra công chúng.



1. On 28 Jan 2019, Ho Chi Minh City Securities Corporation (HSC) received License No.08/GCN-UBCK dated 24 Jan 2019 by Chairman of SSC on approval to HSC share issuance as below:
 - Type of share: Ordinary share
 - Par value: 10,000VND/share
 - Total number of issued shares: 179,215,890 shares, in which:
 - o Share issuance offering to existing shareholders: 86,369,445 shares
 - o Share issuance offering to existing shareholders using capital resources of owner's equity to increase charter capital (Issuance of bonus shares): 86,369,445 shares
 - o Share issuance according to employee stock ownership plan (ESOP): 6,477,000 shares
 - Offering target: existing shareholders
 - Total value of issuance at par value: VND1,792,158,900,000.
2. Prospectus for share issuance.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/01/2019 tại đường dẫn <http://www.hsc.com.vn/vn/investor/information-disclosure>

This information was disclosed on HSC webpage on 29 Jan 2019 and available at <https://www.hsc.com.vn/en/investor/information-disclosure>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We declare that all information provided in this paper is true and accurate; we shall be legally responsible for any misrepresentation.

Người được ủy quyền CBTT
For and on behalf of HSC
Representative authorized to disclose information



Trương Ngọc Quỳnh Tiên
Giám đốc Truyền thông
Communications Director



Tài liệu đính kèm/ Attached file:

- Giấy chứng nhận số/ License No. 09/UBCK-QLKD
- Bản cáo bạch phát hành cổ phiếu ra công chúng/ Prospectus for share issuance

Số: 08 /GCN-UBCK

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2019

GIẤY CHỨNG NHẬN
Đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 06 năm 2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 07 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 07 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 48/2015/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 162/2015/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu;

Xét Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của Công ty Cổ phần Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý Kinh doanh Chứng khoán,



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng cho:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Tên tiếng Anh: HO CHI MINH CITY SECURITIES CORPORATION
- Trụ sở chính: Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB, số 76 Lê Lai, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.
- Giấy phép thành lập và hoạt động số: 11/UBCK-GPHĐKD do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 29 tháng 4 năm 2003.
- Vốn điều lệ: 1.297.567.580.000 đồng (*Một nghìn hai trăm chín mươi bảy tỷ năm trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng*).

Điều 2. Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh được phép chào bán ra công chúng theo các nội dung sau:

1. Loại chứng khoán: cổ phiếu phổ thông.
2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng (*Mười nghìn đồng*).
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán ra công chúng: 179.215.890 cổ phiếu (*Một trăm bảy mươi chín triệu hai trăm mười lăm nghìn tám trăm chín mươi cổ phiếu*).

Trong đó:

- Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: 86.369.445 cổ phiếu (*Tám mươi sáu triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn bốn trăm bốn mươi lăm cổ phiếu*).
 - Phát hành cổ phiếu để tăng cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: 86.369.445 cổ phiếu (*Tám mươi sáu triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn bốn trăm bốn mươi lăm cổ phiếu*).
 - Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động: 6.477.000 cổ phiếu (*Sáu triệu bốn trăm bảy mươi bảy nghìn cổ phiếu*).
4. Đối tượng chào bán: cổ đông hiện hữu.
 5. Tổng giá trị chào bán tính theo mệnh giá: 1.792.158.900.000 đồng (*Một nghìn bảy trăm chín mươi hai tỷ một trăm năm mươi tám triệu chín trăm nghìn đồng*).

6. Thời gian phân phối: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực.

7. Phương thức phân phối: Theo phương án nêu trong Bản cáo bạch.

Điều 3. Công ty Cổ phần Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh phải tuân thủ pháp luật Việt Nam, các quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán và nội dung trong Giấy chứng nhận này.

Điều 4. Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Giấy chứng nhận này được lập thành bốn (04) bản chính: 01 bản cấp cho Công ty Cổ phần Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, 01 bản lưu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, 01 bản gửi cho Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh và 01 bản gửi cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam./h

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Hồng Sơn

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Giấy phép hoạt động số 11/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/04/2003, Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 09/GPĐC-UBCK ngày 02/03/2017)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 08/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24 tháng 04 năm 2019)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

..hsc

Địa chỉ: Lầu 5&6, Tòa nhà AB, 76 Lê Lai, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: (028) 3823 3299 Fax: (028) 3823 3301

Website: www.hsc.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Trương Ngọc Quỳnh Tiên

Chức vụ: Giám đốc truyền thông

Điện thoại: (+84 28) 3823 3299

Fax: (+84 28) 3823 3301



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Giấy phép hoạt động số 11/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/04/2003, Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 09/GPĐC-UBCK ngày 02/03/2017)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty CP Chứng khoán TpHCM
Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông
Mã cổ phiếu	: HCM
Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phiếu
Giá bán	
- Cổ đông hiện hữu	: 14.000 đồng/cổ phiếu
- ESOP	: 14.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng phát hành	: 179.215.890 cổ phiếu
- Tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu	: 86.369.445 cổ phiếu
- Chào bán cho cổ đông hiện hữu	: 86.369.445 cổ phiếu
- ESOP	: 6.477.000 cổ phiếu
Tổng giá trị phát hành (theo mệnh giá)	: 1.792.158.900.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn PwC (Việt Nam)

Trụ sở chính: Lầu 8, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (+84 28) 3823 0796

Website: <http://www.pwc.com.vn>

MỤC LỤC

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	4
I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CỔ PHIẾU CHÀO BÁN	4
1. Rủi ro về kinh tế.....	4
2. Rủi ro về luật pháp	6
3. Rủi ro đặc thù.....	7
4. Rủi ro quản trị công ty	10
5. Rủi ro khác	11
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	12
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	13
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	14
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	14
2. Cơ cấu tổ chức Công ty.....	19
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty.....	20
4. Danh sách cổ đông và cơ cấu cổ đông	31
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành.....	32
6. Giới thiệu quá trình tăng vốn:	32
7. Hoạt động kinh doanh	38
8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	51
9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	52
10. Chính sách đối với người lao động	55
11. Chính sách cổ tức	57
12. Tình hình hoạt động tài chính.....	58
13. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng.....	65
14. Tài sản thuộc sở hữu Công ty	77
15. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo.....	78
16. Chiến lược, định hướng phát triển của Công ty.....	79
17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành	80
18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu chào bán	80
V. CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH	81
1. Loại cổ phiếu	81

2. Mệnh giá	81
3. Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành:	81
4. Giá chào bán dự kiến:.....	81
5. Phương pháp tính giá	81
6. Phương thức phân phối	82
7. Thời gian phân phối cổ phiếu.....	86
8. Đăng ký mua cổ phiếu	88
9. Phương thức thực hiện quyền (đối với việc phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu).....	89
10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	89
11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng.....	89
12. Các loại thuế có liên quan.....	89
13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu.....	91
VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....	91
VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	92
VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC CHÀO BÁN	92
IX. PHỤ LỤC.....	92

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. Rủi ro về kinh tế

Theo báo cáo kinh tế Việt Nam năm 2017 của World Bank, kinh tế Việt Nam đã có nhiều bước phát triển ngoạn mục. Sau giai đoạn suy giảm năm 2012 và 2013, nền kinh tế đã tăng trưởng trở lại, đạt mức 6% năm 2014, tiếp tục tăng lên mức 6,68% năm 2015 và đạt mức 6,21% trong năm 2016. Sang đến năm 2017, với sự phát triển mạnh mẽ của ngành công nghiệp, phục hồi của ngành nông nghiệp cùng với nhu cầu trong nước tăng cao đã giúp nền kinh tế Việt Nam đạt tốc độ tăng trưởng 6,8%, cao hơn mức kỳ vọng của Chính phủ.

Với tình hình kinh tế khả quan trong thời gian vừa qua, Việt Nam được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ trong tương lai gần. Theo tổ chức Ngân hàng Phát triển Châu Á, Việt Nam sẽ đạt mức 6,5% trong năm 2018, tuy có thấp hơn năm 2017 nhưng vẫn là mức tăng trưởng đáng kể so với khu vực. Đặc biệt, vừa qua Việt Nam vừa ký kết thành công Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (gọi tắt là CPTPP), kỳ vọng sẽ giúp doanh nghiệp Việt Nam đạt được nhiều thỏa thuận trong tương lai. Sự phát triển về kinh tế nói chung và đời sống người dân được nâng cao nói riêng sẽ tạo động lực cho ngành tài chính được phát triển, tạo điều kiện thuận lợi cho HSC trong tương lai.

1.1. Lạm phát

Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với hiện tượng lạm phát trong nền kinh tế. Theo những số liệu được công bố, trong những năm gần đây Việt Nam đang xử lý rất tốt tình trạng lạm phát so với các năm trước.

Đỉnh điểm lạm phát tại Việt Nam là 22,3% vào năm 2008 là do khủng hoảng tài chính dẫn đến sự suy thoái trong ngành ngân hàng vào giai đoạn 2008 – 2010. Ngay sau đó, Chính phủ đã nói lỏng chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ để đối đầu với những vấn đề kinh tế trong giai đoạn 2011 – 2013. Từ năm 2012, tỷ lệ lạm phát được kiểm soát với mức tăng 6,8%, bằng 1/3 so với mức tăng của năm 2011, hoàn thành chỉ tiêu dưới 10% của năm 2012 mà Chính phủ đã đặt ra từ đầu năm.

Kết thúc năm 2013, các điều kiện kinh tế vĩ mô của Việt Nam đã ổn định hơn so với thời kỳ bất ổn đầu năm 2012. Theo Tổng cục thống kê Việt Nam, lạm phát năm 2013 được kiểm chế, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2013 tăng 6,0%, thấp nhất trong 10 năm qua và đạt

mục tiêu của Chính phủ đề ra là khoảng 8% so với năm 2012. Giai đoạn 2014 – 2017, lạm phát đã được kiềm chế ở mức 4,0% và dự báo trong năm 2018 con số này sẽ tăng cao do tình hình kinh tế vĩ mô nước ta chịu nhiều sức ép từ biến động của giá điện leo thang cùng với những chính sách nới tín dụng của Chính phủ trong thời gian vừa qua. Những biến động này sẽ ảnh hưởng ít nhiều đến tình hình kinh doanh và lợi nhuận của Công ty trong thời gian tới.

1.2. Lãi suất

Lãi suất là một yếu tố rất nhạy cảm đối với nền kinh tế, ảnh hưởng trực tiếp đến tiết kiệm, và đầu tư, sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán nói riêng, cũng như các nhà đầu tư chứng khoán.

Theo nhận định của Ngân Hàng Nhà Nước, năm 2018 là năm thị trường tài chính quốc tế có nhiều biến động theo hướng không thuận lợi, áp lực huy động vốn trái phiếu Chính phủ tiếp tục tăng cao và nhu cầu tín dụng trung dài hạn gia tăng thì áp lực lên mặt bằng lãi suất là rất lớn. Rủi ro về lãi suất đối với một doanh nghiệp xuất hiện khi chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận. Mức rủi ro về lãi suất là khác nhau giữa các ngành tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó. Mức lãi suất càng cao thì doanh nghiệp càng khó khăn trong việc huy động vốn đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam điều hành lãi suất thông qua hai loại lãi suất chính: lãi suất tái chiết khấu và lãi suất tái cấp vốn. Trên cơ sở các lãi suất điều hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, hệ thống ngân hàng thương mại sẽ quyết định mức lãi suất huy động vốn và lãi suất cho vay. Mặt bằng lãi suất thay đổi sẽ ảnh hưởng đến chi phí tài chính và hiệu quả hoạt động kinh doanh, lợi nhuận của các doanh nghiệp nói chung và HSC nói riêng.

Để hạn chế các rủi ro trên, HSC với đội ngũ nhân sự là những cố vấn, chuyên gia kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực tài chính tiền tệ thường xuyên cập nhật thông tin về tình hình lãi suất và phân tích diễn biến cũng như ảnh hưởng của nó tới thị trường chứng khoán để có biện pháp đối phó kịp thời, nhằm hạn chế và giảm thiểu rủi ro xảy ra.

1.3. Tỷ giá

Hoạt động kinh doanh của các công ty chứng khoán nói chung và HSC nói riêng ít chịu sự tác động trực tiếp từ việc biến động tỷ giá. Tuy nhiên, hoạt động kinh doanh có thể bị ảnh hưởng ở một mức độ nhất định thông qua sự tác động của tỷ giá hối đoái đến thị trường chứng khoán.

Tỷ giá hối đoái tác động đáng kể đến nền kinh tế và thị trường chứng khoán thông qua việc tác động tới các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, cán cân thanh toán và sự di chuyển của các nguồn vốn đầu tư. Theo cơ chế quản lý hiện tại, tỷ giá phản ánh quan hệ cung cầu giữa các đơn vị tiền tệ khác nhau và đặt dưới sự quản lý, điều tiết của Nhà nước. Tuy nhiên, nhìn chung công tác quản lý tỷ giá là một vấn đề khó khăn và đôi khi tỷ giá biến động trái chiều với ý muốn chủ quan của các nhà quản lý. Nhận thức được sự biến động tỷ giá ảnh hưởng đến nền kinh tế và thị trường chứng khoán, HSC thường xuyên phân tích, đánh giá, lường trước về sự biến động của tỷ giá và các tác động của nó đến thị trường chứng khoán, nhằm hạn chế một cách tối đa tác động bất lợi đối với hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Rủi ro về luật pháp

HSC là Công ty cổ phần hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật chuyên ngành khác có liên quan. Bất cứ sự thay đổi nào về pháp luật và môi trường pháp lý liên quan đều có tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

HSC hoạt động theo mô hình Công ty niêm yết và là Công ty chứng khoán thành viên, mọi hoạt động của Công ty được giám sát bởi hệ thống các cơ quan nhà nước bao gồm: Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (SSC), Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE), Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX), Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), Tổng cục thuế, và được điều chỉnh bởi hệ thống văn bản quy phạm pháp luật bao gồm: Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các văn bản pháp luật, các nghị định và các thông tư hướng dẫn liên quan. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực chứng khoán cũng đang trong quá trình hoàn thiện, do đó bất kỳ sự thay đổi nào về mặt chính sách sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty. Mặt khác rủi ro này cũng xuất hiện khi các công ty chứng khoán không tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật, thực hiện các giao dịch không được cho phép của pháp luật dẫn đến những tổn thất nặng nề và tổn hại uy tín của Công ty.

Để hạn chế bớt các tác động do rủi ro pháp luật tạo ra, HSC với đội ngũ nhân sự là các luật sư, chuyên gia pháp lý giàu kinh nghiệm có trình độ chuyên môn cao am hiểu về thị trường tài chính tiền tệ nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng thường xuyên cập nhật các thay đổi về quy định pháp lý, đồng thời bảo đảm cho mọi hoạt động của công ty theo đúng các quy định của pháp luật, tháo gỡ những khó khăn những khó khăn về pháp lý có thể xảy ra trong quá trình hoạt động.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro trong hoạt động Môi giới Khách hàng

Hoạt động môi giới trong bối cảnh thị trường chứng khoán Việt Nam còn non trẻ so với khu vực và trên thế giới, kinh nghiệm và kiến thức sử dụng các dịch vụ đầu tư của khách hàng còn nhiều hạn chế, việc cạnh tranh giữa các công ty chứng khoán trong việc tìm kiếm nguồn nhân sự có trình độ và đạo đức nghề nghiệp cao, dẫn đến các rủi ro trong hoạt động môi giới, cụ thể:

- Rủi ro đạo đức nghề nghiệp do các cá nhân vi phạm đạo đức trong hành nghề môi giới nhằm trục lợi, gây tổn thất cho khách hàng và công ty thông qua các hành vi gian dối, giả mạo, các giao dịch xung đột lợi ích nhằm mang lại nguồn lợi cho cá nhân
- Rủi ro sai sót, nhầm lẫn khi thực hiện giao dịch của khách hàng có thể xảy ra với tần suất lớn do áp lực đặc thù của ngành nghề chứng khoán cần sự nhanh chóng và khối lượng lớn
- Rủi ro khác liên quan đến hạ tầng công nghệ thông tin không ổn định, hay rủi pháp lý liên quan đến các sản phẩm tài chính và rủi ro cạnh tranh thiếu lành mạnh giữa các công ty chứng khoán

Để hạn chế các rủi ro có thể xảy ra, ngay từ những ngày đầu thành lập HSC đã xây dựng văn hóa làm việc chuyên nghiệp, đồng thời ban hành qui chế quản lý và hoạt động của bộ phận môi giới, đề cao giá trị đạo đức nghề nghiệp và xử lý nghiêm khắc tất cả các trường hợp vi phạm đạo đức và nguyên tắc hành nghề môi giới.

Nhân sự thuộc hoạt động môi giới được tuyển chọn, khảo sát đánh giá và đào tạo thường xuyên để nâng cao trình độ và nhận thức rủi ro. Bên cạnh đó, Công ty có hệ thống kiểm soát độc lập bao gồm quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, ban kiểm soát được duy trì hoạt động đánh giá độc lập, khách quan và liên tục lên các chương trình rà soát luân phiên nhằm phát hiện kịp thời và ngăn chặn các sự kiện rủi ro.

Ngoài những biện pháp kể trên, HSC cũng liên tục cải tiến hệ thống công nghệ thông tin hiện đại cho hoạt động giao dịch và môi giới cho khách hàng. Hệ thống giao dịch của công ty cho phép khách hàng giao dịch online, truy cập kiểm tra số dư và truy xuất các giao dịch đã thực hiện và tự kiểm soát giao dịch. Các kết quả giao dịch được lưu trữ hoàn chỉnh và được thông báo cho khách hàng bằng tin nhắn sau khi có kết quả khớp lệnh.

3.2. Rủi ro trong hoạt động Tư vấn Khách hàng

Với phương châm hướng tới lợi ích của khách hàng, bảo toàn và gia tăng tài sản cho nhà đầu tư. Trong những năm qua HSC thường xuyên tổ chức nhiều hoạt động hướng tới khách hàng

như tổ chức các khóa đào tạo phân tích cho nhà đầu tư, tổ chức các buổi trao đổi nhằm cung cấp thông tin, chia sẻ kinh nghiệm, ý tưởng và giải pháp đầu tư cho khách hàng, đưa ra các chiến lược đầu tư cho khách hàng lựa chọn. Đồng thời Công ty cũng thường xuyên tổ chức các đợt đi thăm doanh nghiệp, lựa chọn các doanh nghiệp lớn, có triển vọng để tìm kiếm các cơ hội đầu tư cho khách hàng và cho chính công ty. Đây cũng là dịp kiểm định tính chính xác của thông tin nhằm giảm thiểu rủi ro thông tin sai lệch hoặc thiếu tính thực tế, nhờ vậy hạn chế rủi ro thua lỗ khi đầu tư và khi đưa ra khuyến nghị cho khách hàng.

Bên cạnh đó, HSC đã và đang triển khai, phát triển đội ngũ chuyên viên quản lý tài khoản, chuyên viên môi giới với trình độ chuyên môn cao được đào tạo trong và ngoài nước, tuân thủ nghiêm ngặt quy tắc đạo đức nghề nghiệp và các quy định của pháp luật nhằm gia tăng chất lượng dịch vụ, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Đội ngũ nghiên cứu và phân tích của Công ty được đánh giá là một trong những đội ngũ nhiều kinh nghiệm nhất tại Việt Nam, mỗi ngày đều đưa ra các báo cáo nhận định thị trường nhằm mang lại cho khách hàng một cái nhìn sâu và rộng hơn về diễn biến nền kinh tế và thị trường.

3.3. Rủi ro trong hoạt động Tự doanh Chứng khoán

Hoạt động tự doanh là hoạt động kinh doanh chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết bằng nguồn vốn chủ sở hữu của công ty. Do đó, biến động giá chứng khoán nói riêng và biến động của thị trường chứng khoán nói chung sẽ là rủi ro ảnh hưởng trực tiếp tới kết quả kinh doanh hàng năm của công ty.

Để hạn chế rủi ro này, HSC đã thành lập một bộ phận chuyên biệt nhằm đầu tư lựa chọn, phân tích đánh giá các danh mục đầu tư có tính khả thi, các ngành nghề trọng điểm và có nhiều cơ hội tăng trưởng trong tương lai. Công ty tập trung xây dựng chiến lược kinh doanh ngắn hạn và dài hạn dựa trên những đánh giá kỹ lưỡng tình hình biến động của thị trường, cập nhật thông tin các công ty đã đầu tư hoặc dự định đầu tư. Phối hợp với bộ phận nghiên cứu và phân tích, bộ phận tự doanh của Công ty có thể xem xét thị trường đã đạt mức lợi nhuận kỳ vọng hay chưa, hoặc dự đoán được biến động của danh mục và từ đó có quyết định kịp thời.

3.4. Rủi ro của đợt chào bán

Tuy trong năm vừa qua kinh tế thế giới nói chung và của Việt Nam nói riêng đã có nhiều tiến triển tích cực nhưng xu hướng tăng trưởng ổn định của thị trường vẫn chưa được khẳng định chắc chắn khi hoạt động của các doanh nghiệp nói chung vẫn còn gặp khó khăn và điều kiện kinh tế vĩ mô vẫn cần cải thiện thêm.

Đợt chào bán cổ phiếu của Công ty sẽ phụ thuộc vào diễn biến tình hình thị trường chứng khoán tại thời điểm chính thức chào bán, các yếu tố vĩ mô, tâm lý của các nhà đầu tư cũng như sự hấp dẫn của cổ phần Công ty. Vì vậy, có thể có rủi ro không bán hết số cổ phần dự định chào bán. Trong trường hợp không bán hết số cổ phần dự định chào bán, Hội đồng quản trị sẽ chủ động tìm kiếm nguồn vốn từ các nguồn vay khác để đảm bảo việc thực hiện kế hoạch kinh doanh đã đề ra.

3.5. Rủi ro pha loãng

Pha loãng cổ phiếu là kết quả của việc phát hành thêm cổ phiếu phổ thông của một doanh nghiệp. Việc pha loãng cổ phiếu có thể gây ra ảnh hưởng như sau:

- Giá cổ phiếu sẽ được điều chỉnh phụ thuộc vào tỷ lệ và giá phát hành đợt cổ phiếu mới;
- Phần trăm sở hữu hay quyền bỏ phiếu của các cổ đông hiện thời có thể giảm xuống nếu cổ đông đó không thực hiện quyền;
- Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) có thể suy giảm do thu nhập được chia cho số lượng cổ phiếu lớn hơn;
- Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BVPS) có thể giảm do số lượng cổ phiếu tăng.

Cụ thể, tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm của cổ đông hiện hữu, giá của cổ phiếu Công ty sẽ được điều chỉnh kỹ thuật theo công thức sau:

Trong đó:

$$\text{Giá thị trường (điều chỉnh)} = \frac{PR(t-1) + I_1 * PR}{(1 + I_1)}$$

- **PR (t-1)** là giá giao dịch của cổ phiếu trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền
- **PR** là giá phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu.
- **I₁** là tỷ lệ vốn tăng

Ví dụ: Giá giao dịch của cổ phiếu HSC ngày trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền là 60.000 đồng/ cổ phiếu. Giá phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu là 14.000 đồng/ cổ phiếu. Tỷ lệ chào bán cho cổ đông hiện hữu là 3:2 và phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu là 3:2. Như vậy giá thị trường điều chỉnh sẽ là:

Giá thị trường (điều chỉnh) = $(60.000 + 2/3 * 14.000 + 2/3 * 0) / (1 + 2/3 + 2/3) = 29.714$ đồng/ cổ phiếu

Việc phát hành một lượng lớn cổ phiếu ra thị trường cho cổ đông hiện hữu tạo ra một lượng cung lớn trên thị trường và có thể vượt quá khả năng hấp thụ của cổ đông. Đối với các

cổ đông từ chối quyền mua, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu hay quyền bỏ phiếu của các cổ đông hiện hữu sẽ bị giảm xuống.

Ngoài ra, chỉ số thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) cũng sẽ giảm do tổng số lượng cổ phần lưu hành tăng lên so với hiện tại và việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành sẽ chưa tạo ra ngay doanh thu, lợi nhuận như kỳ vọng.

$$EPS = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế - Cổ tức cổ phiếu ưu đãi}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Mức độ pha loãng EPS trong đợt chào bán này được đánh giá như sau:

- Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2018 của HSC theo kế hoạch là 819 tỷ đồng. Và số cổ phần lưu hành bình quân trong năm 2018 dự kiến nếu không phát hành thêm cổ phiếu là 129.562.479 cổ phần. Khi đó EPS dự kiến năm 2018 trước đợt chào bán là 6.319 đồng.
- Sau đợt chào bán, số cổ phần lưu hành dự kiến của công ty là 308.770.058 cổ phần. Giả sử HSC hoàn thành đợt phát hành vào cuối năm 2018 thì khi đó số cổ phiếu lưu hành bình quân năm 2018 dự kiến là 159.513.628 cổ phiếu và EPS sẽ giảm và có giá trị bằng 5.133 đồng/ cổ phần.

Việc phát hành thêm cổ phiếu cũng có thể khiến giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BVPS) giảm khi số lượng cổ phiếu lưu hành tăng lên. Khi đó, BVPS sẽ được tính với công thức:

$$BVPS = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Tại thời điểm kết thúc đợt phát hành, nếu tốc độ tăng của vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phần sau đợt phát hành thì giá trị sổ sách/ cổ phần sẽ giảm.

4. **Rủi ro quản trị công ty**

Rủi ro quản trị công ty là rủi ro xuất phát từ quản trị công ty yếu kém, ảnh hưởng lớn đến sự phát triển lâu dài và bền vững của một doanh nghiệp, gây thiệt hại cho cổ đông. Trong bất kỳ ngành nghề kinh doanh nào, lựa chọn cơ cấu quản trị, cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro phù hợp là nền tảng cần thiết đối với chiến lược quản trị rủi ro của doanh nghiệp. Để có thể đạt hiệu quả cao nhất, khung quản trị rủi ro của doanh nghiệp cần được thiết kế phù hợp với văn hóa và

chiến lược của công ty. Đánh giá đúng vai trò của quản trị công ty và quan tâm đến quản trị công ty từ những vấn đề cơ bản nhất là giải pháp hữu hiệu để phòng ngừa rủi ro.

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ, HSC đã tạo lập được vị thế vững chắc trên thị trường dựa trên nền tảng đội ngũ có nhiều kinh nghiệm. Công ty luôn chú trọng tập trung đào tạo, phát triển đội ngũ quản lý có trình độ cao, tạo dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp. Đối với đợt chào bán cổ phiếu này, Ban quản trị đã đề ra phương án tăng vốn khả thi và được ĐHĐCĐ thông qua. Điều này cho thấy sự tin tưởng của cổ đông vào sự khả thi của phương án phát triển Công ty và qua đó có thể nhận thấy rủi ro từ hoạt động quản trị của Công ty là không lớn.

5. Rủi ro khác

Bên cạnh những nhân tố rủi ro trên, còn một số nhân tố rủi ro mang tính bất khả kháng như: thiên tai, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn. Những rủi ro này hiếm khi xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ để lại những hậu quả thực sự nghiêm trọng, tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh và phát triển của Công ty. Ngoài ra, sự thay đổi của chính sách tiền tệ, cơ chế thanh toán, lãi vay, phí và các điều kiện ràng buộc của ngân hàng, kho bạc Nhà nước cũng tạo nên các rủi ro bất khả kháng cho doanh nghiệp.

Rủi ro chính trị cũng là một dạng rủi ro không thể không nhắc tới. Trong các năm vừa qua, nền kinh tế Việt Nam nói chung và các doanh nghiệp nói riêng đã tiếp nhận rất nhiều kinh nghiệm từ yếu tố chính trị trong và ngoài nước. Ví dụ điển hình như: phong trào chủ nghĩa dân tộc lên ngôi ở Mỹ và ở Anh khiến cho thương mại toàn cầu bị ảnh hưởng; căng thẳng quan hệ Mỹ - Trung làm tăng khả năng chiến tranh thương mại giữa 2 cường quốc kinh tế ... Bên cạnh đó việc đẩy mạnh diệt trừ tham nhũng và sai phạm của Đảng và Nhà nước trong thời gian gần đây như vụ án bầu Kiên, vụ án Phạm Công Danh, vụ án Huỳnh Thị Huyền Như, vụ án OceanBank cũng ảnh hưởng không nhỏ đến thị trường chứng khoán. Những việc này cũng góp phần tác động tích cực lẫn tiêu cực đến nền kinh tế nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

Tổ chức phát hành – Công ty cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Ông Đỗ Hùng Việt

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Ông Johan Nyvene

Chức vụ: Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT

Ông Võ Văn Châu

Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát

Ông Lâm Hữu Hồ

Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Từ, nhóm từ	Diễn giải
Công ty/Tổ chức phát hành/Tổ chức tư vấn	: Công ty cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
HSC	: Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
CTCP/CP	: Công ty Cổ phần/Cổ phần
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
MTV	: Một thành viên
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	: Hội đồng quản trị
BKS	: Ban Kiểm soát
SGDCK	: Sở Giao dịch Chứng khoán
CMND	: Chứng minh nhân dân
CCCD	: Căn cước công dân
CBNV	: Cán bộ nhân viên
CNĐKDN	: (Giấy) Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
DN	: Doanh nghiệp
BCTC	: Báo cáo tài chính
SLCP	: Số lượng cổ phần
LNST	: Lợi nhuận sau thuế
LN	: Lợi nhuận
HĐKD	: Hoạt động kinh doanh
TSLĐ	: Tài sản lưu động
TSCĐ	: Tài sản cố định
TMCP	: Thương mại cổ phần

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về tổ chức phát hành

Tên Công ty	: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Tên giao dịch quốc tế	: Ho Chi Minh city Securities Corporation
Tên viết tắt	: HSC
Trụ sở chính	: Lầu 5&6 tòa nhà AB Tower, 76 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại	: 028 3823 3299
Fax	: 028 3823 3301
Website	: www.hsc.com.vn
Logo	:



Giấy CNĐKDN	: Số 11/GPHĐKD cấp lần đầu ngày 29 tháng 4 năm 2003 tại Hà Nội và được điều chỉnh ngày 02 tháng 3 năm 2017
Vốn điều lệ hiện tại	: 1.297.567.580.000 đồng (Một nghìn hai trăm chín mươi bảy tỷ năm trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng)
Vốn thực góp hiện tại	: 1.297.567.580.000 đồng (Một nghìn hai trăm chín mươi bảy tỷ năm trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng)
Tài khoản ngân hàng	: 11910000051817 (VNĐ)
Nơi mở	: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa

Ngành nghề kinh doanh chính:

Theo giấy phép hoạt động kinh doanh số 11/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 4 năm 2016 tại Hà Nội, và giấy phép điều chỉnh số 09/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02 tháng 03 năm 2017 tại Hà Nội; Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện các loại hình kinh doanh sau đây:

- Môi giới
- Tự doanh
- Bảo lãnh phát hành
- Tư vấn đầu tư chứng khoán

1.2. Quá trình hình thành, phát triển

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) là một trong những công ty chứng khoán chuyên nghiệp có lịch sử hoạt động lâu năm và được đánh giá tốt nhất tại Việt Nam. HSC cung cấp một chuỗi các sản phẩm và dịch vụ tài chính cho tất cả các đối tượng khách hàng cá nhân lẫn tổ chức trên nền tảng các giải pháp tài chính chuyên nghiệp được cung cấp bởi đội ngũ các chuyên gia phân tích giàu kinh nghiệm, đáng tin cậy và đã được chứng nhận thông qua các giải thưởng quốc tế uy tín. Thông qua hoạt động của Khối Tài chính Doanh nghiệp, HSC đã đạt được những thành tích xuất sắc khi kết nối thành công nhiều cơ hội đầu tư hấp dẫn cũng như xây dựng được mối quan hệ đối tác bền vững với các nhà đầu tư.

HSC thừa hưởng thế mạnh cộng hưởng từ hai tổ chức tài chính vững mạnh ở Việt Nam bao gồm cổ đông sáng lập là Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (HFIC) và cổ đông chiến lược là Tập đoàn Dragon Capital, công ty quản lý quỹ hàng đầu ở Việt Nam cả về quy mô tài sản và hiệu quả đầu tư.

HSC chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sàn Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) vào tháng 05 năm 2009 với mã chứng khoán HCM. Tại ngày 31/12/2017, tổng giá trị vốn cổ phần của HSC đạt 2.791 tỷ đồng (tương đương 123 triệu USD) đưa HSC trở thành một trong những công ty chứng khoán lớn nhất trong cả nước xét trên phương diện tài chính cũng như năng lực đầu tư.

HSC luôn nỗ lực không ngừng phát triển năng lực cốt lõi và củng cố nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực phân tích và công nghệ. Chúng tôi tin rằng việc đầu tư chiến lược vào đội ngũ phân tích và công nghệ sẽ tạo nền tảng cơ bản vững chắc để HSC có thể thích nghi và đáp ứng nhanh chóng các nhu cầu của khách hàng vốn thay đổi và gia tăng liên tục. Nhờ đó, HSC

có thể tiên phong trong việc phát triển các sản phẩm và dịch vụ có tính đột phá cao nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh và tạo động lực tăng trưởng cho HSC. Bên cạnh các mục tiêu phát triển kinh doanh, HSC luôn đặt trọng tâm vào việc liên tục nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp vốn là nền tảng cho tăng trưởng bền vững trong tương lai.

Trải qua 15 năm hình thành và phát triển, HSC đã và đang khẳng định vị thế Công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam với thị phần không ngừng tăng trưởng và liên tục duy trì vị trí trong top đầu. Song song với việc phát triển các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, HSC cũng rất chú trọng đến việc truyền tải ảnh hưởng tích cực đến cộng đồng thông qua việc gia tăng thực hiện các chương trình thúc đẩy sự phát triển và hoàn thiện của thị trường chứng khoán để từ đó đóng góp vào quá trình phát triển chung của Việt Nam. Tính đến nay, HSC có hệ thống mạng lưới bao gồm 01 Chi nhánh và 08 Phòng giao dịch trên cả nước với Trụ sở chính đặt tại TP.HCM

1.3. Chặng đường phát triển

Từ khi thành lập năm 2003 đến nay, những tăng trưởng liên tục về vốn và quy mô hoạt động đã đưa HSC vươn lên trở thành một trong những công ty chứng khoán tiên phong có hoạt động kinh doanh, tài chính tốt nhất Việt Nam. Qua hơn 15 năm, HSC đã đạt được vị trí Công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam với định hướng phát triển bền vững.

2003

- HSC chính thức được thành lập sau khi Sở kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001573 vào ngày 23/04/2003 và Ủy ban Chứng khoán nhà nước cấp Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 11/GPHĐKD ngày 29/04/2003
- Với số vốn ban đầu là 50 tỷ VND, HSC là một trong số ít các công ty chứng khoán trong nước có số vốn điều lệ lớn nhất năm 2003

2006

- HSC tăng vốn điều lệ lên 100 tỷ VND
- Trụ sở chính và Phòng giao dịch được chuyển đến tòa nhà Capital Palace, số 6 Thái Văn Lung, Quận 1, TP.HCM

2007

- HSC tăng vốn điều lệ lên 200 tỷ VND
- Thành lập chi nhánh Hà Nội tại số 6 Lê Thánh Tông, Quận Hoàn Kiếm
- Phát hành cổ phiếu cho các Cổ đông chiến lược HDBank và FIDICO

2008

- HSC tăng vốn điều lệ lên 395 tỷ VND

- Ra mắt Trung tâm hỗ trợ khách hàng PBX và hệ thống giao dịch trực tuyến VI-Trade cho phép giao dịch qua Internet

- Thành lập Phòng giao dịch Hậu Giang tại TP.HCM

2009

- Chính thức niêm yết trên sàn HOSE với mã cổ phiếu là HCM
- Nâng cấp hệ thống giao dịch trực tuyến VI-Trade và ra mắt hệ thống giao dịch trực tuyến VIP-Trade, phiên bản cao cấp hơn với công thông tin giao dịch thời gian thực
- Thành lập Phòng giao dịch Láng Hạ tại Hà Nội

2010

- HSC tăng vốn điều lệ lên 600 tỷ VND
- Thành lập bốn Phòng giao dịch: Trần Hưng Đạo và 3 Tháng 2 tại TP.HCM, Bà Triệu và Kim Liên tại Hà Nội
- Đổi tên và chuyển địa điểm Phòng giao dịch Hậu Giang thành Phòng giao dịch 3 tháng 2 ở TP.HCM

2011

- HSC tăng vốn điều lệ hơn 998 tỷ VND
- Chuyển vị trí trụ sở chính và Trung tâm dữ liệu CNTT tới địa điểm mới tại tòa nhà AB, 76 Lê Lai. Quận 1. TP.HCM
- Đóng cửa Phòng giao dịch 3 tháng 2 tại TP.HCM

2012

- HSC tăng vốn điều lệ lên hơn 1.008 tỷ VND
- Khai trương Phòng giao dịch Chợ lớn tại TP.HCM, đóng cửa Phòng giao dịch Bà Triệu và Phòng giao dịch Láng Hạ tại Hà Nội
- Kết nối trực tiếp với mạng lưới của Bloomberg và Reuters thông qua giao thức FIX (Financial Information Exchange - Trao đổi thông tin tài chính) – giao thức điện tử tiêu chuẩn quốc tế trong việc lưu thông thông tin trước và trong quá trình giao dịch

2013

- HSC tăng vốn điều lệ lên hơn 1.273 tỷ VND
- HSC kỉ niệm 10 năm thành lập với định hướng “Giá trị và Ảnh hưởng Tích cực”
- Được công nhận đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 27001:2005 cho nghiệp vụ “Cung cấp dịch vụ giao dịch trực tuyến và môi giới chứng khoán” do TUV Rheinland (CHLB Đức) cấp

2014

- Ra mắt website mới với giao diện tùy ứng và ứng dụng giao dịch trực tuyến trên iPad – HSC Trade Pro
- Nhận Bằng khen của Bộ Tài Chính cho những đóng góp xây dựng và phát triển Sàn Giao dịch Chứng khoán Hà Nội giai đoạn 2009 – 2014

2015

- Khai trương phòng giao dịch Nguyễn Văn Trỗi tại TP.HCM và phòng giao dịch Láng Hạ tại Hà Nội
- Đón nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ vì những thành tích nổi bật đóng góp vào sự phát triển chung của thị trường chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2010 – 2014
- Đón nhận Bằng khen của UBND TP.HCM vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ liên tục trong nhiều năm góp phần tích cực trong phong trào thi đua của Thành phố

2016

- Ra mắt HSC iTrade - một sản phẩm đột phá dựa trên các ứng dụng thương mại thông minh
- Đón nhận Bằng khen của Bộ Tài chính vì đã có thành tích xuất sắc và đóng góp tích cực trong quá trình xây dựng và phát triển thị trường chứng khoán VN, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

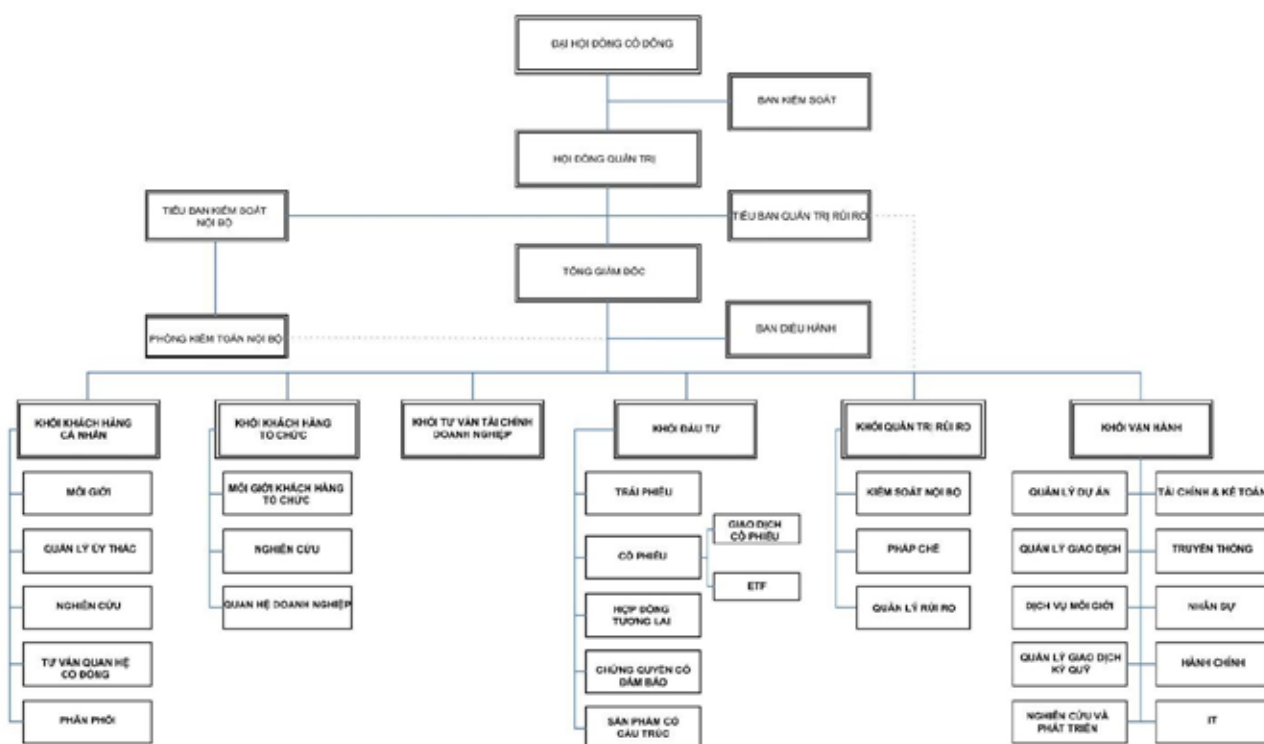
2017

- Triển khai HSC Trade cho hệ điều hành Android - ứng dụng giao dịch dành cho các thiết bị di động chạy trên hệ điều hành Android (SAMSUNG, SONY, LG, OPPO, ASUS...). Với HSC on Android, HSC đã hoàn thiện hệ sinh thái giao dịch trực tuyến của HSC trên các loại thiết bị:
 - HSC Trade Pro - ứng dụng giao dịch trên máy tính bảng iPad;
 - HSC Trade on iOS - ứng dụng giao dịch dựa trên tư duy “phong cách Apple” trên iPhone;
 - HSC iTrade - ứng dụng giao dịch trực tuyến trên máy tính.
- Nâng tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài lên 100% từ ngày 19/05/2017.
- Tiên phong đóng góp xây dựng và tham gia vào sự ra đời của thị trường phái sinh Việt Nam với sản phẩm giao dịch đầu tiên là Hợp đồng tương lai chỉ số VN30.
- Phát hành thành công 800 tỷ đồng trái phiếu doanh nghiệp, không chuyển đổi, không đảm bảo bằng tài sản, được phát hành cho nhà đầu tư là các cá nhân và tổ chức trong và ngoài nước.

1.4. Danh hiệu và giải thưởng

- Được bình chọn là “Nhà môi giới tốt nhất Việt Nam” tại giải thưởng Triple A Country Awards 2017 do tạp chí The Asset trao tặng.
- Được vinh danh lần thứ tư trong “Top 50 công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam” do tạp chí Nhịp Cầu Đầu Tư tổ chức.
- “Top 50 công ty niêm yết tốt nhất thị trường chứng khoán Việt Nam” do tạp chí Forbes Việt Nam bình chọn lần thứ năm liên tiếp.
- Đạt Giải Nhì cuộc bình chọn Báo cáo thường niên xuất sắc nhất do Báo Đầu tư Chứng Khoán và HOSE trao tặng; Giải Báo cáo thường niên có nội dung Quản trị công ty tốt nhất 2016 do tổ chức IFC chấm điểm và trao tặng.

2. Cơ cấu tổ chức Công ty



3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

HSC thiết lập cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý phù hợp với đặc điểm tình hình kinh doanh theo mô hình công ty cổ phần trên cơ sở tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, tuân thủ quy định của Luật doanh nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan. Tổ chức bộ máy quản lý hiện tại của Công ty bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Ban Giám đốc
- Các phòng, ban chức năng

3.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người được cổ đông có quyền biểu quyết uỷ quyền. ĐHĐCĐ có các quyền sau:

- Báo cáo của Hội đồng quản trị
- Báo cáo của Ban kiểm soát
- Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty
- Thông qua định hướng phát triển của Công ty
- Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó.
- Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị
- Lựa chọn công ty kiểm toán
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát
- Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị
- Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty
- Quyết định việc tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty
- Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày thành lập

- Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty
- Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý
- Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty
- Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán
- Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành
- Việc Tổng Giám đốc đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ và các Quy chế khác của Công ty

3.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là 07 (bảy) người. Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết định thay đổi số lượng thành viên Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty
- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại
- Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác
- Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước
- Quyết định giá chào bán cổ phần, trái phiếu và các chứng khoán chuyển đổi của Công ty trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền

- Quyết định mua lại không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã phát hành của từng loại trong mỗi mười hai (12) tháng; quyết định phương án chào bán, chia thưởng cổ phiếu quỹ theo những cách thức phù hợp với quy định của pháp luật
- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ công ty
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý quan trọng của Công ty, quyết định mức lương và lợi ích khác của các cán bộ quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đại diện theo ủy quyền
- Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc
- Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý của Công ty trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và góp vốn, mua cổ phần doanh nghiệp khác trong giới hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định
- Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông
- Kiến nghị mức trả cổ tức, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty
- Thiết lập một quy trình chuẩn về triệu tập họp, bỏ phiếu và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị để Đại hội đồng cổ đông thông qua; trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị; xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý và quy trình thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc; xây

dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác

- Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện kiểm toán nội bộ và kiểm soát rủi ro
- Giải quyết xung đột trong Công ty: Thực hiện ngăn ngừa và giải quyết những xung đột có thể phát sinh giữa các cổ đông và Công ty. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm cán bộ để triển khai các hệ thống cần thiết hoặc thành lập bộ phận chuyên trách để giải quyết xung đột trong Công ty hoặc phục vụ cho mục đích này
- Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó
- Phê chuẩn các giao dịch nằm ngoài phạm vi kế hoạch kinh doanh và tài chính do Tổng Giám đốc và Ban Tổng Giám đốc đệ trình (nếu có)
- Hội đồng quản trị có quyền phủ quyết quyết định của Tổng Giám đốc và Ban Tổng Giám đốc trong việc tiến hành bất kỳ một hoạt động quy chuẩn nào, với điều kiện phủ quyết đó là có cơ sở.

Hội đồng quản trị hiện tại của Công ty bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Đỗ Hùng Việt	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Lê Anh Minh	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Phạm Nghiêm Xuân Bắc	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Lê Thắng Cần	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Johan Nyvene	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Lê Hoàng Anh	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Lâm Hoài Anh	Thành viên Hội đồng quản trị

3.3. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên để thực hiện giám sát HĐQT, Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 (năm) năm; Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện các nhiệm vụ được giao, bao gồm:

- Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các nhiệm vụ của mình
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính
- Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị; trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh hàng năm và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên
- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan
- Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán
- Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết
- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc
- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban Tổng Giám đốc
- Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận
- Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Ban Tổng Giám đốc
- Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm d khoản 1 Điều 16 của Điều lệ

- Khi có yêu cầu kiểm tra của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm d khoản 1 Điều 16 của Điều lệ, Ban Kiểm soát phải thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải có báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị và không gây gián đoạn hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Khi có yêu cầu khởi kiện của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm i khoản 1 Điều 16 Điều lệ, Ban Kiểm soát phải trả lời bằng văn bản xác nhận đã nhận được yêu cầu khởi kiện và tiến hành các thủ tục khởi kiện theo yêu cầu của cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu khởi kiện.
- Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của Công ty.
- Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Tổng Giám đốc vi phạm pháp luật, Điều lệ công ty dẫn đến xâm phạm quyền và lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc khách hàng, xâm phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị và yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm, đồng thời có giải pháp nhằm khắc phục hậu quả. Nếu vi phạm đó nghiêm trọng hoặc thành viên vi phạm không chịu thực hiện chấm dứt, điều chỉnh hành vi vi phạm đúng thời hạn theo yêu cầu, Ban kiểm soát phải đề nghị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để đề xuất biện pháp giải quyết tiếp theo.
- Đối với trường hợp thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Tổng Giám đốc của Công ty vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật, Ban Kiểm soát phải trực tiếp báo cáo lên UBCK bằng văn bản trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát hiện vi phạm.
- Trường hợp kiểm soát viên biết rằng các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc vi phạm quy định của pháp luật, nguyên tắc quản trị và Điều lệ công ty, vì thế xâm phạm đến quyền và lợi ích của Công ty nhưng không thực hiện thông

báo, thực hiện trách nhiệm của mình theo quy định thì kiểm soát viên đó phải chịu trách nhiệm về những vấn đề có liên quan đến nhiệm vụ của mình.

- Các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Hiện tại, BKS của Công ty bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Võ Văn Châu	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Đoàn Văn Hình	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Đặng Nguyệt Minh	Thành viên Ban Kiểm soát

3.4. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao:

- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất
- Tổ chức thực hiện quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, kiến nghị hoặc ban hành quy chế quản lý nội bộ Công ty
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh phải được Hội đồng quản trị phê duyệt
- Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý

- Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ
- Ký kết hợp đồng nhân danh Công ty, trừ trường hợp các hợp đồng thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị
- Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Hội đồng quản trị
- Trình kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm lên Hội đồng quản trị
- Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình đề Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty
- Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty
- Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh
- Tuyển dụng lao động
- Các quyền và nhiệm vụ khác được quy định tại hợp đồng lao động mà Tổng Giám đốc ký với Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị
- Các quyền và nhiệm vụ khác do Công ty tự quy định phù hợp với pháp luật hiện hành

Hiện tại, Ban Giám đốc của Công ty bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Johan Nyvene	Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Hoài Giang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Công Thiện	Phó Tổng Giám đốc

3.5. Các phòng, ban chức năng

Có nhiệm vụ tham mưu cho Giám đốc về quản lý chỉ đạo trong lĩnh vực phụ trách, triển khai, cụ thể hóa công việc theo chỉ đạo của Ban Giám đốc Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

KHỐI KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

Khối Khách hàng Cá nhân bao gồm các bộ phận: Môi giới, Quản lý ủy thác, Nghiên cứu, Tư vấn quan hệ cổ đông, Phân phối

- Bộ phận Môi giới: có nhiệm vụ cung cấp các nghiệp vụ giao dịch để phục vụ cho nhu cầu giao dịch của các nhà đầu tư cá nhân trong và ngoài nước, tư vấn đầu tư, dịch vụ tài trợ giao dịch chứng khoán, quản lý tài khoản ủy thác.
- Bộ phận Nghiên cứu: có nhiệm vụ thu thập thông tin thị trường và cung cấp các báo cáo và nhận định về thị trường và công ty nhằm phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư cho các khách hàng cá nhân trong và ngoài nước.
- Bộ phận Tư vấn quan hệ cổ đông: có nhiệm vụ cung cấp các sản phẩm / dịch vụ quan hệ cổ đông cho doanh nghiệp.
- Bộ phận Phân phối: có nhiệm vụ phân phối các sản phẩm đầu tư tài chính.

KHỐI KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC

Khối Khách hàng Tổ chức bao gồm các bộ phận: Môi giới Khách hàng tổ chức, Nghiên cứu và Quan hệ doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.

- Bộ phận Môi giới Khách hàng tổ chức: có nhiệm vụ cung cấp các nghiệp vụ giao dịch để phục vụ cho nhu cầu giao dịch của các nhà đầu tư tổ chức trong và ngoài nước.
- Bộ phận Nghiên cứu: có nhiệm vụ thu thập và xử lý các thông tin thị trường, đưa ra các báo cáo phân tích về thị trường, về nền kinh tế, về ngành kinh tế, về công ty, báo cáo phân tích kỹ thuật và một số các phân tích đặc biệt khác phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư cho các khách hàng tổ chức.
- Quan hệ doanh nghiệp và tư vấn đầu tư: sắp xếp các cuộc gặp gỡ, trao đổi doanh nghiệp, xúc tiến cơ hội hợp tác, đầu tư.

KHỐI TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Khối tài chính doanh nghiệp có nhiệm vụ xây dựng quan hệ với các doanh nghiệp và các nhà đầu tư tổ chức, từ đó cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính sau đây: tư vấn niêm yết, tư vấn phát hành chứng khoán (IPO), tư vấn bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn huy động vốn, cổ phiếu, trái phiếu, tư vấn mua bán và sáp nhập doanh nghiệp, tư vấn cổ phần hóa, tư vấn tái

cấu trúc doanh nghiệp, tư vấn quản trị công ty, tư vấn quan hệ nhà đầu tư, tư vấn công bố thông tin cho các công ty đại chúng và niêm yết.

KHỐI ĐẦU TƯ

Khối Đầu tư bao gồm các bộ phận: Tự doanh và Nguồn vốn

Bộ phận tự doanh: sử dụng nguồn vốn của HSC thực hiện đầu tư các chứng khoán niêm yết, chứng khoán chưa niêm yết và các sản phẩm phái sinh (bao gồm hợp đồng tương lai chỉ số cổ phiếu), đảm nhiệm vai trò làm tổ chức tạo lập thị trường cho chứng chỉ quỹ ETF dựa trên chỉ số VN30, phát hành chứng quyền và làm tổ chức tạo lập thị trường và phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền.

Bộ phận nguồn vốn: Quản lý tài sản trên bảng cân đối của HSC thông qua hoạt động kinh doanh nguồn vốn nhân rồi. Các nghiệp vụ chính bao gồm đầu tư vào tiền gửi có kỳ hạn phù hợp với nhu cầu thanh khoản của HSC, đầu tư vào trái phiếu chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp, thực hiện các nghiệp vụ repo liên quan đến trái phiếu, thu xếp các nguồn vốn ngắn và dài hạn để cung cấp cho các bộ phận kinh doanh.

Quản lý rủi ro cho vay ký quỹ: chịu trách nhiệm trong quản lý danh mục cho vay phù hợp với chiến lược phát triển kinh doanh của HSC và đảm bảo tuân thủ quy định về cho vay ký quỹ hiện hành. Việc quản lý danh mục bao gồm việc lựa chọn danh mục cổ phiếu, xác định các giới hạn và tỷ lệ cho vay theo từng thời kỳ.

KHỐI QUẢN TRỊ RỦI RO

Khối Quản trị rủi ro bao gồm các bộ phận: Kiểm soát nội bộ, Pháp chế

- Bộ phận Kiểm soát nội bộ: Chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát tính tuân thủ đảm bảo các hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của Pháp luật và quy định nội bộ bao gồm: sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản công ty, báo cáo tài chính trung thực và hợp lý, ... thông qua các biện pháp kiểm soát thích hợp.
- Bộ phận Pháp chế: Thực hiện công việc mang tính pháp lý theo đúng các tiêu chuẩn đã được thiết lập trong ngành luật về thương lượng, rà soát hợp đồng, phê duyệt đề xuất đầu tư, quản lý các vụ việc tố tụng / tranh chấp, phát triển chính sách, quản trị cơ sở dữ liệu văn bản pháp luật và rủi ro pháp lý nhằm đảm bảo rằng các hoạt động của Công ty tuân thủ quy định nội bộ và quy định pháp luật có liên quan.

KHỐI VẬN HÀNH

Khối Vận hành bao gồm các bộ phận: Sáng kiến thay đổi, Quản lý giao dịch, Dịch vụ môi giới, Quản lý giao dịch ký quỹ, Nghiên cứu và Phát triển, Tài chính & Kế toán, Truyền thông, Nhân sự, Hành chính, Công nghệ thông tin

- Bộ phận Sáng kiến thay đổi có nhiệm vụ rà soát và phát triển hệ thống vận hành OEMS (Operational Excellence Management System) của HSC qua việc thể chế hóa, cải tiến và xâu chuỗi các qui trình kinh doanh/vận hành với hệ thống công nghệ và con người. Mục tiêu chính của OEMS là hỗ trợ HSC vận hành hiệu quả, linh hoạt, quản lý rủi ro tốt trong việc thực thi kế hoạch kinh doanh.
- Bộ phận Giao dịch và Dịch vụ: chịu trách nhiệm cung cấp các dịch vụ liên quan đến các sản phẩm của Công ty cho khách hàng. Đối với sản phẩm chứng khoán, các dịch vụ này bao gồm quản lý tài khoản đầu tư, quản lý sổ cổ đông, hỗ trợ cho các giao dịch OTC và các giao dịch mua bán chứng khoán, dịch lưu ký chứng khoán, và ủy thác đầu giá cho khách hàng. Đối với sản phẩm phái sinh, các dịch vụ cung cấp bao gồm quản lý tài khoản, ký quỹ và thanh toán bù trừ cho các tài khoản của khách hàng và tài khoản của Công ty.
- Bộ phận Quản lý giao dịch ký quỹ: có chức năng và nhiệm vụ quản lý vận hành như sau:

Đối với thị trường cơ sở, bộ phận có nhiệm vụ quản lý các hợp đồng và cấp hạn mức cho vay giao dịch ký quỹ của khách hàng, thông báo tăng giảm mã chứng khoán cho vay Giao dịch Ký quỹ, cập nhật, thay đổi trạng thái liên quan đến tài khoản giao dịch ký quỹ và mã chứng khoán giao dịch ký quỹ trên hệ thống, thông báo yêu cầu ký quỹ bổ sung, bán giải chấp tài sản đảm bảo để đưa tài khoản về ngưỡng an toàn, theo dõi và thu hồi nợ vay Giao dịch Ký quỹ.

Đối với thị trường phái sinh, bộ phận có nhiệm vụ quản lý sau giao dịch, thông báo bổ sung tiền ký quỹ, thực hiện đóng vị thế các tài khoản có trạng thái bắt buộc đóng vị thế.
- Bộ phận Nghiên cứu và phát triển: chịu trách nhiệm nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới cho Công ty, bao gồm các sản phẩm trên thị trường phái sinh như hợp đồng tương lai chỉ số và chứng quyền có bảo đảm. Các nghiệp vụ chính bao gồm thiết kế sản phẩm, lập hồ sơ phát hành, chuẩn bị các tài liệu hướng dẫn và tổ chức đào tạo về sản phẩm cho khách hàng và các phòng ban nội bộ của Công ty.
- Bộ phận Tài chính và kế toán: chịu trách nhiệm ghi nhận sổ sách theo ngày và theo tháng, lập báo cáo tổng hợp, báo cáo quản trị, báo cáo thuế và báo cáo cho các cơ quan chức năng. Lập các báo cáo chi tiết hàng tháng ngay sau khi tháng kinh doanh kết thúc, theo dõi việc thực hiện kế hoạch của các bộ phận kinh doanh và kế hoạch chi phí của các bộ phận trong Công ty.
- Bộ phận Truyền thông: có chức năng làm đầu mối của Công ty trong việc cung cấp các thông tin và thông điệp ra bên ngoài cho báo chí, thực hiện công bố thông tin và kiểm soát việc công bố thông tin theo quy định của pháp luật. Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển thương hiệu, quản lý hình ảnh công ty và kiểm soát, xử lý khủng hoảng thông tin, tổ chức các hoạt động sự kiện liên quan đến cổ đông, các hoạt động sự kiện nội bộ xây dựng

văn hóa công ty, tổ chức các hoạt động hỗ trợ cộng đồng theo tinh thần chia sẻ trách nhiệm xã hội của Công ty.

- **Bộ phận Nhân sự:** có nhiệm vụ tuyển dụng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, phân bổ nguồn nhân lực hợp lý để hỗ trợ các phòng ban khác và hỗ trợ sự phát triển chung của Công ty. Xây dựng các chế độ, chính sách đãi ngộ nhân viên, xây dựng và bình ổn môi trường làm việc, tạo dựng văn hóa trong Công ty.
- **Bộ phận Hành chính:** có nhiệm vụ quản lý tài sản của Công ty và hỗ trợ các phòng ban trong các công tác hành chính.
- **Bộ phận Công nghệ thông tin:** có hai vai trò chính: quản lý dịch vụ công nghệ thông tin và quản lý an ninh mạng. Đối với việc quản lý dịch vụ công nghệ thông tin, bộ phận CNTT có trách nhiệm phát triển hệ thống giao dịch lõi của HSC và đảm bảo hệ thống CNTT được duy trì liên tục. Đối với việc quản lý an ninh mạng, bộ phận CNTT có trách nhiệm đảm bảo an toàn dữ liệu của Công ty trước những nguy cơ mới liên quan đến an ninh mạng.

4. Danh sách cổ đông và cơ cấu cổ đông

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Danh sách cổ đông nắm trên 5% vốn cổ phần tại ngày 31/08/2018

STT	Tên cổ đông	Số CMND/CCCD/ Hộ chiếu/ĐKDN	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Dragon Capital Markets Limited (DC)	C00001	P.1901, Tầng 19, Mê Linh, Số 02 Ngô Đức Kế, Q.1, TP.HCM	39.278.810	30,27%
2	Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Tp. Hồ Chí Minh	300535140	33- 39 Pastuer, Quận 1, TP.HCM	37.500.000	28,90%
3	PXP Vietnam Emerging Equity Fund Linited	C00413	6th Floor, Oprera View Building, 161 Dong Khoi, Dist.1, HCMC, Vietnam	8.778.341	6,77%
Tổng cộng				85.557.151	65,94%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh)

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập

Danh sách cổ đông sáng lập và số cổ phần nắm giữ tại ngày 31/08/2018

STT	Tên cổ đông	Số CMND/CCCD/ Hộ chiếu/ĐKDN	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Tp. Hồ Chí Minh	300535140	33- 39 Pasteur, Quận 1, TP.HCM	37.500.000	28,90%

(Nguồn: CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh)

4.3. Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông Công ty tại ngày 31/08/2018

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đồng
1	Cổ đông trong nước	50.667.068	39,11%	3.324
	- Tổ chức	39.800.722	30,72%	65
	- Cá nhân	10.866.346	8,39%	3.259
2	Cổ đông nước ngoài	78.887.100	60,89%	214
	- Tổ chức	78.226.395	60,38%	67
	- Cá nhân	660.705	0,51%	147
Tổng cộng		129.554.168	100%	3.538

(Nguồn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh)

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành:
Không có

6. Giới thiệu quá trình tăng vốn:

Công ty được thành lập dưới hình thức Công ty cổ phần vào tháng 04/2003 với số vốn điều lệ là 50 tỷ đồng. Kể từ khi trở thành công ty cổ phần đến nay, Công ty đã thực hiện 7 đợt tăng vốn điều lệ nhằm mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh, chi tiết như sau:

❖ **Vốn điều lệ ban đầu:**

- Vốn điều lệ đăng ký: 50.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 50.000.000.000 đồng
- Hồ sơ pháp lý: Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 11/GPHĐKD ngày 29/04/2003 của UBCKNN

❖ **Tăng vốn lần 1 (năm 2006) từ 50.000.000.000 đồng lên 100.000.000.000 đồng**

- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 50.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 100.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu phát hành: 5.000.000 cổ phiếu
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: UBCKNN
- Phương thức tăng vốn:
 - Phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu
 - Số lượng phát hành: 4.000.000 cổ phiếu
 - Tỷ lệ phát hành: 5:4
 - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
 - Phát hành cho người lao động trong công ty
 - Số lượng phát hành: 1.000.000 cổ phiếu
 - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
- Thời điểm phát hành: Quý 2 – 3/ năm 2006
- Mục đích phát hành: bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh
- Hồ sơ pháp lý:
 - Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán điều chỉnh số 4103001573 ngày 17/10/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư TpHCM
 - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2006/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/04/2006

❖ **Tăng vốn lần 2 (năm 2007) từ 100.000.000.000 đồng lên 200.000.000.000 đồng**

- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 100.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 200.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu phát hành: 10.000.000 cổ phiếu

- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: UBCKNN
- Phương thức tăng vốn:
 - Phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu
 - Số lượng phát hành: 5.400.000 cổ phiếu
 - Tỷ lệ phát hành: 100: 54
 - Giá phát hành: 13.500 đồng/cổ phần
 - Phát hành riêng lẻ
 - Số lượng phát hành: 4.600.000 cổ phiếu
 - Giá phát hành: 56.000 đồng/cổ phần
- Giá phát hành:
 - Đối với cổ đông hiện hữu: 13.500 đồng/ cổ phần
 - Đối với cổ đông chiến lược: không thấp hơn 45.000 đồng/ cổ phần
- Mục đích phát hành: bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh.
- Hồ sơ pháp lý:
 - Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán điều chỉnh số 74/UBCK-GP ngày 27/09/2007 của UBCKNN
 - Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 102/UBCK-ĐKCB ngày 28/05/2007 của UBCKNN
 - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 03/2006/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/12/2006

❖ **Tăng vốn lần 3 (năm 2008) từ 200.000.000.000 đồng lên 394.634.000.000 đồng**

- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 200.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 394.634.000.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu phát hành: 19.463.400 cổ phiếu
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: UBCKNN
- Phương thức tăng vốn:
 - Phát hành cổ phiếu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần cho cổ đông hiện hữu
 - Số lượng phát hành: 999.950 cổ phiếu
 - Tỷ lệ phát hành: 20:1

- Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
 - o Số lượng phát hành: 13.987.945 cổ phiếu
 - o Tỷ lệ phát hành: 10:7
 - o Giá phát hành: 30.000 đồng/cổ phần
- Phát hành cho người lao động trong công ty
 - o Số lượng phát hành: 463.400 cổ phiếu
 - o Giá phát hành: 30.000 đồng/cổ phần
- Phát hành riêng lẻ
 - o Số lượng phát hành: 4.012.105 cổ phiếu
 - o Giá phát hành: 68.000 đồng/cổ phần
- Mục đích phát hành: bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh
- Thời điểm phát hành: Quý 4/ 2007 – Quý 2/ 2008
- Hồ sơ pháp lý:
 - Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán điều chỉnh số 130/UBCK-GPĐCCTCK ngày 09/06/2008 của UBCKNN
 - Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 206/UBCK-GCN ngày 02/11/2007 của UBCKNN
 - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2007/NQ-ĐHDCD, ngày 30/6/2007

❖ **Tăng vốn lần 4 (năm 2010) từ 394.634.000.000 đồng lên 599.996.860.000 đồng**

- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 394.634.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 599.996.860.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu phát hành: 20.536.286 cổ phiếu
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: UBCKNN
- Phương thức tăng vốn:
 - Phát hành cổ phiếu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần
 - o Số lượng phát hành: 19.699.386 cổ phiếu
 - o Tỷ lệ phát hành: 2:1
 - Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty (ESOP 2009)

- Số lượng phát hành: 836.900 cổ phiếu
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
- Thời điểm phát hành: Quý 1 – 2/ 2010
- Mục đích phát hành: bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh
- Hồ sơ pháp lý:
 - Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán điều chỉnh số 332/UBCK-GP ngày 11/06/2010 của UBCKNN
 - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 03/2009/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/12/2009

❖ **Tăng vốn lần 5 (năm 2011) từ 599.996.860.000 đồng lên 1.008.486.370.000 đồng**

- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 599.996.860.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 1.008.486.370.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu phát hành: 40.848.951 cổ phiếu
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: UBCKNN
- Phương thức tăng vốn:
 - Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
 - Số lượng phát hành: 39.848.951 cổ phiếu
 - Tỷ lệ phát hành: 3:2
 - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
 - Thời điểm phát hành: quý II, năm 2011
 - Phát hành cổ phiếu cho người lao động trong công ty từ nguồn Quỹ Khen thưởng phúc lợi của Công ty đến ngày 31/12/2010
 - Số lượng phát hành: 1.000.000 cổ phiếu
 - Thời điểm phát hành: quý 2, năm 2011
- Mục đích phát hành: Bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh, cụ thể như sau:
 - Giao dịch trái phiếu: 100.000.000.000 đồng
 - Tự doanh: 148.489.510.000 đồng
 - Bảo lãnh phát hành: 150.000.000.000 đồng
- Hồ sơ pháp lý:

- Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán điều chỉnh số 86/GPĐC-UBCK ngày 10/05/2012 của UBCKNN
- Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 77/UBCK-GCN ngày 28/07/2011 của UBCKNN
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2011/NQ -ĐHĐCĐ ngày 08/04/2011

❖ **Tăng vốn lần 6 (năm 2013) từ 1.008.486.370.000 đồng lên 1.272.567.580.000 đồng**

- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 1.008.486.370.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 1.272.567.580.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu phát hành: 26.408.121 cổ phiếu
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: UBCKNN
- Phương thức tăng vốn:
 - Phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu
 - Số lượng phát hành: 25.208.121 cổ phiếu
 - Tỷ lệ phát hành: 4:1
 - Phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động trong công ty
 - Số lượng phát hành: 1.200.000 cổ phiếu
 - Giá phát hành: 10.000 đồng trích từ nguồn Quỹ Khen thưởng phúc lợi của Công ty đến ngày 30/06/2013
- Thời điểm phát hành: Quý 2 - 3 năm 2013
- Mục đích phát hành: Bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh
- Hồ sơ pháp lý:
 - Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán điều chỉnh số 52/GPĐC-UBCK ngày 24/12/2013 của UBCKNN
 - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2013

❖ **Tăng vốn lần 7 (năm 2017) từ 1.272.567.580.000 đồng lên 1.297.567.580.000 đồng**

- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 1.272.567.580.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 1.297.567.580.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu phát hành: 2.500.000 cổ phiếu
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: UBCKNN

- Phương thức tăng vốn: Phát hành cổ phiếu cho người lao động trong công ty (ESOP 2016)
- Giá phát hành: 18.000 đồng/cổ phần
- Nguồn vốn phát hành:
 - Quỹ khen thưởng phúc lợi: 14.000.000.000 đồng
 - Nhân viên đóng góp: 31.000.000.000 đồng
- Thời điểm phát hành: Quý 4/2016 – Quý 1/ 2017
- Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh
- Hồ sơ pháp lý:
 - Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán điều chỉnh số 09/GPĐC-UBCK ngày 02/03/2017 của UBCKNN
 - Công văn số 383/UBCK-QLKD, ngày 17/1/2017 thông báo nhận đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu ESOP của UBCKNN
 - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2016/NQ - ĐHĐCĐ ngày 21/04/2016

7. Hoạt động kinh doanh

7.1. Sản phẩm dịch vụ chính:

HSC cung cấp đa dạng các dịch vụ tài chính cho các khách hàng cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp, toàn diện dựa trên những nghiên cứu có cơ sở đáng tin cậy. Tại HSC, chúng tôi đặt ra các tiêu chuẩn cao nhất về đạo đức nghề nghiệp, đảm bảo luôn cung cấp đầy đủ và trung thực thông tin đến khách hàng và đảm bảo rằng các khoản đầu tư của khách hàng được tư vấn thực hiện một cách an toàn và hiệu quả nhất.

a. Dịch vụ môi giới

- Mở tài khoản giao dịch
- Môi giới: cổ phiếu, trái phiếu, phái sinh, chứng chỉ quỹ
- Tư vấn & quản lý tài khoản
- Quản lý giao dịch tiền
- Lưu ký
- Phân phối chứng chỉ quỹ
- Báo cáo và quản lý sổ cổ đông cho cổ phiếu OTC

- Quản lý ủy thác
- Đại lý đấu giá IPO
- b. Dịch vụ tài chính**
 - Giao dịch ký quỹ
 - Ứng trước tiền bán
 - Môi giới, đấu thầu và repo trái phiếu chính phủ
 - Tài trợ vốn ngắn hạn cho đấu thầu trái phiếu chính phủ
- c. Giao dịch điện tử**
 - Web trading
 - Mobile trading
 - DMA & STP
 - FIX
 - OMGEO
 - Contact center
 - SMS
- d. Tư vấn tài chính doanh nghiệp**
 - Tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp
 - Tư vấn thoái vốn đầu tư cổ phần tại doanh nghiệp nhà nước
 - Tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp
 - Tư vấn tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp
 - Tư vấn niêm yết cổ phiếu trên TTCK
 - Tư vấn mua bán & sáp nhập doanh nghiệp (M&A)
- e. Tư vấn huy động vốn trên thị trường vốn trong và ngoài nước**
 - Tư vấn phát hành (đại chúng và riêng lẻ)
 - Bảo lãnh phát hành
 - Tư vấn thoái vốn
 - Tư vấn phát hành riêng lẻ
- f. Báo cáo phân tích thị trường**

- Vĩ mô & chiến lược
- Phân tích ngành
- Phân tích cổ phiếu
- Phân tích kỹ thuật
- Phân tích định giá cổ phiếu

g. Hỗ trợ khách hàng

- Tư vấn trực tiếp với chuyên viên phân tích
- Tổ chức cho khách hàng đi thăm doanh nghiệp
- Tổ chức hội thảo giới thiệu cơ hội đầu tư cho khách hàng tại Việt Nam và nước ngoài

h. Đầu tư tự doanh

- Cổ phiếu
- Trái phiếu
- Chứng chỉ quỹ
- Phái sinh
- Chứng quyền có bảo đảm

7.2. Cơ cấu doanh thu và lợi nhuận các hoạt động kinh doanh chính của Công ty giai đoạn năm 2016 – 2017, và lũy kế đến quý 3/2018

a. Cơ cấu doanh thu 2016, 2017 và lũy kế đến quý 3/2018

Đơn vị tính: triệu đồng

Hoạt động kinh doanh	Năm 2016		Năm 2017		% tăng giảm	Lũy kế đến quý 3/2018	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ		Giá trị	Tỷ lệ
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/ lỗ (FVTPL)	99.025	12,0%	428.248	27,8%	332%	797.684	41,0%
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	343.657	41,7%	439.219	28,5%	28%	405.746	20,8%

DT nghiệp vụ môi giới chứng khoán	348.957	42,3%	601.942	39,1%	72%	619.748	31,8%
DT nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	5.057	0,6%	6.724	0,4%	33%	6.301	0,3%
DT nghiệp vụ tư vấn tài chính	24.602	3,0%	45.179	2,9%	84%	114.309	5,9%
Thu nhập hoạt động khác	3.736	0,5%	19.010	1,2%	409%	3.879	0,2%
Tổng cộng	825.034	100%	1.540.322	100%	87%	1.947.667	100%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC quý 3 năm 2018 của CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh)

Cơ cấu doanh thu 2016, 2017:

Tất cả các mảng kinh doanh của HSC đều tăng trưởng mạnh trong năm 2017 giúp tổng doanh thu của Công ty đạt mức kỷ lục là 1.540 tỷ đồng, tăng 87% so với năm 2016.

Doanh thu phí môi giới tăng 72% và đạt mức 602 tỷ đồng nhờ vào khối lượng và giá trị giao dịch đều tăng. Lãi từ cho vay và phải thu tăng 28%, đạt 439 tỷ đồng và chiếm 29% tổng doanh thu, thấp hơn mức 42% trong năm 2016.

Hoạt động tự doanh ghi nhận mức tăng trưởng doanh thu cao nhất trong tất cả các mảng kinh doanh của HSC trong năm 2017. Trong điều kiện thị trường thuận lợi, doanh thu hoạt động tự doanh tăng gấp 4 lần so với kết quả năm 2016 và đóng góp 28% trong tổng doanh thu năm 2017 của HSC.

Mặc dù chỉ đóng góp một phần khiêm tốn trong tổng doanh thu 2017, nhưng doanh thu từ mảng tư vấn tài chính doanh nghiệp đạt mức tăng trưởng ấn tượng 84% so với năm 2016. Việc thực hiện thành công các giao dịch có quy mô và giá trị lớn như tư vấn huy động vốn cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Tp.HCM (HDBank), tư vấn và bảo lãnh phát hành cho Tổng Công ty Viglacera - CTCP, tư vấn phát hành trái phiếu cho Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.HCM, và tư vấn huy động vốn cho CTCP Thép Nam Kim, CTCP Đầu tư Phát triển Cường Thuận Idico, và các dịch vụ khác đã góp phần nâng tầm vị thế và chiến lược phát triển kinh doanh của HSC.

Cơ cấu doanh thu lũy kế đến quý 3/2018:

Doanh thu lũy kế đến quý 3/2018 tăng hơn gấp đôi so với cùng kỳ năm 2017 và ghi nhận sự tăng trưởng doanh thu ở tất cả các mảng kinh doanh.

Doanh thu môi giới tăng 89% so với cùng kỳ năm trước, ảnh hưởng bởi sự gia tăng giá trị giao dịch toàn thị trường và nỗ lực gia tăng thị phần môi giới của HSC giữa 2 kỳ so sánh. Cùng với sự gia tăng của giá trị giao dịch, doanh thu lãi từ giao dịch ký quỹ đến quý 3/2018 cũng có mức tăng trưởng 32% so với cùng kỳ 2017.

Doanh thu hoạt động tự doanh ghi nhận mức tăng trưởng mạnh nhất với 311% và đóng góp 41% tổng doanh thu tính đến quý 3/2018.

Doanh thu tư vấn tài chính cũng có mức tăng ấn tượng là 274% so với cùng kỳ 2017 với nguồn thu lớn từ các thương vụ tư vấn.

b. Cơ cấu lợi nhuận gộp 2016, 2017 và lũy kế đến quý 3/2018

Đơn vị tính: triệu đồng

Lĩnh vực kinh doanh	Năm 2016		Năm 2017		% tăng giảm	Lũy kế đến quý 3/2018	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ		Giá trị	Tỷ lệ
Lợi nhuận từ môi giới và dịch vụ	142.087	36,9%	181.728	26,2%	28%	57.281	7,6%
Lợi nhuận từ tự doanh	45.967	11,9%	262.508	37,9%	471%	276.739	36,7%
Lợi nhuận từ kinh doanh vốn	181.494	47,1%	206.469	29,8%	14%	338.160	44,9%
Lợi nhuận từ tư vấn	14.606	3,8%	25.368	3,7%	74%	77.990	10,4%
Lợi nhuận khác	1.229	0,3%	16.529	2,4%	1245%	3.215	0,4%
Tổng cộng	385.383	100%	692.602	100%	80%	753.385	100%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC quý 3 năm 2018 của CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh)

Cơ cấu lợi nhuận gộp 2016, 2017

Lợi nhuận từ môi giới, tự doanh và kinh doanh vốn là 3 mảng đóng góp chủ yếu vào lợi nhuận của HSC qua 2 năm 2016 và 2017 và đều tăng trưởng về giá trị tuyệt đối so với năm 2016.

Xét về tỷ trọng đóng góp trong tổng lợi nhuận, lợi nhuận từ tự doanh đã tăng lên 38% từ mức 12% trong năm 2016, trong khi lợi nhuận từ môi giới và kinh doanh vốn có mức đóng góp thấp hơn trong tổng lợi nhuận so với năm 2016.

Cơ cấu lợi nhuận gộp tính đến quý 3/2018

Lợi nhuận tính đến quý 3/2018 ghi nhận mức đóng góp 45% từ hoạt động kinh doanh vốn và gần 37% từ hoạt động tự doanh. Kết quả ấn tượng này có được thì việc tăng trưởng của hoạt động cho vay margin và hiện thực hóa lợi nhuận từ danh mục đầu tư từ năm 2017 khi thị trường chứng khoán tiếp tục tăng trưởng trong quý 1/2018 và quý 2/2018.

Hoạt động tự vấn và môi giới là 2 mảng có đóng góp lớn tiếp theo trong tổng lợi nhuận 3 quý đầu năm 2018, trong đó mảng tự vấn có mức tăng trưởng hơn 2 lần so với cùng kỳ năm 2017.

7.3. Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh

Do tính chất chuyên biệt là một công ty hoạt động trong lĩnh vực tài chính và chứng khoán, cơ cấu chi phí của HSC bao gồm hai loại chi phí chủ yếu là chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán và chi phí quản lý doanh nghiệp thể hiện qua thông kê sau:

a. Cơ cấu chi phí năm 2016, 2017 và lũy kế đến quý 3/2018:

Chi phí	Năm 2016		Năm 2017		%	Lũy kế đến quý 3/2018	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Chi phí hoạt động	347.685	79,1%	724.720	85,5%	108%	1.068.887	89,3%
Lỗ các tài sản tài							
chính ghi nhận thông	17.765	4,0%	158.409	18,7%	792%	537.518	44,9%
qua lãi/ lỗ (FVTPL)							
Chi phí dự phòng tài							
sản tài chính, xử lý							
tồn thất các khoản							
phải thu khó đòi và lỗ	65.564	14,9%	156.025	18,4%	138%	133.783	11,2%
suy giảm tài sản tài							
chính và Chi phí đi							
vay của các khoản cho							
vay							
Chi phí hoạt động tự	23.567	5,4%	100.064	11,8%	325%	124.841	10,4%

doanh

Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	206.831	47,0%	285.215	33,6%	38%	258.069	21,6%
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	5.096	1,2%	6.897	0,8%	35%	7.655	0,6%
Chi phí nghiệp vụ tư vấn tài chính	9.996	2,3%	8.970	1,1%	-10%	6.277	0,5%
Chi phí các dịch vụ khác	18.866	4,3%	9.140	1,1%	-52%	743	0,1%
Chi phí QLDN	91.966	20,9%	123.000	14,5%	34%	127.602	10,7%
Tổng cộng	439.651	100%	847.720	100%	93%	1.196.489	100%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC quý 3 năm 2018 của CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh)

b. So sánh chi phí trên doanh thu:

Đơn vị: triệu đồng

Chi phí	Năm 2016		Năm 2017		%	Lũy kế đến quý 3/2018	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu thuần	825.034	100%	1.540.322	100%	87%	1.947.667	100%
Chi phí hoạt động	347.685	42,1%	724.720	47,0%	108%	1.068.887	54,9%
Lỗi các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/ lỗ (FVTPL)	17.765	2,2%	158.409	10,3%	792%	537.518	27,6%
Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	65.564	7,9%	156.025	10,1%	138%	133.783	6,9%
Chi phí hoạt động tự	23.567	2,9%	100.064	6,5%	325%	124.841	6,4%

doanh							
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	206.831	25,1%	285.215	18,5%	38%	258.069	13,3%
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	5.096	0,6%	6.897	0,4%	35%	7.655	0,4%
Chi phí nghiệp vụ tư vấn tài chính	9.996	1,2%	8.970	0,6%	-10%	6.277	0,3%
Chi phí các dịch vụ khác	18.866	2,3%	9.140	0,6%	-52%	743	0,04%
Chi phí QLDN	91.966	11,1%	123.000	8,0%	34%	127.602	6,6%
Tổng chi phí so sánh với doanh thu	439.651	53,3%	847.720	55,0%	93%	1.196.489	61,4%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC quý 3 năm 2018 của CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh)

7.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ của Công ty

Quý 3 năm 2018, theo báo cáo từ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, top đầu thị phần luôn luôn là những cái tên quen thuộc như SSI, HSC, VNDirect, VCSC ... Trong đó thị phần của HSC tại sàn UpCom đạt 5,51% đứng thứ 7; tại sàn HNX đạt 9,42%, đứng thứ 3; tại sàn HSX đạt 11,51% đứng thứ 2. Về thị phần trái phiếu, Công ty cũng luôn nằm trong top 5 Công ty có thị phần môi giới trái phiếu cao nhất.

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Lũy kế đến quý 3/2018
Tỷ suất lợi nhuận gộp	46,71%	44,96%	38,68%
Lợi nhuận trước thuế	385.383	692.602	753.385
Lợi nhuận sau thuế	304.530	554.059	603.364
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	36,91%	35,97%	30,98%
ROA	9,1%	10,8%	9,8%

ROE	13,0%	21,4%	20,6%
-----	-------	-------	-------

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC quý 3/2018 của CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh)

Các chỉ số lợi nhuận trên vốn và trên tổng tài sản tăng lên 21,4% và 10,8% trong năm 2017, là các mức cao trong nhiều năm của HSC và cao so với các công ty trong ngành.

Như đã đề cập ở phần trên, lợi nhuận qua 2 năm và lũy kế đến quý 3/2018 có mức tăng trưởng ấn tượng và cùng chiều với tăng trưởng của doanh thu đã giúp tỷ suất lợi nhuận luôn duy trì ở mức cao, phản ánh hiệu quả trong kinh doanh của HSC qua từng giai đoạn so sánh.

7.5. Trình độ công nghệ

Phát triển Công Nghệ Thông Tin (“CNTT”) là một trong các trọng tâm của Công ty, HSC không ngừng nâng cao năng lực CNTT nhằm cung cấp cho khách hàng các sản phẩm, dịch vụ và trải nghiệm độc đáo, khác biệt trên nền tảng giao dịch tích hợp. Hệ thống CNTT ngoài việc giúp khách hàng của HSC trải nghiệm dịch vụ một cách tiện lợi, đầy đủ chức năng theo tiêu chuẩn quốc tế đồng thời hỗ trợ các nghiệp vụ kinh doanh một cách tích cực, tự động hóa qui trình giúp gia tăng hiệu quả công việc dựa trên các đặc điểm sau:

7.5.1. Tăng cường dịch vụ, trải nghiệm khách hàng, đảm bảo độ hài lòng cao nhất

Kết hợp với sự hiểu biết sâu rộng về nhu cầu của khách hàng, thị trường của ban điều hành, hệ thống CNTT được thiết kế phù hợp với yêu cầu về dịch vụ, đảm bảo khách hàng được kết nối trên tất cả các thiết bị, sử dụng dễ dàng, phương thức giao dịch theo quy chuẩn quốc tế.

Hệ thống giao dịch được kết nối với các mạng giao dịch quốc tế như Bloomberg, Reuters giúp khách hàng tiếp cận dịch vụ của HSC trên toàn thế giới. Hệ thống giao dịch chứng khoán và giao dịch phái sinh được triển khai theo các thức giao dịch chuẩn ở các thị trường phát triển, giúp khách hàng sử dụng dễ dàng, đơn giản trên nhiều loại thiết bị khác nhau (Điện thoại, máy tính bảng, web, ứng dụng cài đặt trên PC, laptop). Các ứng dụng HSC triển khai đều hầu hết trở thành quy chuẩn cho toàn thị trường.

7.5.2. Tăng cường tự động hóa, đảm bảo chất lượng dịch vụ

Hệ thống giao dịch được thiết kế các tính năng tự động hóa cao, giúp các thao tác nghiệp vụ đơn giản, chính xác và tuân thủ theo qui trình đề ra. Các tham số được cài đặt trong hệ thống

giúp việc kiểm soát chặt chẽ và chính xác, đảm bảo chất lượng dịch vụ. Các nghiệp vụ phức tạp cũng dần được tự động hóa.

Bộ phận Công nghệ Thông tin (“CNTT”) của HSC đã triển khai thành công hạ tầng CNTT và các quy trình cần thiết để tích hợp hệ thống tạo lập thị trường hỗ trợ giao dịch Covered Warrant và Chứng chỉ quỹ ETF vào hệ thống lõi. Công việc này bao gồm việc phát triển và tích hợp hệ thống tạo lập thị trường Horizon – một hệ thống giao dịch có độ trễ thấp, dễ dàng nâng cấp, hỗ trợ đồng thời hoạt động giao dịch và tạo lập thị trường cho các sản phẩm. Hệ thống này cũng được hỗ trợ khả năng xử lý giao dịch theo thuật toán tiên tiến có thể giúp HSC phát triển, thử nghiệm, và triển khai các chiến lược giao dịch tự động một cách nhanh chóng. Các quy trình hỗ trợ nhà đầu tư nước ngoài với toàn khoản Omnibus cũng đang hoàn thiện và sẽ tích hợp vào hệ thống. Ngoài ra hệ thống quản lý lệnh cho nhà đầu tư tổ chức cũng được thiết kế và triển khai trong thời gian sắp tới giúp bộ phận nghiệp vụ cung cấp dịch vụ tốt hơn cho khách hàng.

7.5.3. Đảm bảo độ tin cậy, an toàn và bảo mật

HSC chú trọng vào việc đảm bảo khách hàng giao dịch trên hệ thống hiện đại và tin cậy, hệ thống phân quyền chi tiết, đảm bảo bảo mật thông tin khách hàng. HSC đã triển khai hệ thống DR (hệ thống phòng ngừa thảm họa) và đồng bộ dữ liệu quan trọng liên tục, đảm bảo độ chính xác và an toàn cho dữ liệu khách hàng và dữ liệu kinh doanh.

Với sự tuân thủ quy trình bảo mật ISO 27001, hệ thống quản lý an toàn thông tin (ISMS) triển khai các luật lệ, qui định và hướng dẫn thực hiện đến từng tác vụ hằng ngày, đảm bảo các tác vụ được thực hiện và kiểm tra định kỳ. Hệ thống tường lửa (Firewall) 2 lớp và hệ thống phát hiện và ngăn ngừa xâm nhập trái phép (IDS, IPS) kết hợp hệ thống bảo vệ máy tính cá nhân (Endpoint Protection, Web Proxy) đảm bảo các máy chủ và máy trạm trong công ty hoạt động an toàn.

7.6. Tình hình nghiên cứu phát triển sản phẩm mới

Trong năm 2018 bộ phận Dịch vụ Chứng khoán sẽ tiếp tục mở rộng thêm hai phân khúc sản phẩm mới là Chứng chỉ quỹ và Chứng quyền có bảo đảm. Với lợi thế sở hữu cơ sở hạ tầng mạnh mẽ cùng với vai trò tạo lập thị trường, HSC kỳ vọng sẽ đạt được tăng trưởng cao trong cả hai phân khúc. Để đạt được điều đó, bộ phận này sẽ tiếp tục hoàn thiện quy trình nghiệp vụ để tối ưu hơn nữa sản phẩm dịch vụ:

- Phát triển dịch vụ giao dịch hợp đồng tương lai cho khách hàng tổ chức – HSC đang cộng tác với VSD, SSC, và các ngân hàng lưu ký để soạn thảo và chuẩn bị các quy định pháp lý, hệ thống giao dịch, quy trình thanh toán bù trừ để các nhà đầu tư nước ngoài dễ dàng tiếp cận vào thị trường phái sinh.
- Hoàn thiện giao diện hiển thị của hệ thống giao dịch HSC WinnerTrade và các báo cáo giao dịch phái sinh.
- Phát triển dịch vụ giao dịch sản phẩm hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ - được kỳ vọng sẽ chính thức triển khai vào quý 3 hoặc quý 4 năm 2018.
- Triển khai Tài khoản Tổng (Omnibus Account) cho các Công ty quản lý quỹ và các Công ty chứng khoán nước ngoài.
- Triển khai sản phẩm chứng quyền có bảo đảm trong năm 2018 – một kênh đầu tư mới cho các nhà đầu tư. HSC sẽ cho triển khai sản phẩm chứng quyền có bảo đảm đầu tiên cho những cổ phiếu có vốn hóa lớn trong chỉ số VN30 trong năm 2018.
- Chuẩn bị cung cấp một nghiệp vụ mới: thực hiện giao dịch trong ngày cho các cổ phiếu chờ về khi các quy định pháp lý liên quan đến nghiệp vụ này đã sẵn sàng ở Việt Nam.

7.7. Hoạt động Truyền thông

Với phương châm lấy tính minh bạch làm kim chỉ nam cho mọi hoạt động của mình, HSC luôn chú trọng đến các hoạt động marketing nói riêng và truyền thông nói chung, nhằm đảm bảo mang lại giá trị tốt nhất cho cổ đông và khách hàng. Trong những năm qua, HSC đã phát triển các kênh truyền thông sau đây để quảng bá hình ảnh Công ty và những ảnh hưởng tích cực mà Công ty mang đến cho xã hội:

- Đối với cổ đông, HSC hằng năm tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên nhằm báo cáo kết quả hoạt động trong năm vừa qua, đề ra kế hoạch doanh thu lợi nhuận cho các năm tiếp theo, cũng như xin lấy ý kiến của cổ đông về những vấn đề khác nhau. Bên cạnh đó, HSC cũng xuất bản định kỳ các ấn phẩm như Báo cáo thường niên, Báo cáo phát triển bền vững.

- Đối với khách hàng và nhà đầu tư, HSC luôn thường xuyên tổ chức các hội thảo, hội nghị tìm cơ hội đầu tư mới, và các buổi đào tạo nhằm giúp nhà đầu tư có cái nhìn tổng quát hơn về thị trường cũng như trau dồi thêm kỹ năng phân tích của mình.
- Đối với các cơ quan truyền thông, ngoài các cuộc hội thảo, hội nghị được tổ chức định kỳ (điển hình như hội nghị Vietnam Conference do HSC và Dragon Capital đồng tổ chức hàng năm) thì Công ty cũng thường xuyên tổ chức các cuộc họp Analyst Briefing với các chuyên viên phân tích đến từ các quỹ và nhà đầu tư tổ chức trong và ngoài nước, phỏng vấn cho giới báo chí nhằm cung cấp thông tin về hoạt động kinh doanh cũng như truyền tải thông điệp của HSC cho khách hàng và nhà đầu tư tiềm năng.
- Đối với các hiệp hội, HSC hiện đang là thành viên của Diễn đàn Kinh tế Tư nhân Việt Nam (VPSF), Hiệp hội các nhà Đầu tư Tài chính Việt Nam (VAFI), Hiệp hội kinh doanh Chứng khoán (VASB), Hiệp hội Thị trường Trái phiếu Việt Nam (VBMA), Hội đồng Doanh nghiệp vì sự bền vững Việt Nam (VBSD), CEO Club. Sự hiện diện của HSC trong các hiệp hội doanh nghiệp lớn tại Việt Nam đã và đang củng cố hình ảnh của Công ty là một trong những công ty chứng khoán hàng đầu thị trường.
- Đối với cộng đồng, với phương châm mang lại ảnh hưởng tích cực cho xã hội, HSC cùng với các tổ chức nhân đạo thường xuyên tổ chức các sự kiện từ thiện và quyên góp, các hoạt động hỗ trợ cho người khuyết tật, người già neo đơn ... Đây vừa là một phần truyền thống của HSC vừa là nỗ lực của Công ty trong việc xây dựng hình ảnh là một trong những công ty tiên phong trong hoạt động xã hội. Điển hình như trong năm 2017 vừa qua Công ty đã tổ chức hiến máu nhân đạo được hơn 13.500 ml máu, tổ chức quyên góp gây quỹ cho 170 học sinh dân tộc ở Lào Cai, tặng máy tính cho giáo viên và học sinh ở Thái Bình, thành lập Quỹ Nhân Văn do nhân viên tự nguyện trích lập ...
- Đối với đối tượng học sinh, sinh viên, HSC hằng năm đều tổ chức các hội thảo chuyên đề ở các trường đại học với mục đích cung cấp chương trình định hướng nghề nghiệp, giới thiệu cơ hội làm việc và thực tập. Một số trường đại học HSC đã làm việc trong năm 2017 qua bao gồm: trường Đại học Ngoại Thương (FTU), trường Đại học Ngân hàng, trường Đại học Kinh tế và Tài chính (UEF), trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (UEH) ... Đồng thời HSC cũng là nhà tài trợ cao cấp cho tổ chức Students

of Educational Opportunity Vietnam (“SEO”), mang đến những cơ hội thực tập và tư vấn phát triển nghề nghiệp cho các bạn sinh viên.

7.8. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

HSC có tên đầy đủ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Với định hướng là một doanh nghiệp trẻ, năng động, nhạy bén với các cơ hội và diễn biến của thị trường tài chính, HSC đã có nhiều đóng góp tích cực cho sự phát triển của đất nước.

Nhãn hiệu thương mại: Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Tên tiếng Anh: Ho Chi Minh City Securities Corporation

Logo Công ty:



7.9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Danh sách các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Tên	Trị giá/năm	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Đối tác
Hội Sở AB Tower	8,948,879,399	5/1/2010	01/05/2010-30/04/2050	Thuê Văn Phòng	Công Ty Cổ Phần Phát Triển A&B
Chi Nhánh Thái Văn Lung	2,494,377,600	7/1/2009	15/06/2017-14/06/2019	Thuê Văn Phòng	Công Ty TNHH Ròng Bay
PGD Trần Hưng Đạo	1,731,840,000	12/30/2009	01/04/2017-31/03/2018	Thuê Văn Phòng	Công Ty TNHH TMDV Địa Ốc Tân Nguyên Thành
PGD Nguyễn Thị Minh Khai	3,645,021,600	2/8/2018	08/02/2018-07/02/2023	Thuê Văn Phòng	Báo Sài Gòn Giải Phóng
PGD Quận 4	10,626,415,800	6/1/2018	01/06/2018-31/05/2023	Thuê Văn Phòng	Công Ty CP BĐS Song Mai
PGD Nguyễn Văn Trỗi	2,065,206,000	12/1/2014	01/12/2014-30/11/2019	Thuê Văn Phòng	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Nguyên Vũ
Chi Nhánh Phan Chu Trinh	4,450,045,956	3/1/2017	01/03/2017-28/02/2022	Thuê Văn Phòng	Công Ty TNHH DAIBIRU CSB
PGD VCCI	4,582,940,686	12/1/2015	01/12/2015-30/11/2020	Thuê Văn Phòng	Công Ty TNHH SATURN
PGD Láng Hạ	2,753,871,183	3/1/2015	01/03/2015-28/02/2020	Thuê Văn Phòng	TCT CP XNK và XD Việt Nam (VINACONEX)

PGD Hoàn Kiếm	3,267,840,000	7/1/2009	10/08/2017- 10/08/2019	Thuê Văn Phòng	Công Ty TNHH Đầu Tư Thương Mại và Dịch Vụ Nam Long
Tổng	44,566,438,224				

(Nguồn: CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh)

8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

8.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

Kết quả hoạt động kinh doanh giai đoạn 2016, 2017 và lũy kế đến quý 3/2018

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	%Tăng/giảm 2016-2017	Lũy kế đến quý 3/2018
Tổng tài sản	3.616.842	6.680.572	85%	5.640.548
Doanh thu hoạt động	825.034	1.540.322	87%	1.947.667
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	385.383	692.602	80%	753.385
Lợi nhuận sau thuế	304.530	554.059	82%	603.364
Tỉ lệ trả cổ tức	17%	21%	24%	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC quý 3/2018 của CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh)

Tổng tài sản năm 2017 tăng hơn 3.000 tỷ đồng so với cuối năm 2016 do tăng thêm đầu tư vào tài sản tài chính và tăng dư nợ cho vay margin ảnh hưởng từ tăng trưởng tích cực của thị trường chứng khoán Việt Nam. Bên cạnh đó, doanh thu và lợi nhuận đều có sự tăng trưởng trong tất cả các mảng kinh doanh như đã đề cập ở trên.

8.2. Ý kiến kiểm toán tại Báo cáo tài chính kiểm toán năm tài chính 2017

“Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động”

8.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

Cùng với sự tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2017, giá trị giao dịch chứng khoán qua HSC cũng đã tăng 67%, cao hơn mức tăng trưởng của toàn thị trường và đạt 285 ngàn tỷ đồng (năm 2016: 171 ngàn tỷ đồng). Tương ứng với sự gia tăng giá trị giao dịch qua HSC, thị phần môi giới của HSC năm 2017 đạt mức 11,3%, tăng nhẹ so với mức thị phần 11,2% của năm 2016.

Thanh khoản thị trường tăng mạnh trong năm 2017 cũng thúc đẩy nhu cầu sử dụng margin trong các giao dịch tăng mạnh, lợi nhuận từ hoạt động cho vay margin tại HSC vì thế cũng có mức tăng trưởng đáng kể. Cùng với diễn biến thuận lợi của thị trường chứng khoán và tăng trưởng của nền kinh tế đã tạo đà tâm lý tích cực cho nhà đầu tư tham gia giao dịch trên thị trường, cả các nhà đầu tư mới và các nhà đầu tư cũ trước đây ít giao dịch. Kết quả đạt được rất khả quan khi VN-Index tiệm cận mốc 1.000 điểm trong tháng 12/2017 và đạt mức thanh khoản cao kỷ lục. HSC đã tận dụng tốt cơ hội của thị trường để gia tăng tỷ trọng đầu tư vào hoạt động tự doanh và đem lại kết quả ấn tượng trong năm 2017.

Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp được hưởng lợi khi kinh tế tăng trưởng cao và thị trường chứng khoán sôi động. Nhiều doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân tiến hành các đợt chào bán chứng khoán ra công chúng đã tạo ra nhiều cơ hội cho đội ngũ tư vấn tài chính doanh nghiệp của HSC. Là một tổ chức tư vấn có tên tuổi và đáng tin cậy, HSC đã thực hiện thành công nhiều hợp đồng tư vấn giúp các công ty huy động vốn thông qua phát hành cổ phiếu, trái phiếu hoặc chào bán lần đầu ra công chúng, cũng như giúp các doanh nghiệp niêm yết cổ phần trên thị trường chứng khoán. Trong năm 2017, hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp ghi nhận doanh thu hơn 45 tỷ đồng, tương đương với mức tăng trưởng ấn tượng hơn 84% so với cùng kỳ và vượt kế hoạch 37%.

9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

9.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Là một trong những công ty chứng khoán đầu tiên được thành lập và hoạt động tại Việt Nam, HSC đã đạt được những vị thế nhất định trong ngành chứng khoán – tài chính sau hơn 15 năm hoạt động và phát triển. Về quy mô hoạt động, HSC liên tục là một trong những công ty có vốn điều lệ và tổng tài sản lớn nhất trên thị trường từ lúc hình thành cho đến nay. Đến tháng 9 năm 2018, HSC có 619 nhân viên, 1 chi nhánh và 8 Phòng Giao dịch ở Thành phố Hồ

Chí Minh và Hà Nội, với 4 mảng hoạt động chính là môi giới chứng khoán, nghiên cứu, tài chính doanh nghiệp, và tự doanh. Trong những năm qua, thị trường chứng khoán Việt Nam có nhiều khởi sắc rõ rệt, hoạt động kinh doanh Công ty được mở rộng đáng kể, nhưng cũng vướng phải cạnh tranh khốc liệt từ các công ty chứng khoán khác.

Toàn thị trường tính đến năm 2017 có hơn 70 công ty chứng khoán lớn nhỏ, nhưng HSC luôn nằm trong top những công ty dẫn đầu, với 11,2% toàn bộ khách hàng trên 2 sàn giao dịch trong năm qua; trong đó chủ yếu từ sàn HSX. Trong tương lai khi thị trường chứng khoán tiếp tục phát triển bền vững, với năng lực về tài chính, nhân sự, cùng sự minh bạch trong quản trị và linh hoạt trong điều hành, HSC tin tưởng sẽ phát huy được các tiềm năng hiện có và vươn lên chiếm lĩnh vị thế đứng đầu trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

9.2. Triển vọng phát triển của ngành

Sau đà bứt phá được đánh giá là cao nhất trong vòng 10 năm trở lại đây, thị trường chứng khoán Việt Nam tiếp tục được nhận định sẽ tiếp tục đà tăng trưởng mạnh mẽ trong năm 2018 và năm 2019. Dòng vốn nước ngoài được dự kiến sẽ tiếp tục chảy vào thị trường, chủ yếu đến từ Hàn Quốc, Đài Loan, Trung Quốc, Thái Lan ... Trong năm 2017 nhà đầu tư nước ngoài mua ròng gần 26.000 tỷ đồng cổ phiếu, tổng giá trị danh mục tăng mạnh 81% so với cuối năm trước. Những con số trên cho thấy nhà đầu tư nước ngoài càng ngày càng chú ý vào thị trường Việt Nam, và hứa hẹn trong tương lai dòng tiền từ nhà đầu tư nước ngoài sẽ tiếp tục chảy vào thị trường chứng khoán trong nước.

9 tháng đầu năm 2018 ghi nhận sự biến động lớn trên thị trường chứng khoán toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng. Tính từ đầu năm, chỉ số VN Index có lúc tăng 22% đạt 1,200 – cao nhất kể từ 2008. Bất ổn địa chính trị thế giới và lí do nội tại của TTCK Việt Nam đã kéo chỉ số VN Index sụt giảm mạnh trong quý 2. Đến hết tháng 9/2018, VN Index đã lấy được đà hồi phục và tăng 3% so với đầu năm. Tuy rằng kết quả này khá khiêm tốn so với mức tăng trưởng ấn tượng của năm 2017, nhưng nếu so với diễn biến của các thị trường mới nổi khác trong khu vực như Trung Quốc, Indonesia, Philippines..., thị trường chứng khoán Việt Nam cho thấy sự ổn định hơn hẳn. Hiện thị trường chứng khoán Việt Nam bao gồm thị trường cơ sở, trái phiếu chính phủ và phái sinh có quy mô gấp 4 lần năm 2012 và tương đương 117% GDP.

Bên cạnh đó, việc thoái vốn các Công ty Nhà nước cũng sẽ là một động lực chính cho thị trường: trong khi năm 2017 chỉ thoái vốn 135 doanh nghiệp thì sang năm 2018 con số này sẽ

tăng lên 181 doanh nghiệp, và 2 năm tiếp theo thoái gần 90 doanh nghiệp nữa. Theo kế hoạch, tổng số vốn dự kiến thoái trong giai đoạn 2017 – 2020 là gần 65.000 tỷ đồng. Việc thoái vốn các công ty nhà nước được kỳ vọng sẽ mang lại không chỉ nguồn vốn mới cho thị trường mà còn giúp tăng thanh khoản và độ minh bạch của các công ty được thoái vốn.

Triển vọng vĩ mô Việt Nam giai đoạn 2018-2020 được dự báo kéo dài đà tăng trưởng ổn định và tích cực. Việc thị trường chứng khoán Việt Nam được đưa vào danh sách theo dõi nâng hạng của FTSE là một yếu tố có ảnh hưởng rất tích cực đến triển vọng phát triển của thị trường, dự báo sẽ thu hút một lượng lớn vốn đầu tư ngoại trong tương lai gần. Với những điểm sáng như vậy, thị trường chứng khoán Việt Nam đang dần hoàn thiện để trở nên minh bạch và hiệu quả hơn, thu hút được lượng vốn đầu lớn của nhà đầu tư trong và ngoài nước, đạt mục tiêu được công nhận là thị trường mới nổi như chính phủ đã đề ra.

9.3. So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành

Hiện nay trên sàn chứng khoán có hơn 70 công ty lớn nhỏ kinh doanh ngành nghề môi giới và đầu tư chứng khoán, tuy nhiên không phải công ty nào cũng có quy mô về doanh thu hay vốn chủ sở hữu như HSC. Dưới đây là bảng so sánh một số công ty cùng ngành có quy mô lớn tương tự hiện đang niêm yết cổ phiếu nhằm cung cấp thêm thông tin cho nhà đầu tư:

Tên doanh nghiệp (Mã cổ phiếu)	Tổng tài sản tại 30/06/2018	Số lượng CP tại 30/06/2018	Doanh thu 6 tháng 2018	LNST 6 tháng năm 2018
Công ty Cổ phần Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HSC)	4.604.562	129.756.758	1.529.166	471.871
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)	20.473.041	500.063.684	1.920.525	717.010
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT (VND)	9.508.652	220.430.169	854.485	224.284
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt (VCI)	7.919.210	120.000.000	1.027.928	530.641
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội (SHS) (*)	5.027.663	105.395.674	654.874	175.269

Đơn vị: triệu đồng

Nguồn: BCTC hợp nhất bán niên 2018 đã được soát xét của các công ty

() BCTC riêng quý 2/2018*

10. Chính sách đối với người lao động

10.1. Số lượng người lao động trong Công ty

Tính đến thời điểm 30/09/2018, HSC có tổng số 651 lao động. Cán bộ nhân viên của HSC chủ yếu là các cán bộ có trình độ Đại học trở lên được đào tạo tại các trường Đại học uy tín trong và ngoài nước về trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán và quản trị kinh doanh. Cơ cấu lao động theo trình độ tính đến ngày 30/09/2018 được phân bổ như sau:

Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 30/09/2018

Cơ cấu lao động	Số người	Tỷ lệ (%)
Phân theo trình độ lao động	651	100%
Đại học và trên đại học	619	95.08%
Cao đẳng	10	1.54%
Trung cấp nghề	1	0.15%
Phổ thông trung học	21	3.23%

(Nguồn: CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh)

10.2. Chính sách đối với người lao động

10.2.1. Chế độ làm việc

Công ty tổ chức làm việc 8h mỗi ngày, 5 ngày mỗi tuần. Khi có yêu cầu về tiến độ hợp đồng, dự án hoặc các công việc cần giải quyết gấp thì Công ty bố trí làm thêm giờ. Công ty có chính sách phù hợp đảm bảo quyền lợi của người lao động theo quy định của Nhà nước với mức đãi ngộ thỏa đáng nhằm ghi nhận đóng góp của cán bộ nhân viên đối với Công ty.

Nghỉ phép, lễ, tết

Cán bộ nhân viên toàn Công ty được nghỉ Lễ, Tết theo đúng Quy định của Luật lao động, các CBNV có thâm niên công tác từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm, những

nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty chưa đủ 12 tháng thì số ngày được nghỉ phép trong năm được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc

Điều kiện làm việc

Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc hiện đại cần thiết cho CBNV. Tạo điều kiện tốt nhất phục vụ cho công việc trong từng phòng/ban của Công ty. Luôn đáp ứng đầy đủ nhu cầu chính đáng của tất cả cán bộ nhân viên trong thời gian sớm nhất

10.2.2. Chính sách tuyển dụng

HSC dành các chế độ tốt nhất về lương, thưởng và các chế độ đãi ngộ thỏa đáng khác đối với các cán bộ, chuyên viên giỏi, có nhiều đóng góp cho sự phát triển nhằm tạo sự khuyến khích và tinh thần làm việc, nâng cao chất lượng công việc.

10.2.3. Chính sách đào tạo

Công ty chú trọng phát triển nguồn nhân lực thông qua việc tập trung đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, đa dạng nghiệp vụ tại các đơn vị đào tạo uy tín trong và ngoài nước.

Nhằm liên tục nâng cao chất lượng nhân sự, Công ty thường xuyên tổ chức các buổi đào tạo, hội thảo nội bộ trao đổi kinh nghiệm nhằm nâng cao kỹ năng nghiệp vụ, kỹ năng mềm cho các CBNV.

10.2.4. Chính sách lương thưởng và phúc lợi

Chính sách lương của HSC được xây dựng trên cơ sở kết quả hoạt động kinh doanh của từng cán bộ nhân viên, đảm bảo cho người lao động được hưởng tất cả các chế độ theo quy định của Pháp luật phù hợp với năng lực, trình độ của từng người, đảm bảo tính cạnh tranh đối với các Công ty khác cùng ngành. Thu nhập của người lao động là tổng hợp lương cơ bản, lương kinh doanh và các khoản thưởng khác tùy theo cống hiến của người lao động. Trong đó, lương cơ bản được xây dựng trên cơ sở chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm đối với từng vị trí công việc. Lương kinh doanh được xây dựng trên cơ sở chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và sự đóng góp của từng Người lao động vào hiệu quả sản xuất kinh doanh của toàn Công ty.

Chính sách thưởng

Quy định khen thưởng áp dụng với toàn thể CBNV có thành tích trong lao động và nghiêm chỉnh chấp hành nội quy của Công ty. Chính sách thưởng được áp dụng như sau:

- Được tuyên dương trước toàn Công ty.
- Được cân nhắc áp dụng các chế độ khen thưởng như: thưởng đột xuất, thưởng tháng, thưởng quý, thưởng năm bằng tiền mặt hoặc cổ phần của Công ty và áp dụng chế độ nâng lương (theo quy chế lương của Công ty).
- Được tham gia các khóa đào tạo chuyên môn miễn phí theo yêu cầu công việc.
- Được hưởng các chế độ đãi ngộ khác như tham gia mua cổ phiếu ưu đãi của Công ty, đi du lịch, nghỉ dưỡng trong và ngoài nước dựa trên kết quả kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ.

Bảo hiểm và phúc lợi

HSC thực hiện trích nộp đóng góp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định của Pháp luật. Công đoàn công ty thường xuyên quan tâm đến đời sống hàng ngày của CBNV. Hàng năm, Công ty tổ chức cho toàn thể CBNV được đi du xuân đầu năm và nghỉ mát mùa hè tại các khu du lịch cao cấp trong nước. Các hoạt động của Công ty và công đoàn Công ty là các hoạt động tích cực gắn kết người lao động trong Công ty xây dựng lên một HSC vững mạnh.

10.2.5. Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động:

Với mục tiêu chú trọng đầu tư và phát triển nguồn nhân lực dài hạn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã chứng tỏ được sự thành công qua nhiều năm hoạt động kinh doanh với trọng tâm tập trung vào yếu tố con người. Trong đó, các đợt Phát hành Cổ phiếu theo Chương trình Lựa Chọn cho Nhân viên - ESOP được thực hiện từ năm 2007 đã góp phần không nhỏ trong chiến lược giữ người tài làm việc ổn định và lâu dài tại công ty. Để thỏa điều kiện tham gia chương trình, các nhân viên phải đạt được một số yêu cầu nhất định về mức đánh giá hiệu quả công việc, số năm làm việc và cam kết gắn bó với Công ty.

11. Chính sách cổ tức

Công ty có chủ trương chi trả một mức cổ tức hợp lý trong phạm vi lợi nhuận sau thuế, sau khi trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Mức cổ tức được chi trả đảm bảo cân đối giữa lợi ích trước mắt của các cổ đông và lợi ích lâu dài (phần để lại để bổ sung vốn kinh doanh). Cổ tức cụ thể trả hàng năm, do Hội đồng Quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Tỷ lệ chi trả cổ tức trong năm 2016 – 2017 và dự kiến 2018

Năm	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Tỷ lệ trả cổ tức	17%	21%	15%

(Nguồn: CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh)

12. Tình hình hoạt động tài chính**12.1. Các chỉ tiêu cơ bản****Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn**

Đơn vị: triệu đồng

Nguồn vốn	Năm 2016	Năm 2017	Quý 3/2018
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.581.839	1.625.309	1.625.018
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	117.013	129.757	129.757
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	117.013	129.757	129.757
Lợi nhuận chưa phân phối	572.091	832.313	1.177.628
Vốn chủ sở hữu	2.391.917	2.791.161	3.066.120

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2016, năm 2017 và BCTC quý 3 năm 2018 của CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh)

Kể từ ngày 29/04/2003 được UBCKNN cấp giấy phép số 11/ GPHĐKD với số vốn điều lệ đăng ký là 50 tỷ đồng cho đến nay, Công ty đã thực hiện 07 (bảy) đợt tăng vốn lên 1.297.567.580.000 đồng

12.2. Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao tài sản cố định phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT – BTC của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

Thời gian khấu hao TSCĐ

Danh mục	Thời gian khấu hao (Số năm)
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 năm
Phần mềm vi tính	3 - 4 năm

(Nguồn: CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh)

12.3. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Các khoản vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đều được Công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong thời gian qua

12.4. Mức thu nhập bình quân

Thu nhập bình quân của người lao động trong Công ty theo các năm như sau:

Năm	2015	2016	2017
Thu nhập bình quân	14.000.000	16.000.000	20.000.000

12.5. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Trong quá trình thanh toán, Công ty luôn thanh toán đúng hạn các khoản nợ, đảm bảo uy tín của Công ty. Việc thanh toán các khoản nợ được thực hiện đúng hạn và đầy đủ. Hiện nay Công ty không có nợ quá hạn.

12.6. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc việc kê khai và nộp đầy đủ các khoản phải nộp theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
Thuế thu nhập doanh nghiệp	28.854	48.296	32.517
Thuế thu nhập cá nhân giao dịch chứng khoán nộp hộ khách hàng	3.547	10.984	3.858

Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp hộ doanh nghiệp nước ngoài	4.073	5.729	11.719
Thuế nhà thầu	1.297	1.599	1.042
Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhân viên	1.033	13.760	2.540
Thuế giá trị gia tăng	336	146	4.966
Tổng cộng	39.140	80.514	56.643

(Nguồn: BCTC Kiểm toán 2016, 2017, BCTC quý 3/ 2018 CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh)

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
Phải trả NĐT tiền bán chờ về	-	-	31.683
Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán với các sở giao dịch chứng khoán	-	180.278	-
Phải trả nhà đầu tư đặt cọc mua cổ phiếu	17.170	140.558	194.073
Phải trả cho các Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán	4.733	12.393	6.138
Phải trả tổ chức và cá nhân khác	15.440	19.197	35.208
Tổng cộng	37.343	352.426	267.102

(Nguồn: BCTC Kiểm toán 2016, 2017, BCTC quý 3/ 2018 CTCP Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh)

12.7. Trích lập các quỹ theo luật định

Theo Điều lệ của Công ty, hàng năm, lợi nhuận của Công ty sau khi đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được dùng để trích lập các quỹ và chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quyết định của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông. Mức trích lập các quỹ và mức chi trả cổ tức do HĐQT đề xuất phải được Đại hội đồng cổ đông chấp nhận. Tình hình số dư các quỹ 2 năm gần đây và lũy kế đến quý 3/2018 như sau:

Chi tiết các quỹ*Đơn vị tính: triệu đồng*

Khoản mục	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	117.013	129.757	129.757
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	117.013	129.757	129.757
Quỹ khen thưởng phúc lợi	14.893	13.258	45.133
Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	3.961	3.961	3.961
Tổng cộng	252.880	276.733	308.608

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC quý 3/2018 của CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh)

12.8. Tình hình công nợ hiện nay**Chi tiết số dư các khoản vay***Đơn vị tính: triệu đồng*

CHỈ TIÊU	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
Nợ phải trả ngắn hạn	1.224.925	3.874.368	2.574.428
Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	1.000.000	2.479.755	1.151.138 (*)
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	-	800.000	920.000 (**)
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	37.343	352.426	267.102
Phải trả người bán ngắn hạn	2.936	3.327	3.210
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	39.141	80.514	56.643
Các khoản trích nộp phúc lợi	2.682	2.971	4.219

nhân viên

Chi phí phải trả ngắn hạn	19.119	50.020	103.700
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	108.811	92.096	23.283
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	14.893	13.258	45.133
Nợ dài hạn	-	15.042	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	15.042	-
TỔNG CỘNG	1.224.925	3.889.410	2.574.428

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC quý 3/2018 của CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh)

(*) Chi tiết Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn:

- Vay ngân hàng: 1.150.000.000.000 đồng
- Vay thấu chi ngân hàng: 1.138.100.000 đồng

Đây là các khoản vay có thời hạn từ 1 đến 3 tháng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh. Giá trị tài sản ngắn hạn được thế chấp cho các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 4.979.630.897.948 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 3.121.000.000 Đồng)

(**) Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 13/2017/NQ-HĐQT ngày 26 tháng 10 năm 2017, ngày 15 tháng 12 năm 2017, Công ty phát hành riêng lẻ 800 trái phiếu với giá phát hành bằng mệnh giá là 1 tỷ Đồng/ trái phiếu. Tổng giá trị phát hành là 800 tỷ Đồng. Trái phiếu phát hành là trái phiếu không niêm yết, không có tài sản đảm bảo, có kỳ hạn 1 năm, gốc và lãi được thanh toán một lần khi đáo hạn. Theo Nghị Quyết số 10/2018/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 04 năm 2018, Công ty đã phát hành 120 tỷ đồng trái phiếu doanh nghiệp mệnh giá 1 tỷ đồng/trái phiếu không niêm yết, lãi suất 7.2%/năm không tài sản đảm bảo với kỳ hạn một năm và được phép mua lại trước hạn.

Công ty không có khoản vay ngắn hạn nào từ các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và tại 30/09/2018.

12.9. Các khoản phải thu**Chi tiết các khoản phải thu***Đơn vị tính: triệu đồng*

CHỈ TIÊU	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
Trả trước cho người bán	425	521	4.127
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	370.008	471.021	244.830
Các khoản phải thu khác	35.168	46.601	62.751
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	(34.911)	(39.584)	(39.584)
TỔNG CỘNG	370.690	478.559	272.124

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC quý 3/2018 của CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh)

12.10. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**Các chỉ tiêu tài chính**

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017	Quý 3/2018
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn [TSLĐ/Nợ ngắn hạn]	lần	2,8	1,7	2,2
- Hệ số thanh toán nhanh [(TSLĐ-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	lần	2,8	1,7	2,2
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0,3	0,6	0,5
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	0,5	1,4	0,8
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	lần	0,2	0,3	0,3

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017	Quý 3/2018
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
- Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	37,0	36,0	31,0
- Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	13,0	21,4	20,6
- Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	9,1	10,8	9,8
- Hệ số LN từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	46,7	45,0	45,0

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán 2016, 2017 và BCTC quý 3/2018 của CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh)

Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán từ 1,7 đến 2,8 lần cho thấy HSC luôn đảm bảo an toàn và sẵn sàng thanh toán cho các khoản phải trả đến hạn của Công ty trong từng giai đoạn.

Tăng trưởng tài sản được tài trợ bởi tăng các khoản nợ ngắn hạn bao gồm trái phiếu. Sự chuyển dịch này khiến các chỉ số nợ tăng khi chỉ số nợ trên vốn chủ sở hữu tăng gần gấp đôi từ mức 0,5 lần ở năm 2016 lên 1,4 lần vào cuối năm 2017. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là HSC buông lỏng quản lý tài chính mà ngược lại là chiến lược thay đổi cơ cấu nguồn vốn để tận dụng cơ hội và triển vọng của thị trường. Các khoản vay và nợ, chủ yếu là ngắn hạn, đã được sử dụng một cách hiệu quả để tạo ra lợi nhuận hấp dẫn.

Các chỉ số lợi nhuận trên vốn và trên tổng tài sản tăng lên 21,4% và 10,8%, là các mức cao trong nhiều năm của HSC và cao so với các công ty trong ngành.

13. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

13.1. Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Đỗ Hùng Việt	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Ông Lê Anh Minh	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
3	Ông Phạm Nghiêm Xuân Bắc	Thành viên Hội đồng quản trị
4	Ông Johan Nyvene	Thành viên Hội đồng quản trị
5	Ông Lê Hoàng Anh	Thành viên Hội đồng quản trị
6	Ông Lê Thắng Cần	Thành viên Hội đồng quản trị
7	Ông Lâm Hoài Anh	Thành viên Hội đồng quản trị

❖ Ông Đỗ Hùng Việt – Chủ tịch HĐQT

Họ tên: Đỗ Hùng Việt
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 10/10/1954
Số CCCD: 079054002334
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Hưng Yên
Địa chỉ thường trú: 239 Nguyễn Thị Minh Khai, P. Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Khoa Ngân hàng
Quá trình công tác:

Năm 2011 – nay	Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSC)	Chủ tịch HĐQT
Năm 2010 – nay	Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam (VASB)	Phó Chủ tịch
Năm 2007 – 2011	Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSC)	Phó Chủ tịch HĐQT

Năm 2003 – 2006	Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSC)	Giám đốc
Năm 1998 – 2002	Quỹ Đầu tư phát triển đô thị TP. HCM (HIFU)	Trưởng phòng

Chức vụ hiện nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Số cổ phần đang nắm giữ: 17.968 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ

Trong đó:

- Cổ phần sở hữu cá nhân: 17.968 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ
- Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Thù lao theo nghị quyết ĐHĐCĐ

❖ Ông Lê Anh Minh – Thành viên HĐQT

Họ tên: Lê Anh Minh

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 25/12/1969

Số CMND: 022382871

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Nam Định

Địa chỉ thường trú: 101/18 Nguyễn Chí Thanh, Phường 9, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cao học Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác:

03/2018 – nay	Dragon Capital Group (DCG)	Giám đốc, thành viên HĐQT
2016 – 03/2018	Dragon Capital Group (DCG)	Tổng Giám đốc
Năm 2010 – 2015	Phụ trách Tài chính (CFO) của Dragon Capital Group (DCG)	Phó Tổng Giám đốc
Năm 2002 – 2010	Dragon Capital Group (DCG)	Giám đốc
Năm 1998 – 2002	Coca Cola Đông Nam Á	Giám đốc Tài chính
Năm 1993 – 1996	Ngân hàng TMCP Đại Nam	Phó Tổng Giám đốc

Năm 1991 – 1993	Công ty Peregrine Việt Nam	Giám đốc Dự án
-----------------	----------------------------	----------------

Chức vụ hiện nay: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị tại Dragon Capital Group (DCG)

Số cổ phần đang nắm giữ: 19.683.373 cổ phiếu, chiếm 15,19% vốn điều lệ

Trong đó:

- Cổ phần sở hữu cá nhân: 43.968 cổ phần, chiếm 0,03% vốn điều lệ
- Cổ phần đại diện sở hữu: 19.639.405 cổ phần, chiếm 15,16% vốn điều lệ

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Thù lao theo nghị quyết ĐHĐCĐ

❖ Ông Phạm Nghiêm Xuân Bắc – Thành viên HĐQT

Họ tên: Phạm Nghiêm Xuân Bắc

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 13/08/1961

Số CMND: 010160129

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Gia Lâm – Hà Nội

Địa chỉ thường trú: 33 Ngách 6/14, Đội Nhân, Q. Ba Đình, Hà Nội

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Cử nhân Luật

Quá trình công tác:

Năm 1999 – nay	Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh	Tổng Giám đốc
Năm 1989 – 1999	Công ty InvesConsult	Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

- Chủ tịch Hội đồng Luật sư thành viên Công ty Luật TNHH Tầm nhìn và Liên danh
- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cộng Hưởng

- Tổng Giám đốc Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh

Số cổ phần đang nắm giữ: 240.000 cổ phần, chiếm 0,18% vốn điều lệ

Trong đó:

- Cổ phần sở hữu cá nhân: 240.000 cổ phần, chiếm 0,18% vốn điều lệ
- Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Thù lao theo nghị quyết ĐHĐCĐ

❖ Ông Johan Nyvene – Thành viên HĐQT

Họ tên: Johan Nyvene

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 29/6/1965

Số passport: 461756487

Quốc tịch: Mỹ

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Bắc Giang

Địa chỉ thường trú: Số 43, Đường số 2, Khu Nam Phú, Trần Trọng Cung, P. Tân Thuận

Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính ngân hàng

Quá trình công tác:

Năm 2007 – nay	Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSC)	Tổng Giám đốc
Năm 2005 – 2007	Chi nhánh Ngân hàng HSBC Hà Nội	Giám đốc
Năm 1998 – 2005	HSBC Việt Nam tại TP. HCM	Giám đốc Nghiệp vụ Tài chính Toàn cầu
Năm 1990 – 1998	Ngân hàng Quốc tế Corestates First Union Bank, Philadelphia, Hoa Kỳ	Giám đốc Nghiệp vụ

Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh kiêm

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Số cổ phần đang nắm giữ: 20.301.071 cổ phần, chiếm 15,67% vốn điều lệ

Trong đó:

- Cổ phần sở hữu cá nhân: 661.666 cổ phần, chiếm 0,51% vốn điều lệ
- Cổ phần đại diện sở hữu: 19.639.405 cổ phần, chiếm 15,16% vốn điều lệ

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Thù lao theo nghị quyết ĐHĐCĐ và tiền lương theo chính sách của Công ty

❖ Ông Lê Hoàng Anh – Thành viên HĐQT

Họ tên: Lê Hoàng Anh

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 29/04/1968

Số CMND: 022001681

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Tổ 7, Ấp Thanh An, Xã Trung An, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ kinh tế

Quá trình công tác:

Năm 2008 – nay	Dragon Capital Markets Limited (DC)	Giám đốc
Năm 2004 – 2007	Dragon Capital Markets Limited (DC)	Giám đốc nghiệp vụ
Năm 2000 – 2004	Dragon Capital Markets Limited (DC)	Chuyên viên phân tích cao cấp
Năm 1998 – 2000	Sở Kế hoạch và đầu tư TP. HCM	Chuyên viên kinh tế
Năm 1994 – 1998	NLN Trading Company, Hungary	Chuyên viên phân tích tài chính

Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT Công ty CP Quản lý quỹ Đầu tư Việt Nam (VFM)
- Giám đốc Dragon Capital Markets Limited (DC)

Số cổ phần đang nắm giữ: 0 cổ phần

Trong đó:

- Cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Thù lao theo nghị quyết ĐHĐCĐ

❖ Ông Lê Thắng Cần – Thành viên HĐQT

Họ tên: Lê Thắng Cần

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 10/02/1976

Số CMND: 025776876

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Quảng Trị

Địa chỉ thường trú: 60/21/6 Đường số 4, KP5, Trường Thọ, Q. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Khoa Kế toán - Kiểm toán

Quá trình công tác:

02/ 2016 - nay	Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP. Hồ Chí Minh (HFIC)	Trưởng phòng Đầu tư
Năm 2013 – 02/ 2016	Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP. Hồ Chí Minh (HFIC)	Phó phòng Tài chính - Kế toán
Năm 2006 – 2013	Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP. Hồ Chí Minh (HFIC)	Chuyên viên Tài chính - Kế toán
Năm 2005	Công ty TNHH Viethuy	Giám đốc tài chính
Năm 1999 – 2004	Công ty TNHH TM &SX thuốc thú y Ruby	Kế toán trưởng

Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Trưởng phòng Đầu tư Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP. Hồ Chí Minh (HFIC)

Số cổ phần đang nắm giữ: 11.250.000 cổ phần, chiếm 8,68% vốn điều lệ

Trong đó:

- Cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

- Cổ phần đại diện sở hữu: 11.250.000 cổ phần, chiếm 8,68% vốn điều lệ
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Thù lao theo nghị quyết ĐHĐCĐ

❖ Ông Lâm Hoài Anh - Thành viên HĐQT

Họ tên: Lâm Hoài Anh

Sinh ngày: Ngày 23/10/1972

Số CCCD: 001072008603

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Thủ thừa – Long An

Địa chỉ thường trú: 290/9 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính – Ngân hàng

Chức vụ hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP. Hồ Chí Minh (HFIC)

Quá trình công tác:

Năm 03/2013 – nay	Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP. HCM (HFIC)	Phó Tổng Giám đốc
Năm 2010 – 03/2013	Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP. HCM (HFIC)	Trưởng Phòng tín dụng
Năm 2004 – 2010	Quỹ đầu tư phát triển đô thị TP. HCM	Trưởng Phòng tín dụng
Năm 2001 – 2004	Quỹ đầu tư phát triển đô thị TP. HCM	Phó Trưởng Phòng tín dụng
Năm 1997 – 2001	Quỹ đầu tư phát triển đô thị TP. HCM	Chuyên viên tín dụng
Năm 1995 – 1997	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương	Chuyên viên tín dụng

- Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dệt May Gia Định,
 - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Sài Gòn Kim Cương

- Phó Tổng Giám đốc Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP. Hồ Chí Minh (HFIC)

Số cổ phần đang nắm giữ: 26.250.000 cổ phần, chiếm 20,26% vốn điều lệ

Trong đó:

- Cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- Cổ phần đại diện sở hữu: 26.250.000 cổ phần, chiếm 20,26% vốn điều lệ

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Thù lao theo nghị quyết ĐHĐCĐ

13.2. Ban Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Johan Nyvene	Tổng Giám đốc
2	Ông Trịnh Hoài Giang	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Lê Công Thiện	Phó Tổng Giám đốc

❖ Ông Johan Nyvene – Tổng Giám đốc: *như trên*

❖ Ông Trịnh Hoài Giang – Phó Tổng Giám đốc

Họ tên: Trịnh Hoài Giang

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 28/01/1969

Số CMND: 022044210

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Kiên Giang

Địa chỉ thường trú: Số 14, đường số 11, Khu dân cư Phú Mỹ, P. Phú Mỹ, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

05/2007 – nay	Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSC)	Phó Tổng Giám đốc
---------------	---	-------------------

Năm 2005 – 04/2007	Dragon Capital Markets Limited (DC)	Giám đốc nghiệp vụ
Năm 2003 – 2005	Học MBA tại Hoa Kỳ	
Năm 2001 – 2003	Ngân hàng TMCP Vietcombank	Chuyên viên tín dụng
Năm 1994 – 2001	Ngân hàng TMCP Vietcombank	Chuyên viên quản lý vốn và kinh doanh ngoại tệ

Chức vụ hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSC)

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó Chủ tịch Hiệp hội Trái phiếu Việt Nam

Số cổ phần đang nắm giữ: 273.665 cổ phần, chiếm 0,21% vốn điều lệ

Trong đó:

- Cổ phần sở hữu cá nhân: 273.665 cổ phần, chiếm 0,21% vốn điều lệ
- Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Tiền lương theo chính sách của Công ty

❖ Ông Lê Công Thiện – Phó Tổng giám đốc

Họ tên: Lê Công Thiện

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 29/11/1968

Số CCCD: 079068001066

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Long An

Địa chỉ thường trú: 126 Cô Giang, P.2, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

2010 – nay	Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSC)	Phó Tổng Giám đốc
------------	---	-------------------

Năm 2008 – 2010	Ngân hàng ANZ Việt Nam	Giám đốc Khối Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ
Năm 2007 – 2008	Công ty Chứng khoán Chợ Lớn	Tổng Giám đốc
Năm 2004 – 2007	Ngân hàng ANZ Việt Nam	Giám đốc Khối Tài trợ thương mại - Thanh toán Quốc tế
Năm 1998 – 2004	Ngân hàng Citigroup/Citibank Việt Nam	Giám đốc Bán hàng, Giám đốc Sản phẩm Tài trợ Thương mại - Thanh toán Quốc tế
Năm 1996 – 1998	Ngân hàng Deutsche Bank AG Tp. HCM, Việt Nam	Giám đốc Quan hệ khách hàng
Năm 1992 – 1996	Ngân hàng TMCP Vietcombank	Cán bộ tín dụng

Chức vụ hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Số cổ phần đang nắm giữ: 204.125 cổ phần, chiếm 0,16% vốn điều lệ

Trong đó:

- Cổ phần sở hữu cá nhân: 204.125 cổ phần, chiếm 0,16% vốn điều lệ
- Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Tiền lương theo chính sách của Công ty

13.3. Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Võ Văn Châu	Trưởng BKS
2	Đoàn Văn Hình	Kiểm soát viên
3	Đặng Nguyệt Minh	Kiểm soát viên

❖ Ông Võ Văn Châu – Trưởng Ban Kiểm soát

Họ tên: Võ Văn Châu

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 11/12/1953

Số CCCD: 086053000083

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Vĩnh Long

Địa chỉ thường trú: 18/4 Thích Quảng Đức, Phường 5, Q. Phú Nhuận TP. Hồ Chí Minh

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

02/2018 – nay	Ngân hàng TMCP Kiên Long	Phó Chủ tịch HĐQT
04/2014 – 02/2018	Ngân hàng TMCP Kiên Long	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
06/2013 – 04/2014	Ngân hàng TMCP Kiên Long	Cố vấn Chủ tịch HĐQT
08/2009 – 06/2013	Ngân hàng TMCP Đại Tín (TrustBank)	Cố vấn Ban Điều hành
Năm 2002 – 2009	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Tổng Giám đốc
Năm 1993 – 2002	Ngân hàng TMCP Á Châu tại Đà Nẵng và Đắk Lắk	Giám đốc Chi nhánh

Chức vụ hiện nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Kiên Long

Số cổ phần đang nắm giữ: 17.322 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ

Trong đó:

- Cổ phần sở hữu cá nhân: 17.322 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ
- Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Thù lao theo nghị quyết ĐHĐCĐ

❖ Ông Đoàn Văn Hình – Thành viên Ban Kiểm soát

Họ tên: Đoàn Văn Hình

Giới tính: Nam

Năm sinh: 16/05/1953

Số CCCD: 046053000059

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Thừa Thiên Huế

Địa chỉ thường trú: 136bis/8 Lý Chính Thắng, P.7, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

Năm 2007 – 08/2014	CTCP Đầu tư Phát triển Sài Gòn Co-op (SCID)	Giám đốc Tài chính
Năm 1997 – 2007	Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại TP. HCM	Kế toán trưởng

Chức vụ hiện nay: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Số cổ phần đang nắm giữ: 4.687 cổ phần, chiếm 0,0036% vốn điều lệ

Trong đó:

- Cổ phần sở hữu cá nhân: 4.687 cổ phần, chiếm 0,0036% vốn điều lệ
- Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Thù lao theo nghị quyết ĐHĐCĐ

❖ Bà Đặng Nguyệt Minh – Thành viên Ban Kiểm soát

Họ tên: Đặng Nguyệt Minh

Giới tính: Nữ

Năm sinh: 18/10/1987

Số CMND: 012500137

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Phòng 509 Lô B Cao Ốc An Khang, P. An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

2018 – nay	Dragon Capital Markets Limited (DC)	Giám đốc, Phó phòng Phân tích
Năm 2012 – 2018	Dragon Capital Markets Limited (DC)	Giám đốc nghiệp vụ
Năm 2009 – 2012	Dragon Capital Markets Limited (DC)	Chuyên viên phân tích tài chính cao cấp

Chức vụ hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Giám đốc, Phó phòng Phân tích Dragon Capital Markets Limited (DC)

Số cổ phần bản đang nắm giữ: 0 cổ phần

Trong đó:

- Cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Thù lao theo nghị quyết ĐHĐCĐ

14. Tài sản thuộc sở hữu Công ty

Tình hình tài sản cố định hữu hình tại thời điểm 30/09/2018

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại đến 30/09/2018
Tài sản cố định hữu hình	73.346	46.843	26.503
Tài sản cố định vô hình	62.588	38.418	24.170
Tổng cộng	135.934	85.261	50.673

(Nguồn: BCTC quý 3/2018 của CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh)

Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của Công ty: *Không có*

15. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

15.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm tài chính 2019 của Công ty

Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm tài chính 2019

Chỉ tiêu	Năm 2019 (triệu đồng)
Doanh thu thuần	1.666.107
Lợi nhuận sau thuế	681.113
Tỷ lệ LNST/Doanh thu thuần (%)	40,9%
Tỷ lệ LNST/Vốn chủ sở hữu (%)	17,6%
Cổ tức (%)	12%

(Nguồn: CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh)

15.2. Kế hoạch tăng vốn

Trong năm 2019, Công ty có kế hoạch sẽ tăng vốn điều lệ từ mức 1.297.567.580.000 đồng lên mức 3.089.726.480.000 đồng qua việc phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu, phát hành cổ phiếu ưu đãi cho người lao động và chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

15.3. Căn cứ để đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nói trên

Nhìn chung trong năm 2019 thị trường chứng khoán sẽ tiếp tục có nhiều khởi sắc với dự báo tăng trưởng kinh tế ở mức cao xấp xỉ 6,4% cùng lạm phát được kiểm soát chặt chẽ ở mức 4%. Bên cạnh đó thị trường chứng khoán phái sinh sẽ tiếp tục được mở rộng với hạ tầng kỹ thuật được nâng cao, đồng thời cũng đón nhận một sản phẩm mới là chứng quyền có bảo đảm. Điều này sẽ tạo thêm sự sôi động cho thị trường, đem đến lựa chọn mới cho nhà đầu tư và cơ hội cung cấp dịch vụ cho Công ty. Bên cạnh đó với phương châm xem mỗi nhân viên là một đối tác của Công ty, HSC trong năm tới sẽ đưa ra nhiều chính sách tăng cường sự hợp tác

và hỗ trợ giữa các phòng ban khác nhau, xem xét lại cơ cấu khen thưởng cho hợp lý hơn, nhằm thúc đẩy tốc độ doanh thu và lợi nhuận. Căn cứ để đạt được kế hoạch như sau:

- Bộ phận môi giới chứng khoán: HSC coi bộ phận môi giới là nòng cốt của Công ty, do đó trong năm tới Công ty sẽ tập trung nâng cao năng lực tư vấn của môi giới bằng việc đào tạo kiến thức chuyên môn, hoàn thiện kênh thông tin tư vấn, tăng cường hệ thống quản lý khen thưởng. Đồng thời tổ chức phối hợp bộ phận môi giới với các bộ phận khác trong công ty để tạo sức cạnh tranh, giúp mở rộng thị phần chứng khoán ngày một lớn hơn.
- Bộ phận tài chính doanh nghiệp: làn sóng thoái vốn và cổ phần hóa nhà nước tại các tổng công ty và tập đoàn lớn của Nhà nước được dự đoán sẽ tiếp tục được đẩy mạnh trong các năm tiếp theo và HSC đang có vị thế rất tốt và sẵn sàng tham gia vào các thương vụ lớn bao gồm tư vấn mua bán sáp nhập, chào bán ra công chúng và bảo lãnh phát hành. Thị trường trong năm tới được kỳ vọng sẽ có nhiều cơ hội cho HSC xác định, lựa chọn và giành lấy các hợp đồng tư vấn tài chính doanh nghiệp có quy mô tại Việt Nam.
- Bộ phận tự doanh: tiếp tục thực hiện đồng bộ các chính sách quản lý, cân đối dòng tiền một cách hợp lý, tối ưu hóa trong hoạt động kinh doanh của mình. Với việc mở rộng thị trường phái sinh và việc cho ra đời sản phẩm chứng quyền có bảo đảm trong năm 2018, bộ phận tự doanh với đội ngũ chuyên nghiệp có nhiều kinh nghiệm hứa hẹn sẽ tiếp tục tìm kiếm những cơ hội đầu tư hiệu quả cho Công ty trong thời gian tới.

16. Chiến lược, định hướng phát triển của Công ty

Năm 2018 được nhận định sẽ là một năm khởi sắc của nền kinh tế Việt Nam nói chung và của thị trường chứng khoán nói riêng. Thứ nhất, thị trường sẽ tiếp tục đón nhận một lượng hàng hóa từ những phiên IPO của các công ty Nhà nước lớn; thứ hai, một số sản phẩm như Chứng quyền bảo đảm, Hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ ... sẽ được đưa vào thị trường chứng khoán; thứ ba, khuôn khổ pháp lý cho thị trường vốn và thị trường chứng khoán sẽ được tiếp tục hoàn thiện trong thời gian tới sẽ tạo điều kiện cho thị trường phát triển bền vững và minh bạch. Với những nhận định đầy lạc quan đó, HĐQT tập trung vào các hoạt động sau:

- Nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp, trách nhiệm quản lý và kiểm soát rủi ro, đồng thời nâng cao năng lực của các phòng ban;
- Lấy minh bạch làm kim chỉ nam cho mọi hoạt động của doanh nghiệp và nâng cao vai trò của thành viên HĐQT độc lập;

- Chuẩn hóa các quy trình nghiệp vụ của Công ty nhằm nâng cao tính hiệu quả, đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật, đặc biệt đối với phương diện quản lý rủi ro, kiểm soát nội bộ, và cho vay ký quỹ;
- Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn thông qua việc tiếp tục phát huy thế mạnh của những sản phẩm và dịch vụ hiện có, đồng thời đầu tư nghiên cứu và phát triển các sản phẩm và dịch vụ mới. Ngoài ra triển khai hệ thống giao dịch cho các sản phẩm mới cũng là một trong những hoạt động được HĐQT quan tâm;
- Xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực kế thừa ở cấp lãnh đạo điều hành.

17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành

Không có.

18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu chào bán

Không có.

V. CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH

1. Loại cổ phiếu

Cổ phần phổ thông

2. Mệnh giá

10.000 đồng/cổ phần

3. Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành: 179.215.890 cổ phiếu, bao gồm:

- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu: 86.369.445 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán cho cổ đông hiện hữu: 86.369.445 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu ESOP dự kiến phát hành: 6.477.000 cổ phiếu

4. Giá chào bán dự kiến:

- Giá chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: 14.000 đồng / cổ phiếu
- Giá chào bán cổ phiếu cho người lao động: 14.000 đồng / cổ phiếu

5. Phương pháp tính giá

5.1. Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

Giá chào bán dự kiến: 14.000 đồng/cổ phiếu

Giá trị sổ sách tại ngày 30/09/2018 theo báo cáo tài chính quý 3 năm 2018 của Công ty là: 23.667 đồng/cổ phiếu.

Giá thị trường giao dịch của cổ phiếu HSC bình quân 60 phiên gần nhất (từ ngày 06/07/2018 đến ngày 28/09/2018) là: 58.479 đồng/cổ phiếu.

Căn cứ vào chiến lược phát triển của Công ty cũng như nhu cầu tăng vốn điều lệ, đồng thời khuyến khích cổ đông gắn bó và đóng góp cho sự phát triển của Công ty nên HSC chào bán cổ phiếu cho cổ đông với giá thấp hơn giá trị sổ sách 40,84% và thấp hơn giá thị trường bình quân 60 phiên gần nhất 76,06%.

5.2. Phát hành cổ phiếu ESOP:

Giá phát hành dự kiến: 14.000 đồng/cổ phiếu

Giá trị sổ sách tại ngày 30/09/2018 theo báo cáo tài chính quý 3 năm 2018 của Công ty là: 23.667 đồng/cổ phiếu.

Giá thị trường giao dịch của cổ phiếu HSC bình quân 60 phiên gần nhất (từ ngày 06/07/2018 đến ngày 28/09/2018) là: 58.479 đồng/cổ phiếu .

Căn cứ vào chiến lược phát triển của Công ty cũng như nhu cầu tăng vốn điều lệ, đồng thời khuyến khích người lao động gắn bó và đóng góp cho sự phát triển của Công ty nên HSC chào bán cổ phiếu cho người lao động với giá thấp hơn giá trị sổ sách 40,84% và thấp hơn giá thị trường bình quân 60 phiên gần nhất 76,06%.

6. Phương thức phân phối

6.1. Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

Đối tượng phát hành	: Cổ đông hiện hữu bao gồm cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để nhận cổ phiếu phát hành thêm
Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành	: 86.369.445 cổ phiếu
Tỷ lệ phát hành	: 66,67%
Điều kiện hạn chế chuyển nhượng	: Không bị hạn chế chuyển nhượng
Tỷ lệ phát hành cổ phần	: 3:2 (tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 03 cổ phiếu sẽ được nhận thêm 02 cổ phiếu mới)
Chuyển nhượng quyền nhận cổ phiếu thưởng	: Không được phép chuyển nhượng
Phương thức xử lý cổ phiếu lẻ	: Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần thập phân sẽ bị hủy bỏ
Nguồn vốn phát hành	: Từ lợi nhuận chưa phân phối và thặng dư vốn cổ phần căn cứ vào Báo cáo tài chính kiểm toán 2017. Trong đó: - Lợi nhuận chưa phân phối: 533.350.651.501 (Năm trăm ba mươi ba tỷ ba trăm năm mươi triệu sáu trăm năm mươi một ngàn năm trăm lẻ một) đồng. - Thặng dư vốn cổ phần: 330.343.798.499 (Ba trăm ba mươi tỷ ba trăm bốn mươi ba triệu bảy trăm

chín mươi tám ngàn bốn trăm chín mươi chín)
đồng.

Thời điểm phát hành : Trong năm 2018 hoặc quý 1 năm 2019, sau khi có chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

6.2. Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

Đối tượng phát hành : Cổ đông hiện hữu bao gồm cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu

Phương thức chào bán : Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua

Tỷ lệ phát hành : 66,67%

Giá chào bán dự kiến : 14.000 đồng / cổ phần

Tổng giá trị phát hành theo giá chào bán : 1.209.172.230.000 (*Một ngàn hai trăm lẻ chín tỷ một trăm bảy mươi hai triệu hai trăm ba mươi ngàn*) đồng

Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành : 86.369.445 cổ phiếu

Điều kiện hạn chế chuyển nhượng : Không bị hạn chế chuyển nhượng

Tỷ lệ thực hiện quyền mua cổ phần : 3:2 (tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 03 cổ phiếu sẽ được quyền mua thêm 02 cổ phiếu mới)

Chuyển nhượng quyền mua : Chỉ được phép chuyển nhượng một (01) lần
Các cổ đông trong tình trạng hạn chế chuyển nhượng vẫn được nhận quyền mua cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu mua thêm từ quyền mua này không bị hạn chế chuyển nhượng.

Phương thức xử lý cổ phiếu lẻ : Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần thập phân sẽ bị hủy bỏ

- Phương thức xử lý cổ phiếu : ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn bán cho nhà đầu tư khác (bao gồm cả những nhà đầu tư được chọn mua cổ phiếu thuộc đối tượng quy định tại Khoản 3, Điều 1, Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015) với giá bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu. Trong trường hợp tỷ lệ sở hữu của cổ đông được HĐQT tiếp tục phân phối cổ phiếu vượt quá tỷ lệ 25% tổng số có quyền biểu quyết thì không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai.
- Số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu khi được chào bán cho các đối tượng khác theo phương án này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng với thời hạn 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán theo quy định pháp luật.
- Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn nếu có), nếu vẫn còn cổ phiếu chưa phân phối hết thì số cổ phiếu chưa được phân phối hết này được hủy và HĐQT ra quyết định kết thúc đợt chào bán.
- Thời điểm phát hành : Trong năm 2018 hoặc quý 1 năm 2019, sau khi có chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

6.3. Phát hành cổ phiếu ESOP

Đối tượng phát hành	: Cán bộ quản lý Công ty
Giá phát hành	: 14.000 đồng / cổ phần
Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành	: 6.477.000 cổ phiếu
Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá	: 64.770.000.000 (<i>Sáu mươi bốn tỷ bảy trăm bảy mươi triệu</i>) đồng
Tổng giá trị phát hành	: 90.678.000.000 (<i>Chín mươi tỷ sáu trăm bảy mươi tám triệu</i>) đồng
Tỷ lệ phát hành	: 5%
Nguồn vốn	: Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty đến ngày 30/06/2018 và nhân viên đóng góp. Trong đó: - Quỹ khen thưởng phúc lợi: 34.004.250.000 đồng - Tổng số tiền đóng góp của nhân viên: 56.673.750.000 tỷ đồng
Điều kiện hạn chế chuyển nhượng	: Bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định trong Quy chế - Chính sách Chương trình ESOP 2018 được Hội đồng quản trị ban hành
Thời điểm phát hành	: Trong năm 2018 hoặc quý 1 năm 2019, sau khi có chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Thời gian và tỷ lệ chuyển nhượng	: - Hết năm thứ nhất (12 tháng sau ngày hoàn tất đợt phát hành ESOP 2018): Tỷ lệ cổ phiếu được chuyển nhượng tối đa 40% trên tổng số lượng cổ phần được phát hành và chuyển giao; - Hết năm thứ hai (24 tháng sau ngày hoàn tất đợt phát hành ESOP 2018): Tỷ lệ cổ phiếu được chuyển nhượng tối đa 30% trên tổng số lượng cổ phần được phát hành và chuyển giao;

- Hết năm thứ ba (36 tháng sau ngày hoàn tất đợt phát hành ESOP 2018): Tỷ lệ cổ phiếu được chuyển nhượng là 30% trên tổng số lượng cổ phần được phát hành và chuyển giao còn lại.

- Quy định thu hồi :
- Nếu nhân viên nghỉ việc, số lượng cổ phiếu còn bị hạn chế chuyển nhượng sẽ được Công ty mua lại với giá bằng số tiền nhân viên đã đóng vào để mua số cổ phần được duyệt mua công với lãi suất không kỳ hạn từ ngày phát hành cho đến ngày mua lại để bổ sung vào cổ phiếu quỹ. Số cổ phần này sẽ được tự do chuyển nhượng ngay sau khi được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam – Chi nhánh TpHCM chấp thuận chuyển quyền sở hữu
 - Việc xử lý các trường hợp khác sẽ được áp dụng theo quy định của Quy chế - Chính sách đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động

- Xử lý cổ phiếu không thực hiện quyền :
- Trong trường hợp nhân viên từ bỏ quyền mua số cổ phần được phân bổ thì Hội đồng quản trị sẽ quyết định phân bổ số cổ phần này cho nhân viên khác tùy thuộc vào thâm niên làm việc tại HSC

7. Thời gian phân phối cổ phiếu

Cổ phiếu phát hành và chào bán cho cổ đông hiện hữu và ESOP sẽ được phân phối trong năm 2018 hoặc 2019 và sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng theo quy định. Thời gian phân phối cổ phiếu cho nhà đầu tư dự kiến thực hiện trong vòng 90 ngày, kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký phát hành có hiệu lực. Trong trường hợp kéo dài hơn quy định trên, Công ty sẽ xin phép UBCKNN xem xét gia hạn việc phân phối nhưng tối đa không quá 30 ngày.

Lịch phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu dự kiến như sau:

Bước	Công việc	Thời gian thực hiện
1	UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu	T
2	HSC thực hiện công bố thông tin về đợt phát hành	T+1 đến T+3
3	Gửi hồ sơ đến VSD, HOSE, thông báo về việc thực hiện quyền cho cổ đông HSC gồm thông tin các ngày cụ thể như: ngày đăng ký cuối cùng, thời gian chuyển nhượng quyền, thời gian đăng ký mua/ thực hiện quyền (Trong trường hợp này, ngày đăng ký cuối cùng dự kiến là: T+13)	T+1 đến T+3
4	Nhận danh sách tổng hợp người sở hữu được phân bổ quyền	T+ 15
5	Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu	T+17 đến T+41
6	Cổ đông đăng ký và nộp tiền mua Cổ phiếu	T+17 đến T+48
7	Cán bộ nhân viên đóng tiền mua cổ phiếu ESOP	T+39 đến T+48
8	VSD gửi danh sách tổng hợp nhà đầu tư được hưởng quyền nhận cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu và danh sách nhà đầu tư đăng ký thực hiện quyền mua	T+49 đến T+52
9	HĐQT phân phối số cổ phiếu HSC không bán hết (nếu có)	T+54 đến T+58
10	Báo cáo kết quả phát hành cho UBCKNN	T+59 đến T+60

(Trong đó, ngày T là ngày theo lịch, không phải ngày làm việc)

Cổ phiếu ESOP sẽ được phân phối cho người lao động HSC sau khi Công ty hoàn tất việc chốt danh sách thực hiện quyền nhận cổ phiếu phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu và nhận quyền mua cổ phiếu của cổ đông hiện hữu.

Trên đây là lịch trình phân phối cổ phiếu HSC dự kiến cho nhà đầu tư, tuy nhiên, tùy tình hình thị trường, HĐQT sẽ điều chỉnh lịch trình phân phối sao cho phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty; đảm bảo lợi ích cao nhất cho Cổ đông HSC; và đảm bảo việc chào bán được thực hiện một cách hợp pháp và đúng quy định.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

Thời hạn đăng ký mua cổ phiếu: Theo quy định tối thiểu là 20 ngày. Công ty sẽ công bố chính thức thời hạn đăng ký mua khi Công ty được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng.

Số lượng cổ phiếu đăng ký mua:

- Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu: Là số lượng cổ phiếu được quyền mua theo tỷ lệ hoặc/và số lượng cổ phiếu từ việc nhận chuyển nhượng quyền mua hoặc/và số cổ phiếu không bán hết được HĐQT quyết định phân phối tiếp.
- Cổ phiếu ESOP: Là số lượng cổ phiếu được phân phối cho cán bộ nhân viên HSC theo danh sách do Hội đồng quản trị phê duyệt.

Phương thức thanh toán:

- Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu:
 - Đối với cổ đông đã lưu ký: Các cổ đông đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu tại công ty chứng khoán nơi cổ đông mở tài khoản lưu ký;
 - Đối với cổ đông chưa lưu ký: Các cổ đông đăng ký mua tại HSC và nộp tiền mua cổ phiếu vào tài khoản phong tỏa.
- Cổ phiếu ESOP: Cán bộ nhân viên đăng ký mua tại HSC, đồng thời nộp tiền mua cổ phiếu vào tài khoản phong tỏa.

Chuyển giao cổ phiếu: Toàn bộ số lượng cổ phần phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu, chào bán cho cổ đông hiện hữu và ESOP sau khi thực hiện báo cáo kết quả chào bán cho UBCKNN, sẽ được đăng ký chứng khoán bổ sung tại VSD và đăng ký thay đổi niêm yết tại HOSE.

Quyền lợi người mua cổ phiếu: Cổ phiếu phát hành để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu và cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu trong đợt chào bán này là cổ phiếu phổ thông, không bị hạn chế chuyển nhượng. Cổ phiếu chào bán cho người lao động trong Công ty là cổ phiếu phổ thông, bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 3 năm, trong đó 40% sẽ được chuyển nhượng sau 12 tháng đầu tiên, 30% tiếp theo sẽ được chuyển nhượng sau 24 tháng, và 30% còn lại sẽ được chuyển nhượng sau 36 tháng, tính từ ngày hoàn tất đợt phát hành.

9. Phương thức thực hiện quyền (đối với việc phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu)

Công ty sẽ thông báo tới các cổ đông về việc thực hiện quyền mua cổ phiếu và ngày chốt danh sách cổ đông hưởng quyền mua, dự kiến trong vòng 7 ngày kể từ ngày nhận được Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng.

Cổ đông có tên trong Danh sách vào ngày chốt danh sách cổ đông hưởng quyền mua sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phần mới theo tỷ lệ mua đã quy định. Các cổ đông sẽ đăng ký mua và nộp tiền vào tài khoản phong tỏa.

10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty: 100%. Lý do: Theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP và công văn số 2622/UBCK-QLKD ngày 11/05/2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về quyết định điều chỉnh tăng tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài của Công ty lên 100%.

Tỷ lệ nắm giữ của cổ đông nước ngoài (bao gồm tổ chức và cá nhân) tại Công ty tại ngày 31/08/2018 là 78.887.100 cổ phần (tương đương với tỷ lệ sở hữu là 60,89% vốn điều lệ)

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Theo Quy chế - Chính sách đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, cổ phiếu ESOP phát hành cho cán bộ công nhân viên Công ty trong đợt này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 3 năm kể từ ngày hoàn tất đợt phát hành. Cụ thể, 40% số lượng cổ phiếu này sẽ được chuyển nhượng sau 12 tháng đầu tiên, 30% tiếp theo sẽ được quyền chuyển nhượng sau 24 tháng từ ngày hoàn tất đợt phát hành và 30% còn lại sẽ được quyền chuyển nhượng sau 36 tháng từ ngày hoàn tất đợt phát hành.

12. Các loại thuế có liên quan

12.1. Đối với Công ty

❖ Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008 và Luật số 32/2013/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 19/06/2013 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, thì mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 20% được áp dụng kể từ ngày 01/01/2016.

❖ Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Thuế

suất thuế giá trị gia tăng mà Công ty phải chịu là 10%.

12.2. Đối với nhà đầu tư

❖ Đối với nhà đầu tư cá nhân

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

- ✓ Đối với nhà đầu tư trong nước: thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế của cả năm hoặc áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần. Việc áp dụng thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế cả năm phải đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 4a Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 27/06/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập cá nhân và căn cứ Khoản 5 Điều 16 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế thì: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế của cả năm hoặc áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần đối với cá nhân cư trú.
- ✓ Đối với nhà đầu tư nước ngoài: thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế thu nhập cá nhân 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng.

Thu nhập từ cổ tức:

- ✓ Cũng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC, thu nhập của cá nhân từ cổ tức cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%.
- ✓ Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư mới phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp chuyển nhượng chứng khoán.

❖ Đối với nhà đầu tư tổ chức

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

- ✓ Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.
- ✓ Riêng đối doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.

Thu nhập từ cổ tức:

- ✓ Được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6 Điều 4 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2008.

13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Toàn bộ số tiền thu từ đợt phát hành sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa do Công ty mở tại **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)**

Số tài khoản: **068704070153794**

Địa chỉ: Tầng 2 – 25Bis Nguyễn Thị Minh Khai, P. Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu là 1.209.172.230.000 (*Một ngàn hai trăm lẻ chín tỷ một trăm bảy mươi hai triệu hai trăm ba mươi ngàn*) đồng được cân đối sử dụng cho các mục đích sau:

- Bổ sung vốn cho hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ: 400.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm tỷ đồng*)
- Bổ sung vốn cho hoạt động bảo lãnh phát hành chứng khoán: 600.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu trăm tỷ đồng*)
- Bổ sung vốn cho hoạt động tự doanh: 209.172.230.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm lẻ chín tỷ một trăm bảy mươi hai triệu hai trăm ba mươi ngàn đồng*)

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị điều chỉnh phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu phù hợp với kết quả phát hành, nhu cầu sử dụng vốn thực tế của Công ty và đảm bảo lợi ích tối đa cho cổ đông và báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cho người lao động 2018 là 56.673.750.000 (*Năm mươi sáu tỷ sáu trăm bảy mươi ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn*) đồng được sử dụng để bổ sung cho hoạt động tự doanh.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị điều chỉnh phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cho người lao động trong Công ty phù hợp với nhu cầu sử dụng vốn thực tế của Công ty, đảm bảo lợi ích tối đa cho cổ đông và báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán là 1.265.845.980.000 (*Một ngàn hai trăm sáu mươi lăm tỷ tám trăm bốn mươi lăm triệu chín trăm tám mươi ngàn*) đồng. Số tiền này sẽ được cân đối sử dụng cho các mục đích sau:

- Bổ sung vốn cho hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ: 400.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm tỷ đồng*).
Đến ngày 30/09/2018, tổng dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ của HSC là 4.310.243.815.608 đồng. Vốn chủ sở hữu của HSC tại thời điểm 30/09/2018 căn cứ trên BCTC quý 3/2018 là 3.066.120.385.969 đồng. Căn cứ theo tình hình thị trường và nhu cầu vay giao dịch ký quỹ của nhà đầu tư, Công ty dự kiến sẽ bổ sung vốn cho hoạt động cho vay ký quỹ và tăng dư nợ cho vay ký quỹ lên đạt 7.000.000.000.000 đồng.
- Bổ sung vốn cho hoạt động bảo lãnh phát hành chứng khoán: 600.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu trăm tỷ đồng*).
- Bổ sung vốn cho hoạt động tự doanh: 265.845.980.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi lăm tỷ tám trăm bốn mươi lăm triệu chín trăm tám mươi ngàn đồng*)

Trong trường hợp tổng số tiền thu được từ đợt chào bán không đạt đúng 100% như dự kiến nêu trên, Hội đồng quản trị sẽ tùy thuộc vào nhu cầu thị trường và tình hình hoạt động thực tế của Công ty để phân bổ nguồn vốn hợp lý.

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC CHÀO BÁN

Đơn vị kiểm toán: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN PwC VIỆT NAM

Trụ sở chính: Tầng 8, Tòa nhà Saigon Tower, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (028) 3823 0796

IX. PHỤ LỤC

Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

Phụ lục II: Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Phụ lục III: Công văn giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến Công ty;

Phụ lục IV: Báo cáo tài chính công ty kiểm toán năm 2016 và 2017 và báo cáo tài chính quý 3/2018

BẢN CÁO BẠCH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 01 năm 2019

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC CHÀO BÁN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Đỗ Hùng Việt

TỔNG GIÁM ĐỐC

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

John Nye

Johan Nyvene



Lâm Hữu Hồ

Lucia

Võ Văn Châu



ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC & HOẠT ĐỘNG

MỤC LỤC

CĂN CỨ PHÁP LÝ	6
CHƯƠNG I.....	6
QUY ĐỊNH CHUNG	6
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	6
Điều 2. Tên, hình thức pháp lý, trụ sở, cơ cấu tổ chức và thời hạn hoạt động của Công ty	7
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật	8
Điều 4. Phạm vi hoạt động kinh doanh.....	9
Điều 5. Vốn điều lệ	9
Điều 6. Mục tiêu hoạt động.....	10
Điều 7. Nguyên tắc hoạt động.....	10
Điều 8. Quyền của Công ty	11
Điều 9. Nghĩa vụ của Công ty.....	11
Điều 10. Các quy định về cấm và hạn chế	14
CHƯƠNG II	15
CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG.....	15
Mục 1	15
CỔ PHẦN	15
Điều 11. Các loại cổ phần	15
Điều 12. Chuyển nhượng cổ phần.....	17
Điều 13. Mua lại cổ phần	18
Điều 14. Thu hồi cổ phần.....	18
Điều 15. Cách thức tăng, giảm vốn điều lệ	19
Mục 2.....	19
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG	19
Điều 16. Quyền của cổ đông.....	19
Điều 17. Nghĩa vụ của cổ đông.....	24
Điều 18. Sổ đăng ký cổ đông	25
Điều 19. Chứng nhận cổ phiếu	26
Điều 20. Chứng chỉ chứng khoán khác	26

CHƯƠNG III.....	26
Điều 21. Quyền của người sở hữu chứng quyền có bảo đảm	27
CHƯƠNG IV	27
QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY	27
Điều 22. Bộ máy quản trị điều hành của Công ty	27
I. Đại hội đồng cổ đông	27
Điều 23. Thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.....	27
Điều 24. Các đại diện được uỷ quyền	29
Điều 25. Thay đổi các quyền	30
Điều 26. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.....	31
Điều 27. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông.....	33
Điều 28. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	35
Điều 29. Thê thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	36
Điều 30. Bầu dòn phiếu.....	38
Điều 31. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	40
Điều 32. Hiệu lực quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	43
Điều 33. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	43
Điều 34. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	44
II. Hội đồng quản trị.....	44
Điều 35. Thẩm quyền của Hội đồng quản trị	44
Điều 36. Thành phần, nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	50
Điều 37. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị	52
Điều 38. Cuộc họp Hội đồng quản trị và biên bản cuộc họp	52
Điều 39. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	57
Điều 40. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không điều hành	58
Điều 41. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	59
Điều 42. Ban Kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro của Hội đồng quản trị.....	60
III. Ban Tổng Giám đốc, người điều hành doanh khác và thư ký Công ty	62
Điều 43. Tổ chức bộ máy quản lý	62
Điều 44. Người điều hành doanh nghiệp	62
Điều 45. Thành phần, nghĩa vụ và quyền hạn của Ban Tổng Giám đốc.....	62

Điều 46. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc	66
Điều 47. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc	66
Điều 48. Bộ phận Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc	66
Điều 49. Người phụ trách quản trị công ty	68
Ban Kiểm soát.....	69
Điều 50. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát	69
Điều 51. Số lượng thành viên và nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát	73
Điều 52. Cách thức hoạt động và cuộc họp của Ban Kiểm soát	74
Điều 53. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát	74
Điều 54. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	74
CHƯƠNG V	75
NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC	75
Điều 55. Trách nhiệm can trọng.....	75
Điều 56. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	75
Điều 57. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	77
CHƯƠNG VI.....	78
QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	78
Điều 58. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	78
CHƯƠNG VII	78
CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	78
Điều 59. Công nhân viên và công đoàn	78
CHƯƠNG VIII.....	79
XỬ LÝ MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN	79
Điều 60. Các tranh chấp có thể xảy ra	79
Điều 61. Cách xử lý, giải quyết tranh chấp.....	79
Điều 62. Các giao dịch phải được chấp thuận.....	80
Điều 63. Bỏ phiếu biểu quyết thực hiện hợp đồng giao dịch với bên liên quan	81
Điều 64. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	81
Điều 65. Báo cáo thường niên.....	82
Điều 66. Chế độ báo cáo và công bố thông tin	82

CHƯƠNG IX.....	83
QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN	83
Điều 67. Năm tài chính	83
Điều 68. Hệ thống kế toán	83
Điều 69. Kiểm toán	84
Điều 70. Tài khoản ngân hàng	84
Điều 71. Nguyên tắc phân chia lợi nhuận	85
Điều 72. Xử lý lỗ trong kinh doanh	86
Điều 73. Trích lập các quỹ theo quy định	86
CHƯƠNG X	86
CON DẤU	86
Điều 74. Con dấu	86
CHƯƠNG XI.....	87
TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN VÀ THANH LÝ CÔNG TY	87
Điều 75. Tổ chức lại Công ty	87
Điều 76. Giải thể hoặc chấm dứt hoạt động.....	87
Điều 77. Phá sản.....	87
Điều 78. Thanh lý.....	88
CHƯƠNG XII	88
THỂ THỨC SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ	88
Điều 79. Bổ sung và Sửa đổi Điều lệ	88
CHƯƠNG XIII.....	89
HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ.....	89
Điều 80. Ngày hiệu lực	89

CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, các thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

- a) “Công ty” là Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;
- b) “Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá số cổ phần đã phát hành mà các cổ đông đã thanh toán đủ và được ghi vào Điều lệ công ty;
- c) “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;
- d) “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- e) “Điều khoản” là một Điều khoản của Điều lệ này;
- f) “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
- g) “Pháp luật” là tất cả văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 22 tháng 06 năm 2015;
- h) “Người quản lý công ty” là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban

Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý quan trọng khác trong Công ty được Hội đồng quản trị bổ nhiệm có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ này;

i) “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.

j) “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán;

k) “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;

l) “Việt Nam” là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

m) “UBCK” là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Trong Điều lệ này, việc tham chiếu tới bất kỳ điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi hoặc thay thế của điều khoản hoặc văn bản đó.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ) được đưa vào để thuận tiện cho việc theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa, nội dung của Điều lệ.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh.

Điều 2. Tên, hình thức pháp lý, trụ sở, cơ cấu tổ chức và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

b) Tên Tiếng Anh: Ho Chi Minh City Securities Corporation

c) Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

d) Tên viết tắt: HSC

2. Hình thức pháp lý của Công ty:

Công ty cổ phần được cấp giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Chứng khoán, có tư cách pháp nhân, phù hợp với pháp luật hiện hành của

Việt Nam.

3. Trụ sở Công ty:

a) Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 5 & 6 Tòa nhà AB, 76 Lê Lai, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

b) Điện thoại: (+84 8) 3823 3299

Fax: (+84 8) 3823 3301

c) Email: info@hsc.com.vn

d) Địa chỉ trang web: www.hsc.com.vn

4. Cơ cấu tổ chức:

a) Công ty có thể thành lập, đóng cửa chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty, phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị sau khi được UBCK chấp thuận;

b) Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện là những đơn vị thuộc Công ty và Công ty phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của mình;

c) Công ty chỉ hoạt động kinh doanh chứng khoán, cung cấp dịch vụ chứng khoán tại các địa điểm đặt trụ sở chính, chi nhánh và phòng giao dịch đã được UBCK chấp thuận.

d) Tên chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện phải mang tên Công ty kèm theo cụm từ chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và tên riêng để phân biệt.

5. Thời hạn hoạt động:

Thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn, trừ trường hợp chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật

1. Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

2. Ủy quyền của Người đại diện theo pháp luật:

a) Người đại diện theo pháp luật của Công ty theo quy định tại Điều lệ này phải cư trú ở Việt Nam; trường hợp vắng mặt ở Việt Nam trên ba mươi (30) ngày thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác theo quy định pháp luật để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Người đại diện theo pháp luật của Công ty;

b) Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà Người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người đã được ủy quyền (theo quy định tại điểm a khoản này) vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Người đại diện theo pháp luật trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi Người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm người khác vào chức danh của Người đại diện theo pháp luật;

c) Trường hợp Người đại diện theo pháp luật của Công ty vắng mặt tại Việt Nam quá ba mươi (30) ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Người đại diện theo pháp luật của Công ty thì Hội đồng quản trị bổ nhiệm người khác vào chức danh Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

3. Nếu Tổng Giám đốc bị tạm giữ, tạm giam, kết án tù, trốn khỏi nơi cư trú, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự, bị Tòa án tước quyền hành nghề hoặc sau khi miễn nhiệm mà Công ty chưa bổ nhiệm được Tổng Giám đốc mới thì đương nhiên Chủ tịch Hội đồng quản trị là Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho đến khi Hội đồng quản trị bổ nhiệm được người khác vào chức danh trên.

Điều 4. Phạm vi hoạt động kinh doanh

1. Nghiệp vụ kinh doanh của Công ty là:

- a) Môi giới chứng khoán;
- b) Tự doanh chứng khoán;
- c) Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- d) Tư vấn đầu tư chứng khoán;

2. Ngoài các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán quy định tại khoản 1 Điều này, Công ty được cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính, nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của Bộ Tài chính.

3. Công ty có thể bổ sung, rút bớt một hoặc một số nghiệp vụ kinh doanh nêu tại khoản 1 Điều này sau khi được UBCK chấp thuận.

Điều 5. Vốn điều lệ

Vào ngày thông qua Điều lệ này, vốn điều lệ của Công ty là

1.297.567.580.000 VND (*một nghìn hai trăm chín mươi bảy tỷ, năm trăm sáu mươi bảy triệu, năm trăm tám mươi nghìn đồng Việt Nam*).

Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 6. Mục tiêu hoạt động

1. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

- a) Tăng trưởng lợi ích bền vững cho tất cả các bên tham gia Công ty;
- b) Cung cấp các sản phẩm và dịch vụ gia tăng giá trị vượt mức mong đợi của khách hàng;
- c) Trở thành nơi làm việc được lựa chọn hàng đầu, một ngôi nhà thứ hai của các tài năng; và
- d) Góp phần xây dựng kinh tế xã hội của đất nước.

2. Nếu bất kỳ mục tiêu nào trong số những mục tiêu trên cần cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thì Công ty chỉ thực hiện mục tiêu đó sau khi được chấp thuận.

Điều 7. Nguyên tắc hoạt động

1. Tuân thủ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và pháp luật có liên quan.

2. Thực hiện hoạt động kinh doanh một cách công bằng, trung thực.

3. Ban hành quy trình nghiệp vụ, quy trình kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro, quy tắc đạo đức hành nghề phù hợp với nghiệp vụ kinh doanh của Công ty.

4. Đảm bảo nguồn lực về con người, vốn và cơ sở vật chất cần thiết để phục vụ cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, tuân thủ quy định của pháp luật.

5. Tách biệt về văn phòng làm việc, nhân sự, hệ thống dữ liệu, báo cáo giữa các bộ phận nghiệp vụ để đảm bảo tránh xung đột lợi ích giữa Công ty với khách hàng, giữa khách hàng với nhau. Công ty phải công bố cho khách hàng biết trước về những xung đột lợi ích có thể phát sinh giữa Công ty, người hành nghề và khách hàng.

6. Bố trí người hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ hoạt động kinh doanh. Người hành nghề chứng khoán thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán không được đồng thời thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán.

7. Dự báo giá hoặc khuyến nghị giao dịch liên quan đến một loại chứng khoán cụ thể trên các phương tiện truyền thông phải ghi rõ cơ sở phân tích và nguồn trích dẫn thông tin.

Điều 8. Quyền của Công ty

1. Có tất cả các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, nếu không mâu thuẫn với quy định của Luật Chứng khoán.

2. Cung cấp dịch vụ về chứng khoán và các dịch vụ tài chính trong phạm vi pháp luật cho phép.

3. Thực hiện thu phí, lệ phí phù hợp với quy định của Bộ Tài chính.

4. Ưu tiên sử dụng lao động trong nước, bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật lao động, tôn trọng quyền tổ chức công đoàn theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Nghĩa vụ của Công ty

1. Nguyên tắc chung:

a) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b) Thiết lập hệ thống kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty và trong giao dịch với người có liên quan;

c) Tuân thủ các nguyên tắc về quản trị công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

d) Tuân thủ các quy định về an toàn tài chính theo quy định của Bộ Tài chính;

e) Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán tại Công ty hoặc trích lập quỹ bảo vệ nhà đầu tư để bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư do sự cố kỹ thuật hoặc sơ suất của nhân viên;

f) Lưu giữ đầy đủ các chứng từ và tài khoản phản ánh chi tiết, chính xác các giao dịch của khách hàng và của Công ty;

g) Thực hiện việc bán hoặc cho khách hàng bán chứng khoán khi không sở hữu chứng khoán và cho khách hàng vay chứng khoán để bán theo quy định của Bộ Tài chính;

h) Tuân thủ các quy định của Bộ Tài chính về thực hiện nghiệp vụ

kinh doanh chứng khoán;

i) Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật có liên quan;

j) Thực hiện công bố thông tin, báo cáo và lưu trữ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành;

k) Đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán theo quy định tại Quy chế về đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán.

2. Nghĩa vụ đối với cổ đông:

a) Phân định rõ trách nhiệm giữa Đại hội đồng cổ đông với Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát để quản lý phù hợp với quy định của pháp luật;

b) Thiết lập hệ thống thông tin liên lạc với các cổ đông để đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ và đối xử công bằng giữa các cổ đông, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

c) Không được thực hiện các hành vi sau:

- Cam kết về thu nhập, lợi nhuận cho các cổ đông (trừ trường hợp đối với cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức cố định);

- Nắm giữ bất hợp pháp các lợi ích, thu nhập từ cổ phần của các cổ đông;

- Cung cấp tài chính hoặc bảo lãnh cho các cổ đông một cách trực tiếp hoặc gián tiếp; cho vay dưới mọi hình thức đối với các cổ đông lớn, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng, những người quản lý công ty khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và người có liên quan của những đối tượng này;

- Tạo thu nhập cho cổ đông bằng cách mua lại cổ phiếu của các cổ đông dưới các hình thức không phù hợp với quy định của pháp luật;

- Xâm phạm đến các quyền của cổ đông như: quyền sở hữu, quyền chọn, quyền giao dịch công bằng, quyền được cung cấp thông tin, các quyền và lợi ích hợp pháp khác.

3. Nghĩa vụ đối với khách hàng:

a) Luôn giữ chữ tín với khách hàng, không xâm phạm tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác của khách hàng;

b) Quản lý tách biệt tiền và chứng khoán của từng khách hàng, quản lý tách biệt tiền và chứng khoán của khách hàng với tiền và chứng khoán của Công ty. Mọi giao dịch bằng tiền của khách hàng phải được Công ty thực hiện qua ngân hàng. Không lạm dụng các tài sản do khách hàng ủy thác cho Công ty quản lý và tiền thanh toán giao dịch của khách hàng, chứng khoán của khách hàng lưu ký tại Công ty;

c) Ký hợp đồng bằng văn bản với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng; cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin cho khách hàng khi thực hiện dịch vụ mà mình cung cấp;

d) Chỉ đưa ra lời tư vấn phù hợp với khách hàng trên cơ sở nỗ lực thu thập thông tin về khách hàng: Thu thập, tìm hiểu thông tin về tình hình tài chính, mục tiêu đầu tư, khả năng chấp nhận rủi ro, kỳ vọng lợi nhuận của khách hàng và cập nhật thông tin theo quy định của pháp luật. Bảo đảm các khuyến nghị, tư vấn đầu tư của Công ty cho khách hàng phải phù hợp với từng khách hàng;

e) Chịu trách nhiệm về độ tin cậy của những thông tin công bố cho khách hàng. Đảm bảo rằng khách hàng đưa ra các quyết định đầu tư trên cơ sở đã được cung cấp thông tin đầy đủ, bao gồm cả nội dung và rủi ro của sản phẩm, dịch vụ cung cấp. Nghiêm cấm mọi hành vi gian dối và công bố thông tin sai sự thật;

f) Thận trọng, không tạo ra xung đột lợi ích với khách hàng. Trong trường hợp không thể tránh được, Công ty phải thông báo trước cho khách hàng và áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo đối xử công bằng với khách hàng;

g) Ưu tiên thực hiện lệnh của khách hàng trước lệnh của Công ty;

h) Thiết lập một bộ phận chuyên trách, chịu trách nhiệm thông tin liên lạc với khách hàng và giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của khách hàng;

i) Hoàn thành nghĩa vụ của mình với khách hàng một cách tốt nhất;

j) Bảo mật thông tin của khách hàng:

- Công ty có trách nhiệm bảo mật các thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán và tiền của khách hàng, từ chối việc điều tra, phong tỏa, cầm giữ, trích chuyển tài sản của khách hàng mà không có sự đồng ý của khách hàng.

- Quy định tại điểm này không áp dụng trong các trường hợp sau đây:

+ Kiểm toán viên thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty;

- + Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 10. Các quy định về cấm và hạn chế

1. Quy định đối với Công ty:

- a) Không được đưa ra nhận định hoặc bảo đảm với khách hàng về mức thu nhập hoặc lợi nhuận đạt được trên khoản đầu tư của mình hoặc bảo đảm khách hàng không bị thua lỗ, ngoại trừ đầu tư vào chứng khoán có thu nhập cố định;
- b) Không được thỏa thuận hoặc đưa ra lãi suất cụ thể hoặc chia sẻ lợi nhuận/thua lỗ với khách hàng để lôi kéo khách hàng tham gia giao dịch;
- c) Không được trực tiếp hoặc gián tiếp thiết lập các địa điểm ngoài các địa điểm giao dịch đã được UBCK chấp thuận để ký hợp đồng, nhận lệnh, thực hiện lệnh giao dịch chứng khoán hoặc thanh toán giao dịch chứng khoán với khách hàng;
- d) Không nhận lệnh, thanh toán giao dịch với người khác không phải là người đứng tên tài khoản giao dịch mà không có ủy quyền của khách hàng bằng văn bản;
- e) Không sử dụng tên hoặc tài khoản của khách hàng để đăng ký, giao dịch chứng khoán;
- f) Không chiếm dụng chứng khoán, tiền hoặc tạm giữ chứng khoán của khách hàng theo hình thức lưu ký dưới tên Công ty;
- g) Không được tiết lộ thông tin về khách hàng trừ khi được khách hàng đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;
- h) Không được thực hiện những hành vi làm cho khách hàng và nhà đầu tư hiểu nhầm về giá chứng khoán;
- i) Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán không được chứa đựng những thỏa thuận nhằm trốn tránh nghĩa vụ pháp lý của Công ty; hạn chế phạm vi bồi thường của Công ty hoặc chuyển rủi ro từ Công ty sang khách hàng; buộc khách hàng thực hiện nghĩa vụ bồi thường một cách không công bằng và các thỏa thuận gây bất lợi một cách không công bằng cho khách hàng.

2. Quy định đối với người hành nghề chứng khoán:

- a) Trừ trường hợp được cử là người đại diện phần vốn góp hoặc được cử vào Ban quản lý công ty của tổ chức sở hữu Công ty hoặc tổ chức mà Công ty đầu

tư, người hành nghề chứng khoán không được:

- Đồng thời làm việc cho tổ chức khác có quan hệ sở hữu với Công ty;
- Đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ khác;
- Đồng thời làm Giám đốc (Tổng Giám đốc) của một tổ chức chào bán chứng khoán ra công chúng hoặc tổ chức niêm yết;

b) Chỉ được mở tài khoản giao dịch chứng khoán cho mình (nếu có) tại Công ty. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp khi Công ty không phải là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán;

c) Khi thực hiện các nghiệp vụ của Công ty, người hành nghề chứng khoán là người thay mặt cho Công ty để thực hiện các giao dịch với khách hàng và Công ty phải chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của người hành nghề chứng khoán. Không được sử dụng tiền, chứng khoán trên tài khoản của khách hàng khi không được Công ty ủy quyền theo sự ủy thác của khách hàng cho Công ty bằng văn bản.

3. Quy định đối với thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Tổng Giám đốc

a) Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc (Tổng Giám đốc) của công ty chứng khoán khác;

b) Trưởng Ban Kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát, người quản lý của công ty chứng khoán khác;

c) Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác. Tổng Giám đốc không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác.

Chương II CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG

Mục 1 CỔ PHẦN

Điều 11. Các loại cổ phần

1. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 129.756.758 cổ phần.

Mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng Việt Nam/cổ phần.

2. Các loại cổ phần của Công ty:

- a) Cổ phần phổ thông: 129.756.758 cổ phần;
- b) Cổ phần ưu đãi biểu quyết: 0 cổ phần;
- c) Cổ phần ưu đãi cổ tức: 0 cổ phần;
- d) Cổ phần ưu đãi hoàn lại: 0 cổ phần.

3. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Cách thức, tỉ lệ chuyển đổi do Đại hội đồng cổ đông thông qua trong khuôn khổ pháp luật.

4. Đặc điểm của các loại cổ phần:

a) Cổ phần phổ thông: mỗi cổ phần phổ thông có 01 phiếu biểu quyết. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền tham gia vào quá trình đưa ra các quyết định của Công ty dưới hình thức bỏ phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ phần ưu đãi biểu quyết: cổ phần ưu đãi biểu quyết có tỷ lệ biểu quyết cao hơn so với tỷ lệ biểu quyết của cổ phần phổ thông do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Chỉ có tổ chức được Chính phủ uỷ quyền và cổ đông sáng lập được quyền nắm giữ cổ phần ưu đãi biểu quyết. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết không được chuyển nhượng cổ phần đó cho người khác. Quyền ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập chỉ có hiệu lực trong ba (03) năm, kể từ ngày Công ty được cấp giấy phép thành lập và hoạt động. Sau thời hạn này, cổ phần ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập sẽ được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông;

c) Cổ phần ưu đãi cổ tức: cổ phần ưu đãi cổ tức được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc được trả ổn định hàng năm tùy theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Cổ tức được trả hàng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng. Cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Công ty. Mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thưởng được ghi trên cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cổ tức;

d) Cổ phần ưu đãi hoàn lại: Cổ phần ưu đãi hoàn lại được Công ty hoàn lại vốn góp bất cứ khi nào theo yêu cầu của người sở hữu hoặc theo các điều kiện được ghi tại cổ phiếu của cổ phần ưu đãi hoàn lại. Mức giá mua lại do Đại hội đồng cổ đông quyết định nhưng không được cao hơn giá thị trường và thấp hơn giá

trị sổ sách trong báo cáo quý gần nhất tính đến thời điểm được mua lại.

5. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 12. Chuyển nhượng cổ phần

1. Cổ phần của Công ty được tự do chuyển nhượng, trừ các trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định tại Điều lệ này. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

3. Giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu cổ phần chiếm từ 10% trở lên vốn Điều lệ đã góp, giao dịch dẫn tới tỷ lệ sở hữu của cổ đông vượt qua hoặc xuống dưới các mức sở hữu 10%, 25%, 50%, 75% vốn Điều lệ đã góp của Công ty phải được UBCK chấp thuận, trừ trường hợp cổ phiếu của Công ty được niêm yết, đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán và chuyển nhượng theo quyết định của

Tòa án.

Điều 13. Mua lại cổ phần

1. Công ty chỉ được quyền mua lại cổ phần khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện và tỷ lệ mua lại theo quy định của pháp luật.

2. Các trường hợp mua lại cổ phần:

a) Mua lại theo yêu cầu của cổ đông

- Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình, nếu cổ đông đó bỏ phiếu không tán thành đối với quyết định của Đại hội đồng cổ đông về việc tổ chức lại Công ty; sửa đổi, bổ sung các nội dung trong Điều lệ công ty liên quan đến quyền và nghĩa vụ của cổ đông. Yêu cầu mua lại cổ phần phải được lập bằng văn bản và gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.

b) Mua lại theo quyết định của Công ty.

Công ty có thể mua lại cổ phiếu đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) để làm cổ phiếu quỹ. Tỷ lệ, cách thức, thủ tục mua cổ phiếu quỹ được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 14. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại với lãi suất do Hội đồng quản trị quyết định tại thời điểm phát hành trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại Khoản 3 Điều 111 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng

quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 20%/năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 15. Cách thức tăng, giảm vốn điều lệ

1. Sau khi chính thức đi vào hoạt động, Công ty có thể tăng, giảm vốn điều lệ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu đáp ứng quy định của pháp luật hiện hành.

2. Cách thức tăng vốn điều lệ của Công ty:

- Phát hành cổ phần để huy động vốn theo quy định của pháp luật;
- Kết chuyển lợi nhuận để lại, các nguồn hợp lệ khác theo quy định của pháp luật;
- Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần;
- Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu thưởng.
- Chuyển nợ thành vốn góp theo thỏa thuận giữa Công ty và chủ nợ.

3 Việc giảm vốn điều lệ do Đại hội đồng cổ đông quyết định nhưng vẫn phải đảm bảo điều kiện về vốn pháp định sau khi giảm vốn theo quy định hiện hành.

Mục 2

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG

Điều 16. Quyền của cổ đông

Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

1. Người nắm giữ cổ phần phổ thông gọi là cổ đông phổ thông. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Quyền tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.

b) Quyền biểu quyết:

- Cổ đông có thể tham gia vào quá trình ra quyết định của Công ty thông qua quyền biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

- Quyền biểu quyết có thể được thực hiện trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền. Đại diện được ủy quyền được phép hành động nhân danh cổ đông đưa ra các quyết định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty không được ngăn cản cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, đồng thời phải tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện việc ủy quyền đại diện tham dự họp Đại hội đồng cổ đông khi có yêu cầu. Mọi cá nhân đều có thể là người đại diện, miễn là được ủy quyền hợp lệ và không thuộc trường hợp pháp luật có quy định hạn chế. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và không cần phải công chứng.

- Công ty có thể sử dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong việc biểu quyết, bao gồm biểu quyết vắng mặt thông qua hệ thống điện tử được bảo mật, biểu quyết qua internet hoặc qua điện thoại để tạo điều kiện thuận lợi cho các cổ đông tham gia dự họp Đại hội đồng cổ đông.

- Cổ phần phổ thông không có quyền biểu quyết trong một số trường hợp sau:

+ Không thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần;

+ Cổ phiếu quỹ;

+ Thông qua giao dịch với các bên có liên quan: nếu cổ phần phổ thông do cổ đông là người có liên quan của Công ty sở hữu, cổ đông sẽ không có quyền biểu quyết thông qua các giao dịch của Công ty với bên liên quan mà cổ đông là một bên trực tiếp hoặc gián tiếp có lợi ích trong đó;

+ Cổ phần có được do vi phạm các quy định về mua cổ phiếu trong các giao dịch nắm quyền kiểm soát, vi phạm các quy định bắt buộc về chào mua

công khai;

+ Khi Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề như hủy bỏ, giảm bớt các nghĩa vụ của cổ đông đối với Công ty; khởi xướng hoặc hủy bỏ một vụ kiện đối với cổ đông; cổ đông liên quan không có quyền biểu quyết để quyết định các vấn đề này.

c) Quyền yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

- Trong trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông, cổ đông có quyền đề nghị Công ty không thực hiện các nghị quyết đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định.

- Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

+ Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

+ Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

d) Quyền được nhận các thông tin về Công ty và quyền xem xét, tra cứu danh sách cổ đông; yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty:

- Tất cả cổ đông của Công ty đều có quyền xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Chỉ có nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) trở lên tổng số cổ phần phổ thông được quyền xem xét và trích lục sổ biên bản họp và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa niên độ và hàng năm, các báo cáo của Ban Kiểm soát và yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

- Trường hợp cổ phiếu của Công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, cổ đông có quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và

bất thường về hoạt động của Công ty theo quy chế quản trị áp dụng cho công ty niêm yết.

- Cổ đông phải tuân thủ quy định nội bộ của Công ty về thủ tục cung cấp thông tin và tài liệu như sau: Công ty cung cấp tài liệu cho cổ đông kiểm tra tại trụ sở trong vòng bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu từ cổ đông. Cổ đông phải thanh toán cho Công ty chi phí sao chụp tài liệu.

e) Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần:

Trừ các trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ công ty hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, cổ đông phổ thông có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình tại bất kỳ thời điểm nào với bất kỳ mức giá nào mà không cần có sự chấp thuận của cơ quan quản lý, Công ty hoặc các cổ đông khác.

f) Quyền được ưu tiên mua chứng khoán:

- Cổ đông có quyền được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán hoặc chứng khoán chuyển đổi trước khi Công ty chào bán cho bên thứ ba. Quyền được ưu tiên mua tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà cổ đông đang sở hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

- Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua chứng khoán của mình cho người khác hoặc có thể thực hiện toàn bộ hoặc một phần quyền được ưu tiên mua chứng khoán.

g) Quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần:

- Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty mua lại toàn bộ hoặc một phần cổ phần của mình nếu cổ đông biểu quyết phản đối hoặc từ chối biểu quyết quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề: thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty hoặc tổ chức lại Công ty.

- Yêu cầu mua lại cổ phần phải lập bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng từng loại cổ phần mà cổ đông đang nắm giữ, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu này phải được gửi đến Công ty trong vòng mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.

- Hội đồng quản trị xác định mức giá mua lại theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định

giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn. Quyết định của tổ chức định giá sẽ là quyết định cuối cùng.

- Thời hạn mua lại cổ phần thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

h) Quyền được nhận tài sản khi thanh lý Công ty:

- Nếu Công ty giải thể hoặc phá sản, cổ đông có quyền được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán đầy đủ các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật.

- Thứ tự thanh toán các khoản nợ và phân chia tài sản còn lại cho các cổ đông thực hiện theo quy định của pháp luật.

i) Quyền khởi kiện nhân danh Công ty:

- Cổ đông có quyền yêu cầu tòa án hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu quyết định đó trái với quy định của pháp luật hiện hành.

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ một phần trăm (1%) trở lên tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn ít nhất sáu (06) tháng liên tục có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong các trường hợp theo quy định của pháp luật. Trình tự, thủ tục khởi kiện được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

j) Quyền được nhận cổ tức:

Mức chi trả cổ tức, hình thức trả cổ tức cho cổ đông do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

k) Quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông:

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn ít nhất sáu (06) tháng liên tục có quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

- Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.

- Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu (06) tháng mà chưa

bầu được Hội đồng quản trị mới thay thế.

l) Quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 30 của Điều lệ này.

m) Các quyền khác theo pháp luật hiện hành.

2. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết:

- Biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông với số phiếu biểu quyết theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 11 của Điều lệ này.

- Các quyền khác như cổ đông phổ thông, ngoại trừ quyền chuyển nhượng cổ phần ưu đãi biểu quyết cho người khác.

3. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức:

- Nhận cổ tức theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 11 của Điều lệ này.

- Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận lại một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ và cổ phần ưu đãi hoàn lại.

- Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ quyền biểu quyết, quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

4. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại:

- Được Công ty hoàn lại vốn góp theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 11 của Điều lệ này.

- Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận lại một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty, sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ.

- Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ quyền biểu quyết, quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

Điều 17. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn số cổ phần đã đăng ký mua và chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty. Không được rút vốn đã góp ra khỏi Công ty dưới mọi

hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định của pháp luật. Nếu có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì người có liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;

2. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
3. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
4. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - Vi phạm pháp luật;
 - Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.
5. Các nghĩa vụ khác:
 - Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần và thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - Cổ đông lớn phải thông báo đầy đủ, kịp thời cho Công ty và thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán;
 - Nghĩa vụ khác theo pháp luật hiện hành.

Điều 18. Sổ đăng ký cổ đông

1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.
2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
3. Hình thức của sổ đăng ký cổ đông: cả văn bản và tệp dữ liệu điện tử.
4. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại cả trụ sở chính của Công ty và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam).
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trong việc xác nhận đăng ký cổ phần cho cổ đông một cách đầy đủ, kịp thời. Đồng thời, chịu trách nhiệm lưu giữ sổ đăng ký và đảm bảo tính chính xác của sổ đăng ký,

tránh mọi tổn hại gây ra cho cổ đông hoặc bên thứ ba do nghĩa vụ nói trên không được thực hiện. Trường hợp có sự khác biệt giữa dữ liệu trên sổ đăng ký lưu giữ tại Công ty với dữ liệu đăng ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán thì dữ liệu do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán lưu trữ sẽ có hiệu lực.

Điều 19. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều này.
2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn mười lăm ngày (15) ngày, kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu mà không phải trả cho Công ty bất kỳ một khoản phí nào.
4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một phần trong số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bị hủy bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được Công ty cấp miễn phí.
5. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu bị tẩy xóa, hỏng hoặc mất, bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu ghi danh có thể yêu cầu Công ty cấp lại chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và phải thanh toán mọi chi phí liên quan.

Điều 20. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Chương III

CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

Điều 21. Quyền của người sở hữu chứng quyền có bảo đảm

1. Quyền được thanh toán bằng tiền hoặc chuyển giao chứng khoán cơ sở theo điều kiện và phương thức thanh toán do Công ty quy định trong bản cáo bạch của từng đợt phát hành và theo quy định pháp luật có liên quan;
2. Quyền được thanh toán bằng tiền khi chứng quyền có bảo đảm bị hủy niêm yết theo quy định pháp luật;
3. Quyền chuyển nhượng, cho tặng, để lại thừa kế, cầm cố vay vốn trong các quan hệ dân sự theo quy định pháp luật;
4. Quyền được ưu tiên thanh toán khi Công ty giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật;
5. Và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IV QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 22. Bộ máy quản trị điều hành của Công ty

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban Tổng Giám đốc.
4. Ban Kiểm soát/Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị.

I. Đại hội đồng cổ đông

Điều 23. Thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.
2. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông
 - a) Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua:
 - (i) Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;
 - (ii) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - (iii) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - (iv) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết

quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

- (v) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;
- (vi) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- (vii) Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

b) Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua các quyết định về các vấn đề sau:

- (i) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- (ii) Thông qua các báo cáo tài chính năm;

(iii) Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

(iv) Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;

(v) Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;

(vi) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

(vii) Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;

(viii) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán theo quy định tại Điều lệ này;

(ix) Quyết định việc tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty;

(x) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

(xi) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

(xii) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

(xiii) Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;

(xiv) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.;

(xv) Công ty mua lại từ trên 5% đến 10% một loại cổ phần phát hành;

(xvi) Việc Tổng Giám đốc đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;

(xvii) Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;

(xviii) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;

(xix) Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.

c) Các nội dung quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này có thể được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a) Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b) Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 24. Các đại diện được ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được

ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 25. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần

loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 28 và Điều 31 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 26. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Số lượng, thời gian, cách thức tổ chức, địa điểm họp:

a) Đại hội đồng cổ đông họp thường niên ít nhất mỗi năm một (01) lần hoặc họp bất thường. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.

b) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp không tổ chức họp được theo thời hạn nêu trên, theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Công ty có thể đề nghị UBCK gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông:

Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

3. Các trường hợp phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
- c) Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định;
- d) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm k khoản 1 Điều 16 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;
- e) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
- f) Các trường hợp khác theo Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

4. Thời hạn triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định của pháp luật. Nếu Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường thì Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Trưởng Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty, đồng thời cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm k khoản 1 Điều 16 của Điều lệ này có quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng

cổ đông;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 27. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;
- b) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, từng thành viên Hội đồng quản trị;
- c) Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc;
- d) Mức chi trả cổ tức đối với từng loại cổ phần;
- e) Tổng mức thù lao trả cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
- f) Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;
- g) Các vấn đề khác theo Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười lăm ngày (15) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

b) Lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị các tài liệu liên quan

đến nội dung cuộc họp;

c) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

d) Xác định thời gian và địa điểm cuộc họp;

e) Gửi thông báo mời họp cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin cơ bản về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp.

Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán, UBCK (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm: chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên; phiếu biểu quyết; mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp; dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

f) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm k khoản 1 Điều 16 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức, số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất này trong các trường hợp sau:

a) Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng

nội dung;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông và nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ năm phần trăm (5%) số cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng như quy định tại điểm k khoản 1 Điều 16 Điều lệ này;

c) Vấn đề, nội dung đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền, nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.

d) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

4. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 28. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số thành viên tham dự là các cổ đông và những người đại diện được ủy quyền dự họp đại diện ít nhất ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số phiếu có quyền biểu quyết của cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

4. Cổ đông có thể tham dự Đại hội đồng cổ đông theo một trong các hình thức sau đây:

a) Trực tiếp tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Gửi phiếu biểu quyết bằng thư đảm bảo đến Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) ngày trước khi khai mạc cuộc họp. Trong trường hợp này, Trưởng ban

kiểm phiếu của Đại hội đồng cổ đông có quyền mở phiếu biểu quyết của cổ đông đó tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 15 của Luật Doanh nghiệp và Điều 24 của Điều lệ này thì được phép ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 29. Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình họp phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình.

4. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký dự họp và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký xong. Chủ tọa không có nghĩa vụ dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

5. Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa

cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất sẽ làm Chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;

b) Chủ tọa cử người làm Thư ký, lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.

7. Chủ tọa và Thư ký của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp kiểm tra an ninh hoặc phục tùng các biện pháp an ninh khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến trình bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

9. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác (thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày kể từ ngày dự định khai mạc cuộc họp) hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường các trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, gây nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

d) Trường hợp Đại hội đồng cổ đông bị hoãn hoặc tạm dừng trái với

quy định nêu tại điểm a, b, c khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc. Tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a) Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b) Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

Điều 30. Bầu dòn phiếu

1. Trước và trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, các cổ đông có quyền cùng nhau lập nhóm để đề cử và dòn phiếu bầu cho người họ đề cử.

2. Số lượng ứng cử viên mà mỗi nhóm có quyền đề cử phụ thuộc vào số lượng ứng cử viên do Đại hội quyết định và tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi nhóm, cụ thể như sau:

- a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (5%) đến dưới

mười phần trăm (10%) trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng cử viên vào Hội đồng quản trị và một (01) ứng cử viên vào Ban Kiểm soát;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên Hội đồng quản trị và hai (02) ứng cử viên vào Ban Kiểm soát;

c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên Hội đồng quản trị và ba (03) ứng cử viên vào Ban Kiểm soát;

d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên Hội đồng quản trị và bốn (04) ứng cử viên vào Ban Kiểm soát;

e) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi phần trăm (60%) trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên Hội đồng quản trị và năm (05) ứng cử viên vào Ban Kiểm soát;

f) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ sáu mươi phần trăm (60%) đến dưới bảy mươi phần trăm (70%) được đề cử tối đa sáu (06) ứng cử viên Hội đồng quản trị.

g) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ bảy mươi phần trăm 70% đến dưới tám mươi phần trăm (80%) trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy (07) ứng cử viên Hội đồng quản trị;

h) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ tám mươi phần trăm (80%) đến dưới chín mươi phần trăm (90%) trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám (08) ứng cử viên Hội đồng quản trị.

i) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ chín mươi phần trăm (90%) trở lên trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử đủ số ứng cử viên Hội đồng quản trị.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử, số ứng cử viên còn lại do Hội

đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát hoặc các cổ đông khác đề cử. Cơ chế Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

4. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì Đại hội đồng cổ đông sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí của quy chế bầu cử.

Điều 31. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ;

c) Giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán;

d) Tổ chức lại, giải thể công ty.

3. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều này.

4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

5. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện một trăm phần trăm (100%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và

thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng quy định.

6. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Nội dung phiếu lấy ý kiến, cách thức, thủ tục gửi, nhận phiếu, kiểm phiếu, ghi biên bản phải tuân thủ quy định tại Luật Doanh nghiệp.

7. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

8. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

9. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền hoặc người

đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.

Phiếu lấy ý kiến được gửi qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử đều không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

10. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e) Các quyết định đã được thông qua;
- f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

11. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

12. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến

đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

13. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

14. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua. Việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 32. Hiệu lực quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua nghị quyết hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong nghị quyết.

2. Trường hợp quyết định đã được thông qua của Đại hội đồng cổ đông bị cổ đông, nhóm cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị yêu cầu khởi kiện hoặc trực tiếp khởi kiện thì quyết định này vẫn tiếp tục được thi hành cho đến khi Tòa án hoặc Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 33. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1) Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 31 Điều lệ này.

2) Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 34. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác với các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Biên bản được viết bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài và có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa các biên bản thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Biên bản phải có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp.

4. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp tại trụ sở chính của Công ty.

II. Hội đồng quản trị

Điều 35. Thẩm quyền của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch

kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty;

b) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

d) Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

e) Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;

f) Quyết định giá chào bán cổ phần, trái phiếu và các chứng khoán chuyển đổi của Công ty trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

g) Quyết định mua lại đến 5% tổng số cổ phần đã phát hành của từng loại trong mỗi mười hai (12) tháng; quyết định phương án chào bán, chia thưởng cổ phiếu quỹ theo những cách thức phù hợp với quy định của pháp luật;

h) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ công ty;

i) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan;

j) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và người điều hành quan trọng của Công ty, quyết định mức lương và lợi ích khác của các người điều hành đó; cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đại diện theo uỷ quyền;

k) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;

l) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý của Công ty trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày;

m) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và góp vốn, mua cổ phần doanh nghiệp khác trong giới hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

n) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

o) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;

p) Kiến nghị mức trả cổ tức, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

q) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;

r) Thiết lập một quy trình chuẩn về triệu tập họp, bỏ phiếu và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị để Đại hội đồng cổ đông thông qua; trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị; xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp và quy trình thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc; xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các người điều hành khác;

s) Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro nhằm quy định chính sách chiến lược quản lý rủi ro trong hoạt động của Công ty và kiểm tra, đánh giá về sự phù hợp, hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro đã được thiết lập trong công ty;

t) Thực hiện ngăn ngừa và giải quyết xung đột có thể phát sinh giữa các cổ đông và Công ty. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm cán bộ để triển khai các hệ thống cần thiết hoặc thành lập bộ phận chuyên trách để giải quyết xung đột trong Công ty hoặc phục vụ cho mục đích này;

u) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;

v) Phê chuẩn các giao dịch nằm ngoài phạm vi kế hoạch kinh doanh và

tài chính do Tổng Giám đốc và Ban Tổng Giám đốc đệ trình (nếu có);

w) Hội đồng quản trị có quyền phủ quyết quyết định của Tổng Giám đốc và Ban Tổng Giám đốc trong việc tiến hành bất kỳ một hoạt động quy chuẩn nào, với điều kiện phủ quyết đó là có cơ sở;

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a) Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;

b) Thành lập các công ty con của Công ty;

c) Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng của Công ty;

d) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

e) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

f) Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

g) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h) Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i) Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 5% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

j) Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

k) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản (hoặc hình thức khác do Công ty quy định). Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện một phần quyền hạn và chức năng của Hội đồng quản trị trong thời gian Hội đồng quản trị không tổ chức cuộc họp. Nội dung ủy quyền phải được xác định rõ ràng, cụ thể. Đối với những vấn đề trọng yếu, liên quan đến lợi ích sống còn của Công ty thì không được ủy quyền cho Chủ tịch hội đồng quản trị quyết định.

6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

7. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

8. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

9. Trường hợp các nghị quyết đã được Hội đồng quản trị thông qua nhưng vi phạm pháp luật, vi phạm nguyên tắc quản trị và Điều lệ công ty, các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất 01 năm hoặc Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Công ty phải lập tức hủy bỏ nghị quyết và các quyết định có liên quan.

10. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, thành viên Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyền của thành viên Hội đồng quản trị:

- Quyền được cung cấp thông tin:

+ Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu thành viên Ban Tổng Giám đốc và người quản lý Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty;

+ Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác

các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

- Quyền được nhận thù lao và lợi ích khác: Công ty có quyền trả thù lao, tiền lương cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị được trả theo quy định sau đây:

- + Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;

- + Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị;

- + Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

- + Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

- + Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

- + Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng

quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

- Quyền khác theo pháp luật hiện hành.

b) Nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị:

- Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

- Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông;

- Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận tại cuộc họp;

- Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị và người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty;

- Các thành viên Hội đồng quản trị không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn;

- Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

Điều 36. Thành phần, nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Tối thiểu một phần hai (1/2) thành viên Hội đồng quản trị phải thường trú ở Việt Nam. Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính và chứng khoán; đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên kiêm điều hành và các thành viên không điều hành, trong đó tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên hội đồng quản trị không điều hành và tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập.

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ 65-70 tuổi trở lên không vượt quá một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị mất tư cách thành viên, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra trên nguyên tắc bầu dồn phiếu theo quy định tại Điều 30 của Điều lệ này. Trường hợp các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác có thể đề cử thêm ứng cử viên vào Hội đồng quản trị hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hoặc cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm, Ban Kiểm soát, cổ đông khác đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử. Những ứng viên vào Hội đồng quản trị phải thỏa mãn các điều kiện quy định tại Điều 37 của Điều lệ này.

4. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin về những người được đề cử vào Hội đồng quản trị phải được đưa vào tài liệu họp và được công bố tối thiểu 10 ngày trước khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố gồm các nội dung tối thiểu: danh tính của ứng viên; danh tính của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có); độ tuổi và trình độ học vấn của ứng viên; kinh nghiệm và trình độ chuyên môn của ứng viên; những vị trí công tác mà ứng viên đảm nhiệm trong vòng năm (05) năm qua; những vị trí công tác mà ứng viên đang đảm nhiệm; báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp ứng viên đó được tái bổ nhiệm; bản chất mối quan hệ của ứng viên với Công ty; các vị trí trong Hội đồng quản trị hoặc các vị trí chủ chốt khác mà ứng viên nắm giữ, được đề cử tại các công ty khác; quan hệ của ứng viên với người có liên quan trong Công ty; quan hệ của ứng viên với đối tác kinh doanh chính của Công ty; những thông tin liên quan đến tình hình tài chính của ứng viên và những vấn đề khác có thể ảnh hưởng tới nhiệm vụ, tính

độc lập của ứng viên với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị; việc ứng viên từ chối cung cấp thông tin theo yêu cầu của Công ty (nếu có).

5. Trường hợp Hội đồng quản trị đã hết nhiệm kỳ mà Đại hội đồng cổ đông chưa bầu được Hội đồng quản trị mới, Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

Điều 37. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, ngân hàng.

3. Không phải là Giám đốc (Tổng Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác; không được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị của trên năm (05) công ty khác (đối với công ty niêm yết).

4. Không được từng là thành viên Hội đồng quản trị hoặc đại diện theo pháp luật của một công ty bị phá sản hoặc bị cấm hoạt động do những vi phạm pháp luật nghiêm trọng.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh em rể, chị em dâu của Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác của Công ty.

6. Khi bắt đầu nhiệm kỳ, tất cả thành viên Hội đồng quản trị đều phải đáp ứng đầy đủ những điều kiện theo yêu cầu của pháp luật, quy chế quản trị, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty. Trong nhiệm kỳ của mình, nếu có sự thay đổi thì các thành viên phải thông báo với Chủ tịch hội đồng quản trị. Tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều này đồng thời áp dụng cho những thành viên Hội đồng quản trị được bầu chọn bổ sung, thay thế.

Điều 38. Cuộc họp Hội đồng quản trị và biên bản cuộc họp

1. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập bất cứ khi nào nếu thấy cần thiết, nhưng tối thiểu mỗi quý phải tổ chức họp một (01) lần.

2. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch trong nhiệm kỳ mới thì cuộc họp đầu tiên để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền

phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (7) ngày kể từ ngày nhận được đề nghị trong các trường hợp sau đây:

- a) Nhận được đề nghị của Ban Kiểm soát;
- b) Nhận được đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
- c) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- d) Nhận được đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên điều hành Hội đồng quản trị;
- e) Đề nghị họp phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập họp theo đề nghị thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty và người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị để triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo mời họp phải được làm bằng văn bản tiếng Việt

và phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định, kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp, phiếu biểu quyết của thành viên và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp. Cách thức gửi thông báo thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

7. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

8. Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

9. Biểu quyết.

a) Trừ quy định tại Điểm b Khoản 9 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Theo quy định tại Điểm d Khoản 9 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 4 Điều 56 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

e) Kiểm soát viên có quyền dự họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận

nhưng không được biểu quyết.

10. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm họp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Cuộc họp Hội đồng quản trị theo giấy triệu tập lần thứ nhất được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Trường hợp cuộc họp được triệu tập lần thứ nhất không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (7) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

12. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

13. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều phải được lập biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác tại Trụ sở Công ty. Biên bản họp lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Tất cả thành viên dự họp phải ký vào biên bản họp. Trường hợp nghị quyết Hội đồng quản trị đã được thông qua theo đúng quy định pháp luật nhưng có thành viên từ chối ký biên bản thì chữ ký xác nhận việc tham dự họp được coi là chữ ký của họ tại biên bản họp. Biên bản họp phải đầy đủ nội dung theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

14. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở

những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

15. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

16. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.

17. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm

làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

18. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 39. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Các trường hợp miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

- a) Thành viên Hội đồng quản trị không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 37 của Điều lệ này;
- b) Thành viên Hội đồng quản trị không tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Có đơn xin từ chức;
- d) Có bằng chứng chứng tỏ thành viên Hội đồng quản trị bị mất năng lực hành vi;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau:

- a) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số lượng quy định tại Điều lệ công ty. Trong trường hợp này Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không đảm bảo tỷ lệ theo quy định tại Điều 36 Điều lệ này.

4. Khi số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số lượng quy định tại Điều lệ công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản

trị.

5. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

Điều 40. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không điều hành

1. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên không nắm giữ một vị trí điều hành nào trong Công ty, tức là không đồng thời là thành viên Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng hoặc những người điều hành khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập là thành viên không có quyền lợi sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp đối với Công ty; không là người quản lý, nhân viên hoặc các bên liên quan của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện sau:

a) Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;

e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị khi không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện nêu trên. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ Điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày

nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

4. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không điều hành giống với nhiệm kỳ của các thành viên khác.

Thành viên độc lập có các nhiệm vụ và quyền hạn giống các thành viên Hội đồng quản trị khác.

Điều 41. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông bầu ra trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm nhiệm chức Tổng Giám đốc, trừ khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm chức Tổng Giám đốc phải được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm tại cuộc họp thường niên.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
- e) Chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, ký thay mặt Đại hội đồng cổ đông trong các nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- f) Lãnh đạo và đảm bảo sự hoạt động có hiệu quả của Hội đồng quản trị;
- g) Xây dựng, thực hiện và rà soát các thủ tục chi phối hoạt động của Hội đồng quản trị;
- h) Lên lịch họp Hội đồng quản trị và các bộ phận trực thuộc Hội đồng quản trị;
- i) Chuẩn bị chương trình nghị sự cho các cuộc họp Hội đồng quản trị;
- j) Thường xuyên gặp gỡ Tổng Giám đốc và đóng vai trò là người liên lạc giữa Hội đồng quản trị với Ban Tổng Giám đốc;
- k) Đảm bảo việc trao đổi thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác và rõ ràng

giữa các thành viên Hội đồng quản trị với Chủ tịch Hội đồng quản trị;

l) Đảm bảo việc truyền thông và liên lạc hiệu quả với các cổ đông;

m) Tổ chức đánh giá định kỳ công tác của Hội đồng quản trị, các bộ phận trực thuộc Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

n) Tạo điều kiện thuận lợi để các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành, độc lập hoạt động một cách có hiệu quả và thiết lập mối quan hệ có tính chất xây dựng giữa các thành viên điều hành và những thành viên không điều hành trong Hội đồng quản trị;

o) Thực thi những nhiệm vụ và trách nhiệm khác theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị theo nhu cầu và hoàn cảnh thực tế;

p) Các quyền và nhiệm vụ khác do Công ty tự quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì uỷ quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị (nếu có) hoặc một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này. Trường hợp không có người được uỷ quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không làm việc được hoặc vị trí Chủ tịch Hội đồng quản trị bị trống thì các thành viên còn lại bầu một (01) người trong số các thành viên, tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.

6. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 42. Ban Kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro của Hội đồng quản trị

1. Ban Kiểm toán nội bộ thực hiện chức năng của mình trên nguyên tắc độc lập, trung thực, khách quan và bảo mật. Các chức năng, nhiệm vụ cụ thể của Ban Kiểm toán nội bộ như sau:

a) Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

b) Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này;

c) Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ;

d) Tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ;

e) Đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật, kiểm soát các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản;

f) Đánh giá kiểm soát nội bộ thông qua thông tin tài chính và thông qua quá trình kinh doanh;

g) Đánh giá quy trình xác định, đánh giá và quản lý rủi ro kinh doanh;

h) Đánh giá hiệu quả của các hoạt động;

i) Đánh giá việc tuân thủ các cam kết trong hợp đồng;

j) Thực hiện kiểm soát hệ thống công nghệ thông tin;

k) Điều tra các vi phạm trong nội bộ Công ty;

l) Thực hiện kiểm toán nội bộ Công ty và các công ty con;

m) Chức năng khác do Công ty tự quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.

2. Chức năng và nguyên tắc hoạt động của Bộ phận Quản trị rủi ro:

a) Quy định chính sách, chiến lược quản lý rủi ro; các tiêu chuẩn đánh giá rủi ro; mức độ rủi ro tổng thể của Công ty và từng bộ phận trong Công ty;

b) Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách, quy trình rủi ro đã được thiết lập trong Công ty;

c) Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này;

d) Chức năng khác do Công ty tự quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.

3. Yêu cầu về nhân sự của Ban Kiểm toán nội bộ:

a) Không phải là người đã từng bị xử phạt từ mức phạt tiền trở lên đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm trong vòng năm (05) năm gần nhất tính tới năm được bổ nhiệm;

b) Trưởng Bộ phận Kiểm toán nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;

c) Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh trong Công ty;

d) Có Chứng chỉ Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Chứng chỉ Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc Chứng chỉ hành nghề chứng khoán;

e) Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty.

III. Ban Tổng Giám đốc, người điều hành doanh khác và thư ký Công ty

Điều 43. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và một Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.

Điều 44. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành doanh nghiệp với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

Điều 45. Thành phần, nghĩa vụ và quyền hạn của Ban Tổng Giám đốc

1. Thành phần Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm có: Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc Thành viên Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị thuê

hoặc bổ nhiệm. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của các thành viên Ban Tổng Giám đốc khác là năm (05) năm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Số lượng thành viên Ban Tổng Giám đốc đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị phải ít hơn hai phần ba (2/3) tổng số ghế trong Hội đồng quản trị.

2. Ban Tổng Giám đốc phải thiết lập và duy trì hệ thống thực thi quản trị rủi ro bao gồm các quy trình, bộ máy, nhân sự nhằm đảm bảo ngăn ngừa các rủi ro có thể ảnh hưởng tới lợi ích của Công ty và khách hàng; thiết lập và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm cơ cấu tổ chức, nhân sự độc lập và chuyên trách, các quy trình, quy định nội bộ áp dụng đối với tất cả các vị trí, đơn vị, bộ phận và hoạt động của công ty nhằm bảo đảm mục tiêu theo quy định của pháp luật.

3. Ban Tổng Giám đốc phải xây dựng các quy định làm việc để Hội đồng quản trị thông qua, quy định làm việc tối thiểu phải có các nội dung cơ bản sau đây:

- a) Trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể của thành viên Ban Tổng Giám đốc;
- b) Quy định trình tự, thủ tục tổ chức và tham gia các cuộc họp;
- c) Trách nhiệm báo cáo của Ban Tổng Giám đốc đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc cụ thể như sau:

- a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý

tốt nhất;

b) Tổ chức thực hiện quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, kiến nghị hoặc ban hành quy chế quản lý nội bộ Công ty;

e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh phải được Hội đồng quản trị phê duyệt;

f) Kiến nghị số lượng và các loại người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của người điều hành doanh nghiệp;

g) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

h) Ký kết hợp đồng nhân danh Công ty, trừ trường hợp các hợp đồng thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

i) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Hội đồng quản trị;

j) Trình kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm lên Hội đồng quản trị;

k) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

l) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

m) Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

n) Tuyển dụng lao động;

o) Các quyền và nhiệm vụ khác được quy định tại hợp đồng lao động mà Tổng Giám đốc ký với Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị;

p) Các quyền và nhiệm vụ khác do Công ty tự quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.

5. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, các thành viên Ban Tổng Giám đốc có nghĩa vụ và quyền lợi sau đây:

a) Nghĩa vụ của thành viên Ban Tổng Giám đốc:

- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông;

- Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

- Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà thành viên Ban Tổng Giám đốc và người có liên quan của mình làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty;

- Thành viên Ban Tổng Giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn;

- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

b) Quyền lợi của thành viên Ban Tổng Giám đốc:

- Thành viên Ban Tổng Giám đốc được quyền nhận thù lao, tiền lương, thưởng theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tiền lương của thành viên Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định;

- Thù lao và tiền lương của thành viên Ban Tổng Giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

6. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội

đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

7. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 46. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh, kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, ngân hàng.

3. Không được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên cho công ty chứng khoán khác; không đồng thời làm việc cho doanh nghiệp khác.

4. Đáp ứng các điều kiện quy định đối với Tổng Giám đốc công ty chứng khoán theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động công ty chứng khoán và các quy định có liên quan.

5. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 47. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 46 của Điều lệ này.

2. Có đơn xin từ chức.

3. Theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 48. Bộ phận Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc

1. Bộ phận Kiểm soát nội bộ có nhiệm vụ kiểm soát tuân thủ những nội dung sau:

a) Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của công ty, của các bộ phận

có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong công ty;

b) Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ công ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong công ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền.

c) Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp;

d) Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn tài chính;

e) Tách biệt tài sản của khách hàng;

f) Bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng;

g) Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;

h) Nội dung khác theo nhiệm vụ Tổng Giám đốc giao.

2. Yêu cầu về nhân sự của Bộ phận Kiểm soát nội bộ:

a) Trưởng bộ phận kiểm soát nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; Có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;

b) Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh trong công ty chứng khoán;

c) Có Chứng chỉ hành nghề chứng khoán hoặc Chứng chỉ Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Chứng chỉ Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

d) Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty;

e) Yêu cầu khác do Công ty tự quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.

3. Nhiệm vụ của hệ thống thực thi quản trị rủi ro:

a) Xác định chính sách thực thi và mức độ chấp nhận rủi ro của Công ty;

b) Xác định rủi ro của Công ty;

c) Đo lường rủi ro;

- d) Giám sát, ngăn ngừa, phát hiện và xử lý rủi ro.

Điều 49. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a) Có hiểu biết về pháp luật;
- b) Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.
- h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

ty.

IV. Ban Kiểm soát

Điều 50. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát

1. Nhiệm vụ của Ban Kiểm soát:

a) Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các nhiệm vụ của mình;

b) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

c) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị; trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh hàng năm và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

d) Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan;

e) Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

f) Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;

g) Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

h) Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban Tổng Giám đốc;

i) Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;

j) Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Ban Tổng Giám đốc;

k) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;

l) Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và Điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

m) Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm d khoản 1 Điều 16 của Điều lệ này;

n) Khi có yêu cầu kiểm tra của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm d khoản 1 Điều 16 của Điều lệ này, Ban Kiểm soát phải thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải có báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị và không gây gián đoạn hoạt động kinh doanh của Công ty;

o) Khi có yêu cầu khởi kiện của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm i khoản 1 Điều 16, Ban Kiểm soát phải trả lời bằng văn bản xác nhận đã nhận được yêu cầu khởi kiện và tiến hành các thủ tục khởi kiện theo yêu cầu của cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu khởi kiện.

p) Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của Công ty;

q) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Tổng Giám đốc vi phạm pháp luật, Điều lệ công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ và yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm, đồng thời có giải pháp nhằm khắc phục hậu quả.

r) Trường hợp phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng giám đốc vi phạm pháp luật, Điều lệ công ty dẫn đến xâm phạm quyền và lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc khách hàng thì Ban Kiểm soát có trách nhiệm yêu cầu người có hành vi vi phạm giải trình trong thời hạn nhất định hoặc đề nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để giải quyết. Đối với các vi phạm pháp luật, Ban Kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản cho UBCK trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày

phát hiện vi phạm;

s) Trường hợp kiểm soát viên biết rằng các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc vi phạm quy định của pháp luật, nguyên tắc quản trị và Điều lệ công ty, vì thế xâm phạm đến quyền và lợi ích của Công ty nhưng không thực hiện thông báo, thực hiện trách nhiệm của mình theo quy định thì kiểm soát viên đó phải chịu trách nhiệm về những vấn đề có liên quan đến nhiệm vụ của mình;

t) Xây dựng quy trình kiểm soát để Đại hội đồng cổ đông thông qua;

u) Các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

2. Quyền của Ban Kiểm soát:

a) Sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao;

b) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị: Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

c) Được cung cấp đầy đủ thông tin:

- Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;

- Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị;

- Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;

- Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc để thực thi nhiệm vụ của mình;

- Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban Kiểm

soát. Người phụ trách quản trị Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

d) Được nhận thù lao và hưởng các lợi ích khác:

- Thành viên Ban Kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hàng ngày của thành viên;

- Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập và các chi phí phát sinh với mức hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban Kiểm soát. Tổng mức thù lao và chi phí này không được vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

- Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

3. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, thành viên Ban Kiểm soát phải có nghĩa vụ sau đây:

a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông;

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích cho tổ chức, cá nhân khác;

d) Các nghĩa vụ khác theo pháp luật hiện hành.

4. Trường hợp Ban Kiểm soát vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều này, dẫn đến gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các thành viên

Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ của mình đều thuộc sở hữu của Công ty.

5. Nếu phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong khi thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát, yêu cầu phải chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 51. Số lượng thành viên và nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát của Công ty có từ ba (03) đến năm (05) thành viên.

2. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là năm (05) năm. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam và ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 164 Luật Doanh nghiệp và thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty; không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính cho Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

4. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

5. Thành viên Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu chọn. Việc bầu chọn thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện trên nguyên tắc bầu dồn phiếu. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm k khoản 1 Điều 16 Điều lệ này có quyền đề cử ứng viên vào Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này.

6. Ban Kiểm soát phải bầu một (01) thành viên làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban Kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng Ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác

cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 52. Cách thức hoạt động và cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát phải ban hành các quy định về cách thức hoạt động và trình tự, thủ tục, cách thức tổ chức cuộc họp của Ban Kiểm soát để Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Mỗi năm Ban Kiểm soát phải tổ chức họp tối thiểu hai (02) lần.

3. Cuộc họp của Ban Kiểm soát được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) tổng số thành viên tham dự.

Điều 53. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát

1. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Không được giữ chức vụ quản lý trong Công ty.

3. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác.

4. Trưởng Ban Kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát, người quản lý của công ty chứng khoán khác.

5. Có trình độ chuyên môn về chứng khoán và thị trường chứng khoán; có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán hoặc trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong ngành tài chính, ngân hàng.

Điều 54. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Thành viên đó không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 53;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận;

2. Thành viên Ban Kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
3. Trường hợp Ban Kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình và có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban Kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban Kiểm soát mới thay thế.

Chương V

NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 55. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 56. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông

qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc,

người điều hành khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 57. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mất cân vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mất cân vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Chương VI

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 58. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 2 Điều 30 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của Công ty.

Chương VII

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 59. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

Chương VIII

XỬ LÝ MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN

Điều 60. Các tranh chấp có thể xảy ra

1. Các trường hợp được xem là tranh chấp giữa Công ty với các đối tác liên quan khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người quản lý quy định tại Điều lệ công ty;
- c) Khách hàng hoặc các đối tác liên quan khác với Công ty.

2. Nội dung của tranh chấp cần giải quyết: các tranh chấp có liên quan tới hoạt động của Công ty, tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hoặc từ bất cứ quyền và nghĩa vụ nào do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định.

Điều 61. Cách xử lý, giải quyết tranh chấp

1. Thương lượng và hoà giải: Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng và hoà giải. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp, trừ khi tranh chấp có liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu, chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Đưa ra Trọng tài hoặc Toà án: Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Toà án.

3. Chi phí thương lượng, hoà giải và chi phí của Trọng tài hoặc Tòa án:

a) Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải;

b) Các chi phí của Trọng tài hoặc Tòa án sẽ do Trọng tài hoặc Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

Điều 62. Các giao dịch phải được chấp thuận

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

- Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc;

- Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc.

- Doanh nghiệp khác theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trong trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải gửi dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch đến các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết;

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác, ngoài các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết. Hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu còn lại đồng ý.

4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi

được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, gây thiệt hại cho công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Điều 63. Bỏ phiếu biểu quyết thực hiện hợp đồng giao dịch với bên liên quan

1. Khi thực hiện bỏ phiếu quyết định thực hiện các giao dịch có liên quan, các thành viên Hội đồng quản trị/ Ban Tổng Giám đốc/Ban Kiểm soát có liên quan đến các giao dịch đó sẽ không được tham gia bỏ phiếu.

2. Các hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được sự chấp thuận theo quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật liên quan.

Điều 64. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 69 Điều lệ này, và trong thời hạn không quá chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý của công ty phải được công bố trên website của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 65. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 66. Chế độ báo cáo và công bố thông tin

1. Nghĩa vụ công bố thông tin:

a) Công ty phải thực hiện chế độ công bố thông tin, báo cáo định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền một cách đầy đủ, kịp thời. Công ty chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu công bố, báo cáo.

b) Việc công bố thông tin được thực hiện theo những cách thức nhằm đảm bảo cho cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng tại cùng một thời điểm. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu, tránh gây nhầm lẫn cho cổ đông và công chúng đầu tư.

2. Nội dung công bố thông tin:

a) Công ty thực hiện công bố thông tin liên quan đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính năm kèm theo báo cáo của tổ chức kiểm toán;
- Công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra hoặc phát hiện sự kiện theo luật định;
- Công bố thông tin theo yêu cầu của cơ quan quản lý có thẩm quyền.

b) Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị của Công ty trong các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông hàng năm, trong báo cáo thường niên của Công ty.

3. Tổ chức công bố thông tin: Công ty thực hiện xây dựng và ban hành các quy định về công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn. Đồng thời, bổ nhiệm ít nhất một cán bộ chuyên trách về công bố

thông tin đáp ứng yêu cầu sau:

- a) Có kiến thức kế toán, tài chính, có kỹ năng nhất định về tin học;
 - b) Công khai tên, số điện thoại làm việc để các cổ đông có thể dễ dàng liên hệ;
 - c) Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là việc liên hệ với các cổ đông, ghi nhận những ý kiến của cổ đông và định kỳ công bố, giải đáp, trả lời những ý kiến đó và các vấn đề quản trị Công ty theo quy định.
4. Người công bố thông tin: Việc công bố thông tin phải do Người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc Người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin do Người được ủy quyền công bố.

Chương IX

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN

Điều 67. Năm tài chính

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.
2. Năm tài chính đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó. Trường hợp năm tài chính đầu tiên của Công ty ít hơn bốn (04) tháng, Báo cáo tài chính của năm đó được kiểm toán gộp với Báo cáo của năm tài chính tiếp theo.

Điều 68. Hệ thống kế toán

1. Công ty sử dụng Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán được Bộ Tài chính chấp thuận, tuân thủ các chế độ kế toán dành cho công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản hướng dẫn kèm theo. Công ty phải chịu sự kiểm tra của cơ quan Nhà nước về việc thực hiện chế độ kế toán - thống kê.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu trữ hồ sơ, sổ sách kế toán theo loại hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Hồ sơ, sổ sách kế toán phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đầy đủ để có thể chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong

trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

Điều 69. Kiểm toán

1. Báo cáo tài chính năm, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12, báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 của Công ty phải được một tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán, soát xét.

2. Tổ chức kiểm toán độc lập và các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được UBCK chấp thuận. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo năm tài chính đầu tiên sẽ do Hội đồng quản trị chỉ định. Trong cùng năm tài chính, Công ty không được thay đổi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, trừ trường hợp tổ chức kiểm toán được chấp thuận bị đình chỉ hoặc bị hủy bỏ tư cách được chấp thuận kiểm toán.

3. Sau khi kết thúc năm tài chính, Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính năm, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị cùng với thư quản lý trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

4. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

5. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

Điều 70. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 71. Nguyên tắc phân chia lợi nhuận

1. Điều kiện phân chia lợi nhuận cho các cổ đông: Công ty chỉ được chia lợi nhuận cho các cổ đông phổ thông khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, đồng thời vẫn bảo đảm thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đến hạn trả khác sau khi chia lợi nhuận. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.

2. Thông qua việc phân chia lợi nhuận: Đại hội đồng cổ đông quyết định về tỷ lệ, hình thức phân chia lợi nhuận và chia thưởng theo quy định của pháp luật. Mức chi trả cổ tức không được vượt quá mức đề xuất của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

4. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

5. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

6. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

7. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông

qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

8. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 72. Xử lý lỗ trong kinh doanh

Lỗ năm trước sẽ được xử lý trong năm kế tiếp khi năm kế tiếp đó Công ty kinh doanh có lãi.

Điều 73. Trích lập các quỹ theo quy định

1. Hàng năm, Công ty trích từ lợi nhuận sau thuế để lập các quỹ sau đây:

- a) Quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều lệ;
- b) Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ;
- c) Quỹ khen thưởng, phúc lợi;
- d) Các quỹ khác theo quy định của pháp luật.

2. Tỷ lệ trích lập, giới hạn trích lập và việc quản lý, sử dụng các quỹ quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương X

CON DẤU

Điều 74. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.

2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương XI

TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN VÀ THANH LÝ CÔNG TY

Điều 75. Tổ chức lại Công ty

1. Công ty thực hiện hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi sau khi được sự chấp thuận của UBCK.
2. Trình tự, thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và pháp luật liên quan.

Điều 76. Giải thể hoặc chấm dứt hoạt động

1. Công ty giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:
 - a) Đại hội đồng cổ đông quyết định giải thể Công ty trước thời hạn. Trường hợp Công ty giải thể trước thời hạn hoạt động phải được UBCK chấp thuận;
 - b) Công ty không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu trong thời hạn sáu (06) tháng liên tục theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - c) UBCK thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc bị Tòa án tuyên bố giải thể, phá sản.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.
3. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác. Trường hợp mất khả năng thanh toán, Công ty phải thực hiện giải thể theo quy định của Luật phá sản và các văn bản hướng dẫn thi hành.
4. Hội đồng quản trị thành lập Ban thanh lý để giải quyết số tài sản của Công ty tại thời điểm giải thể. Mọi vấn đề phát sinh trong quá trình giải thể do Ban thanh lý giải quyết và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trước Hội đồng quản trị và pháp luật.

Điều 77. Phá sản

Việc phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

Điều 78. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c) Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
- d) Các khoản vay (nếu có);
- e) Các khoản nợ khác của Công ty;
- f) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

Chương XII

THẺ THỨC SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 79. Bổ sung và Sửa đổi Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến

hoạt động của Công ty chưa được đề cập hoặc có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong bản Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Chương XIII

HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ

Điều 80. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 13 Chương 80 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh nhất trí thông qua ngày tháng 4 năm 2018 tại thành phố Hồ Chí Minh và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ.
2. Điều lệ này được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.
5. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 4 năm 2018.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

TỔNG GIÁM ĐỐC



JOHAN NYVENE

Số: 02/2018/BB-ĐHĐCĐ**TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 10 năm 2018**

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU
LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội khóa 13 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội khóa 11 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 24/11/2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh chỉnh sửa lần 12 theo Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2018;
- Nghị quyết số 19/2018/NQ-HĐQT ngày 01/08/2018 về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua việc điều chỉnh phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động;
- Công văn số 1141/2018-HCM/VSD-ĐK ngày 05/09/2018 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh về danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán thực hiện quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản chốt ngày 31/08/2018;
- Phiếu lấy ý kiến cổ đông gửi về Công ty,

Hôm nay, vào lúc 08g00 ngày 22/10/2018, tại trụ sở chính Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh đã tiến hành kiểm phiếu "Phiếu lấy ý kiến cổ đông". Cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM GIA KIỂM PHIẾU & GIÁM SÁT KIỂM PHIẾU

1. Đại diện Hội đồng quản trị
Ông Đỗ Hùng Việt – Chủ tịch Hội đồng quản trị
2. Ban Kiểm phiếu và Giám sát kiểm phiếu
Ban Kiểm phiếu
 1. Bà Trương Ngọc Quỳnh Tiên
 2. Bà Đoàn Thị PhươngGiám sát kiểm phiếu
Ông Võ Văn Châu – Trưởng Ban Kiểm soát
3. Thư ký:
Bà Thân Thị Thu Dung

II. THÔNG TIN CÔNG TY

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC)
- Trụ sở chính: Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB, 76 Lê Lai, P.Bến Thành, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (+84 28) 3823 3299 Fax: (+84 28) 3823 3301 Website: www.hsc.com.vn
- Giấy phép thành lập và hoạt động số 11/GPHĐKD do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/04/2003 và Giấy phép điều chỉnh số 09/GPĐC – UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02/03/2017.

III. MỤC ĐÍCH VÀ CÁC VẤN ĐỀ CẦN LẤY Ý KIẾN

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2017 của Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh ("Công ty HSC") được tổ chức ngày 26/04/2018, Đại hội đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động. Nay dựa vào tình hình thị trường hiện tại và nhu cầu sử dụng vốn của HSC, Hội đồng quản trị quyết định điều chỉnh tổng số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành, thời gian dự kiến phát hành và phương án sử dụng vốn trình Đại hội cổ đông thông qua.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc điều chỉnh phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2017 thông qua tại Điều 12, Điều 13 và Điều 14 của Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2018 của Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh. Chi tiết trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung sau:

- Phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (cổ phiếu thưởng)
- Phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
- Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty

IV. NGUYÊN TẮC VÀ KẾT QUẢ KIỂM PHIẾU

1. Nguyên tắc kiểm phiếu

- Phiếu lấy ý kiến được xem là hợp lệ trong các trường hợp sau:
 - + Phiếu do Công ty HSC phát ra, có đồng thời chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Người đại diện pháp luật của Công ty HSC, có đóng dấu của Công ty HSC;
 - + Phiếu có chữ ký của cổ đông (nếu là cổ đông cá nhân), có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật và đóng dấu (nếu cổ đông là tổ chức);
 - + Phiếu chỉ đánh dấu 01 ô duy nhất trong 03 ô (Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến) đối với từng nội dung lấy ý kiến;
 - + Phiếu không bị rách, cạo sửa, tẩy xóa, đánh dấu thêm ký hiệu;
 - + Phiếu được gửi về Công ty HSC trước 16g30 ngày 18/10/2018, tính tại thời điểm Công ty HSC nhận được thư, bản fax hoặc thư điện tử của cổ đông;

- + Phiếu phải được đựng trong phong bì dán kín và phong bì không bị mở trước khi kiểm phiếu trong trường hợp gửi bằng bưu điện hoặc phải giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu đối với trường hợp gửi bằng fax hay thư điện tử.
- Phiếu lấy ý kiến được xem là không hợp lệ trong các trường hợp sau:
 - + Phiếu không do Công ty HSC phát ra, không có đồng thời chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Người đại diện pháp luật của Công ty HSC, không có đóng dấu của Công ty HSC;
 - + Phiếu không có chữ ký của cổ đông (nếu là cổ đông cá nhân), không có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật và đóng dấu (nếu cổ đông là tổ chức);
 - + Phiếu đánh dấu từ 02 ô trở lên (Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến) đối với từng nội dung lấy ý kiến;
 - + Phiếu không được đánh dấu nhưng Cổ đông vẫn ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu là cổ đông tổ chức);
 - + Phiếu bị rách, cạo sửa, tẩy xóa, đánh dấu thêm ký hiệu;
 - + Phiếu được gửi về Công ty HSC sau 16g30 ngày 18/10/2018, tính tại thời điểm Công ty HSC nhận được thư, bản fax hoặc thư điện tử của cổ đông;
 - + Phiếu không được đựng trong phong bì dán kín hoặc phong bì đã bị mở trước khi kiểm phiếu trong trường hợp gửi bằng bưu điện hoặc bị tiết lộ trong trường hợp gửi bằng fax hay thư điện tử.

2. Kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

2.1 Số phiếu lấy ý kiến (“Phiếu”)

- Tính đến 16 giờ 30 ngày 18/10/2018, vốn điều lệ của Công ty đã được đăng ký theo quy định là 1.297.567.580.000 đồng tương ứng 129.756.758 cổ phần, trong đó đại diện trên số vốn biểu quyết là 1.295.541.680.000 đồng tương ứng 129.554.168 cổ phần (do đã loại trừ 202.590 cổ phần hiện Công ty nắm giữ làm cổ phiếu quỹ). Do đó, Đại hội sẽ biểu quyết dựa trên số vốn 1.295.541.680.000 đồng tương ứng 129.554.168 cổ phần.
- Tổng số cổ đông có quyền biểu quyết tại ngày đăng ký cuối cùng 31/08/2018 là 3.538 cổ đông, đại diện cho 129.554.168 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần được quyền biểu quyết của Công ty.
- Tổng số phiếu gửi đến cổ đông: 3.538 phiếu, tương ứng 129.554.168 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần được quyền biểu quyết của Công ty
- Tổng số phiếu cổ đông gửi về: 179 phiếu, tương ứng 114.980.094 cổ phần, chiếm tỷ lệ 88,75% số cổ phần được quyền biểu quyết của Công ty.

Trong đó:

- + Số phiếu hợp lệ thu về: 175 phiếu, tương ứng 114.972.294 cổ phần, chiếm tỷ lệ 88,74% số cổ phần được quyền biểu quyết của Công ty.
- + Số phiếu không hợp lệ thu về: 04 phiếu, tương ứng 7.800 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0060% số cổ phần được quyền biểu quyết của Công ty.

- Tổng số phiếu không tham gia biểu quyết: 3.359 phiếu, tương ứng 14.574.074 cổ phần, chiếm tỷ lệ 11,25% số cổ phần được quyền biểu quyết của Công ty.
- Các phiếu chọn phương án biểu quyết "*Không có ý kiến*", các phiếu không hợp lệ, các phiếu bị hoàn lại không đến được cổ đông do các lý do khác nhau và các phiếu không tham gia biểu quyết được tổng hợp chung vào số phiếu biểu quyết "*Không có ý kiến*".

2.2 Kết quả kiểm phiếu

Nội dung 1: Phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (cổ phiếu thưởng)

	Tổng số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ
Tán thành	77.472.294	59,80%
Không tán thành	0	0%
Không có ý kiến	52.081.874	40,20%

Kết luận: Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ tán thành đạt 59,80%.

Nội dung 2: Phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

	Tổng số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ
Tán thành	77.318.894	59,68%
Không tán thành	153.400	0,12%
Không có ý kiến	52.081.874	40,20%

Kết luận: Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ tán thành đạt 59,68%.

Nội dung 3: Phương án phát hành phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty (ESOP 2018)

	Tổng số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ
Tán thành	72.612.120	56,05%
Không tán thành	4.856.654	3,75%
Không có ý kiến	52.085.394	40,20%

Kết luận: Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty với tỷ lệ tán thành đạt

V. CÁC QUYẾT ĐỊNH ĐƯỢC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh chỉnh sửa lần thứ 12 theo Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2018, quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận. Như vậy, Đại hội

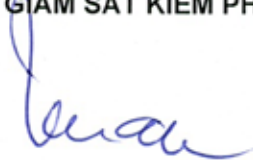
đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh đã thông qua các nội dung sau theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

- Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (cổ phiếu thưởng)
- Phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
- Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty (ESOP 2018)

Việc kiểm phiếu được kết thúc vào lúc 10g00 cùng ngày. Ban Kiểm phiếu cam kết về tính trung thực và tính chính xác của việc kiểm phiếu trên.

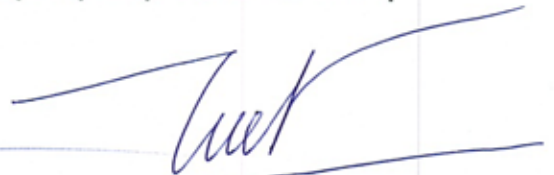
Biên bản kiểm phiếu được lập vào lúc 10g00 ngày 22/10/2018 và lập thành hai (02), có đầy đủ nội dung và giá trị pháp lý như nhau. Biên bản kiểm phiếu này được đính kèm Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản của Công ty HSC.

ĐẠI DIỆN GIÁM SÁT KIỂM PHIẾU



VÕ VĂN CHÂU

ĐẠI DIỆN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐỖ HÙNG VIỆT

BAN KIỂM PHIẾU



TRƯƠNG NGỌC QUỲNH TIÊN



ĐOÀN THỊ PHƯƠNG

THỦ KÝ



THÂN THỊ THU DUNG



Số: 02/2018/NQ-ĐHĐCĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 10 năm 2018

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội khóa 13 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội khóa 11 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 24/11/2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh chỉnh sửa lần 12 theo Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2018;
- Biên bản kiểm phiếu số 02/2018/BB-ĐHĐCĐ ngày 22/10/2018 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1.

Đại hội đồng cổ đông thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Cụ thể như sau:

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HCM)
2. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
3. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 (Mười ngàn) đồng/ cổ phần
4. Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 129.756.758 (Một trăm hai mươi chín triệu bảy trăm năm mươi sáu ngàn bảy trăm năm mươi tám) cổ phiếu
5. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 129.554.168 (Một trăm hai mươi chín triệu năm trăm năm mươi bốn ngàn một trăm sáu mươi tám) cổ phiếu
6. Số lượng cổ phiếu quỹ: 202.590 (Hai trăm lẻ hai ngàn năm trăm chín mươi) cổ phiếu (tại ngày 31/07/2018)
7. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 86.369.445 (Tám mươi sáu triệu ba trăm sáu mươi chín ngàn bốn trăm bốn mươi lăm) cổ phiếu.
8. Tổng trị giá phát hành theo mệnh giá: 863.694.450.000 (Tám trăm sáu mươi ba tỷ sáu trăm chín mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi ngàn) đồng

9. Tỷ lệ phát hành (số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/số lượng cổ phiếu đang lưu hành): 66,67 %
(Sáu mươi sáu phần trăm)
10. Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu bao gồm cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để nhận cổ phiếu phát hành thêm.
11. Tỷ lệ: 3:2 (cổ đông sở hữu ba (03) cổ phiếu hiện hữu tại ngày đăng ký cuối cùng để phát hành sẽ nhận được hai (02) cổ phần phát hành thêm)
12. Cổ phiếu phát hành thêm không bị hạn chế chuyển nhượng
13. Quyền nhận cổ phiếu phát hành thêm không được phép chuyển nhượng.
14. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần thập phân sẽ bị hủy bỏ.
15. Nguồn vốn phát hành: Từ lợi nhuận chưa phân phối và thặng dư vốn cổ phần căn cứ vào Báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất.
Trong đó:
- Lợi nhuận chưa phân phối: 533.350.651.501 (Năm trăm ba mươi ba tỷ ba trăm năm mươi triệu sáu trăm năm mươi một ngàn năm trăm lẻ một) đồng
 - Thặng dư vốn cổ phần: 330.343.798.499 (Ba trăm ba mươi tỷ ba trăm bốn mươi ba triệu bảy trăm chín mươi tám ngàn bốn trăm chín mươi chín) đồng
16. Thời gian dự kiến thực hiện: Trong năm 2018 hay Quý 1 năm 2019 sau khi có chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
17. Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được niêm yết bổ sung trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.
18. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị:
- Lựa chọn thời điểm triển khai đợt phát hành, ngày chốt danh sách cổ đông để phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (cổ phiếu thưởng) trong thời gian sớm nhất có thể sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán, đồng thời đảm bảo lợi ích cho cổ đông và phù hợp quy định của Pháp luật.
 - Thực hiện các thủ tục cần thiết liên quan đến việc triển khai và hoàn tất phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu đúng quy định của Điều lệ Công ty và Pháp luật hiện hành, bao gồm việc phê duyệt hồ sơ liên quan đến đợt phát hành nộp cho các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền
 - Lưu ký và niêm yết bổ sung toàn bộ cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam – CN TP. Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh ngay sau khi hoàn tất việc phát hành;
 - Ủy quyền cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc thực hiện các thủ tục sửa đổi Điều lệ, đăng ký thay đổi vốn điều lệ và điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước sau khi hoàn tất đợt phát hành.

➤ Tỷ lệ biểu quyết thông qua là 59,80%

Điều 2.

Đại hội đồng cổ đông thông qua Phương án phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu. Cụ thể như sau:

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HCM)
2. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
3. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 (Mười ngàn) đồng/ cổ phần
4. Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 129.756.758 (Một trăm hai mươi chín triệu bảy trăm năm mươi sáu ngàn bảy trăm năm mươi tám) cổ phiếu
5. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 129.554.168 (Một trăm hai mươi chín triệu năm trăm năm mươi bốn ngàn một trăm sáu mươi tám) cổ phiếu
6. Số lượng cổ phiếu quỹ: 202.590 (Hai trăm lẻ hai ngàn năm trăm chín mươi) cổ phiếu (tại ngày 31/07/2018)
7. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 86.369.445 (Tám mươi sáu triệu ba trăm sáu mươi chín ngàn bốn trăm bốn mươi lăm) cổ phiếu.
8. Tổng trị giá phát hành theo mệnh giá: 863.694.450.000 (Tám trăm sáu mươi ba tỷ sáu trăm chín mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi ngàn) đồng
9. Tỷ lệ phát hành (số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/số lượng cổ phiếu đang lưu hành): 66,67 % (Sáu mươi sáu phẩy sáu mươi bảy phần trăm)
10. Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu bao gồm cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu
11. Phương thức chào bán: Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua
12. Tỷ lệ thực hiện quyền: 3:2 (cổ đông sở hữu ba (03) cổ phiếu hiện hữu được quyền mua hai (02) cổ phiếu mới)
13. Giá chào bán dự kiến: 14.000 (Mười bốn ngàn) đồng/ cổ phiếu
14. Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán: 1.209.172.230.000 (Một ngàn hai trăm lẻ chín tỷ một trăm bảy mươi hai triệu hai trăm ba mươi ngàn) đồng
15. Quyền mua cổ phiếu phát hành thêm chỉ được phép chuyển nhượng một (01) lần.
16. Các cổ đông trong tình trạng hạn chế chuyển nhượng vẫn được nhận quyền mua cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu mua thêm từ quyền mua này không bị hạn chế chuyển nhượng.
17. Xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có): Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần thập phân sẽ bị hủy bỏ.
Ví dụ: Cổ đông Nguyễn Văn A sở hữu 154 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông. Với tỷ lệ phân bổ quyền 3:2, cổ đông Nguyễn Văn A sẽ được quyền mua thêm số cổ phiếu mới là $(154 \times 2) / 3 = 102,7$ cổ phiếu. Như vậy, cổ đông A sẽ được quyền mua 102 cổ phiếu. Số cổ phiếu lẻ 0,7 cổ phiếu sẽ bị hủy bỏ.
18. Phương án xử lý trong trường hợp cổ phần không chào bán hết theo dự kiến:
Trong trường hợp cổ phiếu không phân phối hết theo dự kiến do cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua (nếu có), ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

- Lựa chọn bán cho nhà đầu tư khác (bao gồm cả những nhà đầu tư được chọn mua cổ phiếu thuộc đối tượng quy định tại Khoản 3, Điều 1, Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015) với giá bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.
 - Trong trường hợp tỷ lệ sở hữu của cổ đông được Hội đồng quản trị tiếp tục phân phối tiếp cổ phiếu vượt quá tỷ lệ 25% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết thì không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai.
 - Số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu khi được chào bán cho các đối tượng khác theo phương án này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng với thời hạn 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán theo quy định pháp luật.
 - Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn nếu có), nếu vẫn còn cổ phiếu chưa phân phối hết thì số cổ phiếu chưa được phân phối hết này được hủy và Hội đồng quản trị ra quyết định kết thúc đợt chào bán.
 - Cần nhắc lựa chọn và điều chỉnh phương án sử dụng vốn để đảm bảo nguyên tắc không ảnh hưởng đến nguồn vốn cũng như hoạt động kinh doanh thường xuyên của Công ty.
19. Thời gian dự kiến thực hiện: Trong năm 2018 hay Quý 1 năm 2019 sau khi có chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
20. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu:
- Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu là 1.209.172.230.000 (Một ngàn hai trăm lẻ chín tỷ một trăm bảy mươi hai triệu hai trăm ba mươi ngàn) đồng được cân đối sử dụng cho các mục đích sau:
 - Bổ sung vốn cho hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ: 400.000.000.000 đồng
(Bằng chữ: Bốn trăm tỷ đồng)
 - Bổ sung vốn cho hoạt động bảo lãnh phát hành chứng khoán: 600.000.000.000 đồng
(Bằng chữ: Sáu trăm tỷ đồng)
 - Bổ sung vốn cho hoạt động tự doanh: 209.172.230.000 đồng
(Bằng chữ: Hai trăm lẻ chín tỷ một trăm bảy mươi hai triệu hai trăm ba mươi ngàn đồng)
 - Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị điều chỉnh phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu phù hợp với kết quả phát hành, nhu cầu sử dụng vốn thực tế của Công ty và đảm bảo lợi ích tối đa cho cổ đông và báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất.
21. Nguyên tắc xác định giá phát hành:
- Giá phát hành dự kiến: 14.000 đồng/ cổ phiếu
- Giá trị sổ sách tại ngày 30/06/2018 theo Báo cáo tài chính bán niên soát xét năm 2018 của Công ty là: 22.654 đồng/ cổ phiếu.
 - Giá đóng cửa bình quân cổ phiếu HSC trong 60 phiên giao dịch gần nhất (từ ngày 29/05/2018 đến ngày 20/08/2018) là: 58.309 đồng/cổ phiếu.
 - Căn cứ vào chiến lược phát triển của Công ty cũng như nhu cầu tăng vốn điều lệ, đồng thời khuyến khích cổ đông gắn bó và đóng góp cho sự phát triển của Công ty nên HSC chào bán cổ phiếu cho cổ đông với giá thấp hơn giá trị sổ sách 38,20% và thấp hơn giá thị trường bình quân 60 phiên gần nhất 75,99%.

22. Giá pha loãng dự kiến:

Tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm của cổ đông hiện hữu, giá của cổ phiếu Công ty sẽ được điều chỉnh kỹ thuật theo công thức sau:

$$\text{Giá thị trường (điều chỉnh)} = \frac{PR(t-1) + I_1 * PR}{(1 + I_1)}$$

Trong đó:

- **PR (t-1)** là giá giao dịch của cổ phiếu trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền
- **PR** là giá phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu.
- **I₁** là tỷ lệ vốn tăng

Ví dụ: Giá giao dịch của cổ phiếu HSC ngày trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền là 60.000 đồng/ cổ phiếu. Giá phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu là 14.000 đồng/ cổ phiếu. Tỷ lệ chào bán cho cổ đông hiện hữu là 3:2 và phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu là 3:2. Như vậy giá thị trường điều chỉnh sẽ là:

Giá thị trường (điều chỉnh) = (60.000 + 2/3*14.000 + 2/3*0) / (1 + 2/3 + 2/3) = 29.714 đồng/ cổ phiếu.

23. Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được niêm yết bổ sung trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh
24. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị:
- Triển khai đợt phát hành, lựa chọn ngày chốt danh sách cổ đông để chào bán cổ phiếu theo phương án chào bán cho cổ đông hiện hữu trong thời gian sớm nhất có thể sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán, đồng thời đảm bảo lợi ích cho cổ đông và phù hợp quy định của Pháp luật.
 - Thực hiện các thủ tục cần thiết liên quan đến việc triển khai và hoàn tất phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu đúng quy định của Điều lệ Công ty và Pháp luật hiện hành, bao gồm việc phê duyệt hồ sơ liên quan đến đợt phát hành nộp cho các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
 - Lưu ký và niêm yết bổ sung toàn bộ cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam – CN TP. Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh ngay sau khi hoàn tất việc phát hành.
 - Ủy quyền cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc thực hiện các thủ tục sửa đổi Điều lệ, đăng ký thay đổi vốn điều lệ và điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước sau khi hoàn tất đợt phát hành
- Tỷ lệ biểu quyết thông qua là 59,68%

Điều 3.

Đại hội đồng cổ đông thông qua Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty (ESOP 2018). Cụ thể như sau:

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HCM)
2. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
3. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 (Mười ngàn) đồng/ cổ phần
4. Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 129.756.758 (Một trăm hai mươi chín triệu bảy trăm năm mươi sáu ngàn bảy trăm năm mươi tám) cổ phiếu
5. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 129.554.168 (Một trăm hai mươi chín triệu năm trăm năm mươi bốn ngàn một trăm sáu mươi tám) cổ phiếu
6. Số lượng cổ phiếu quỹ: 202.590 (Hai trăm lẻ hai ngàn năm trăm chín mươi) cổ phiếu (tại ngày 31/07/2018)
7. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 6.477.000 (Sáu triệu bốn trăm bảy mươi bảy ngàn) cổ phiếu
8. Giá phát hành: 14.000 (Mười bốn ngàn) đồng/ cổ phần
9. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 64.770.000.000 (Sáu mươi bốn tỷ bảy trăm bảy mươi triệu) đồng
10. Tổng giá trị phát hành: 90.678.000.000 (Chín mươi tỷ sáu trăm bảy mươi tám triệu) đồng
11. Tỷ lệ phát hành (số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/ số lượng cổ phiếu đang lưu hành): 5% (Năm phần trăm)
12. Nguồn vốn: Quỹ Khen thưởng phúc lợi của Công ty đến ngày 30/06/2018 và nhân viên đóng góp
Trong đó:
 - Quỹ Khen thưởng phúc lợi: 34.004.250.000 (Ba mươi bốn tỷ bốn triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng
 - Tổng số tiền đóng góp của nhân viên: 56.673.750.000 (Năm mươi sáu tỷ sáu trăm bảy mươi ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng
13. Đối tượng phát hành: Cán bộ quản lý Công ty
14. Hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu phát hành cho người lao động trong Công ty sẽ bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định trong Quy chế - Chính sách Chương trình ESOP 2018 được Hội đồng quản trị ban hành.
15. Thời gian và tỷ lệ chuyển nhượng:
 - Hết năm thứ nhất (12 tháng sau ngày hoàn tất đợt phát hành ESOP 2018): Tỷ lệ cổ phiếu được chuyển nhượng tối đa 40% trên tổng số lượng cổ phần được phát hành và chuyển giao;
 - Hết năm thứ hai (24 tháng sau ngày hoàn tất đợt phát hành ESOP 2018): Tỷ lệ cổ phiếu được chuyển nhượng tối đa 30% trên tổng số lượng cổ phần được phát hành và chuyển giao;
 - Hết năm thứ ba (36 tháng sau ngày hoàn tất đợt phát hành ESOP 2018): Tỷ lệ cổ phiếu được chuyển nhượng là 30% số lượng cổ phần được phát hành và chuyển giao còn lại.

16. Xử lý cổ phiếu không thực hiện quyền: Trong trường hợp nhân viên từ bỏ quyền mua số cổ phần được phân bổ thì Hội đồng quản trị sẽ quyết định phân bổ số cổ phần này cho nhân viên khác tùy thuộc vào thâm niên làm việc tại HSC.
17. Quy định thu hồi:
- Nếu nhân viên nghỉ việc, số lượng cổ phiếu còn bị hạn chế chuyển nhượng sẽ được Công ty mua lại với giá bằng với số tiền nhân viên đã đóng vào để mua số cổ phần được duyệt mua cộng với lãi suất không kỳ hạn từ ngày phát hành cho đến ngày mua lại để bổ sung vào cổ phiếu quỹ. Số cổ phần này sẽ được tự do chuyển nhượng ngay sau khi được Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh chấp thuận chuyển quyền sở hữu.
 - Việc xử lý các trường hợp khác sẽ được áp dụng theo quy định của Quy chế - Chính sách đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.
18. Thời gian dự kiến thực hiện: Trong năm 2018 hay Quý 1 năm 2019 sau khi có chấp thuận của Ủy ban chứng khoán nhà nước.
19. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cho người lao động trong Công ty:
- Giá phát hành dự kiến: 14.000 đồng/ cổ phiếu
- Số tiền thu được từ đợt phát hành cho người lao động trong Công ty là 56.673.750.000 (Năm mươi sáu tỷ sáu trăm bảy mươi ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng được sử dụng để bổ sung vốn cho hoạt động tự doanh.
 - Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị điều chỉnh phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cho người lao động trong Công ty phù hợp với nhu cầu sử dụng vốn thực tế của Công ty và đảm bảo lợi ích tối đa cho cổ đông và báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất.
20. Nguyên tắc xác định giá phát hành:
- Giá trị sổ sách tại ngày 30/06/2018 theo báo cáo tài chính soát xét bán niên năm 2018 của Công ty là: 22.654 đồng/ cổ phiếu.
 - Giá đóng cửa bình quân cổ phiếu HSC 60 phiên giao dịch gần nhất (từ ngày 29/05/2018 đến ngày 20/08/2018) là: 58.309 đồng/ cổ phiếu.
 - Căn cứ vào chiến lược phát triển của Công ty cũng như nhu cầu tăng vốn điều lệ, đồng thời khuyến khích người lao động gắn bó và đóng góp cho sự phát triển của Công ty nên HSC chào bán cổ phiếu cho người lao động với giá thấp hơn giá trị sổ sách 38,20% và thấp hơn giá thị trường bình quân 60 phiên gần nhất 75,99%.
21. Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được niêm yết bổ sung trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.
22. Ủy quyền: Trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị:
- Lựa chọn thời điểm triển khai đợt phát hành.
 - Quyết định tiêu chí và danh sách cán bộ quản lý Công ty được mua cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được mua của từng cán bộ quản lý.
 - Thông qua Quy chế - Chính sách đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.

- Thực hiện các thủ tục cần thiết liên quan đến việc triển khai và hoàn tất phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty (ESOP 2018) đúng quy định của Điều lệ Công ty và Pháp luật hiện hành, bao gồm việc phê duyệt hồ sơ liên quan đến đợt phát hành nộp cho các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- Lưu ký và niêm yết bổ sung toàn bộ cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP 2018) tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam – CN TP. Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh ngay sau khi hoàn tất việc phát hành.
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc thực hiện các thủ tục sửa đổi Điều lệ, đăng ký thay đổi vốn điều lệ và điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh tại Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước sau khi hoàn tất đợt phát hành.

❖ **Đánh giá mức độ pha loãng EPS dự kiến**

$$EPS = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế - Cổ tức cổ phiếu ưu đãi}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Công ty thực hiện việc phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 1.297.567.580.000 đồng lên 3.089.726.480.000 đồng. Trong trường hợp phát hành thành công thì số cổ phiếu lưu hành của Công ty sẽ là 308.770.058 cổ phiếu. Sau khi lượng cổ phiếu mới phát hành chính thức được lưu hành, sẽ có sự pha loãng EPS, cụ thể như sau:

Mức độ pha loãng EPS trong đợt chào bán này được đánh giá như sau:

- Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2018 của HSC theo kế hoạch là 818.717.000.000 đồng. Và số cổ phần lưu hành bình quân trong năm 2018 dự kiến nếu không phát hành thêm cổ phiếu là 129.562.479 cổ phần. Khi đó EPS dự kiến năm 2018 trước đợt chào bán là 6.319 đồng.
- Sau đợt chào bán, số cổ phần lưu hành dự kiến của công ty là 308.770.058 cổ phần. Giả sử HSC hoàn thành đợt phát hành vào cuối tháng 10 năm 2018 thì khi đó số cổ phiếu lưu hành bình quân năm 2018 dự kiến sẽ là: 159.513.628 cổ phiếu và EPS sẽ giảm và có giá trị bằng 5.133 đồng/ cổ phần.

Việc phát hành thêm cổ phiếu cũng có thể khiến giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BVPS) giảm khi số lượng cổ phiếu lưu hành tăng lên. Khi đó, BVPS sẽ được tính với công thức:

$$BVPS = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Tại thời điểm kết thúc đợt phát hành, nếu tốc độ tăng của vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phần sau đợt phát hành thì giá trị sổ sách/ cổ phần sẽ giảm.

➤ Tỷ lệ biểu quyết thông qua là 56,05%

Điều 4.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký, tất cả các Cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và toàn thể Cán bộ nhân viên Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

TM ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐỖ HÙNG VIỆT

Nơi gửi:

- + Cổ đông HSC;
- + Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước;
- + Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM;
- + Thành viên HĐQT, BKS và Ban TGD HSC;
- + Lưu Vp.HĐQT HSC,

Số: 23/2018/NQ-HĐQT**TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 10 năm 2018**

**NGHỊ QUYẾT
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Quyết định số 11/GPHĐKD do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 29/4/2003 về việc cấp giấy phép hoạt động chứng khoán cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 09/GPĐC –UBCK cấp ngày 02/03/2017 về việc cấp giấy phép điều chỉnh cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ vào Biên bản 23/2018/BB-HĐQT ngày 22/10/2018 của Hội đồng quản trị,

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH
QUYẾT NGHỊ**

ĐIỀU 1

Hội đồng quản trị thông qua các hồ sơ nộp Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước đúng theo quy định tại Thông tư số 162/2015/TT-BTC ngày 26/10/2015 của Bộ Tài Chính. Chi tiết như sau:

- Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu;
- Hồ sơ phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu;
- Hồ sơ phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty (ESOP 2018) của Công ty.

ĐIỀU 2

Hội đồng quản trị giao và ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và các bộ phận có liên quan triển khai việc đăng ký chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty với Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.

Hội đồng quản trị giao và ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và các bộ phận có liên quan tiến hành thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết liên quan đến việc triển khai và hoàn tất việc đăng ký chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty đúng quy định của Điều lệ Công ty và Pháp luật hiện hành.

ĐIỀU 3

Hội đồng quản trị thông qua tiêu chuẩn người lao động được tham gia chương trình, nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng, thời gian thực hiện và ban hành quy chế



của chương trình phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP 2018) như sau:

1. Tiêu chuẩn người lao động được tham gia chương trình ESOP 2018

Đối tượng tham gia chương trình ESOP 2018 là các cán bộ nhân viên (CBNV) chủ chốt đáp ứng đầy đủ tất cả các điều kiện sau:

- Đang làm việc và hưởng lương tại Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, và có ngày bắt đầu làm việc chính thức trước ngày 22/10/2018, từ chức vụ Tổng Giám đốc trở xuống.
- Có cấp bậc từ CB1 trở lên theo hệ thống cấp bậc quản lý nhân sự của Công ty.
 - Đối với CBNV ở vị trí quản lý:
 - Đã trải qua kinh nghiệm quản lý ban đầu, khẳng định được khả năng và vai trò quản lý tại vị trí đảm trách.
 - Có những thành quả đóng góp hiệu quả vào quá trình xây dựng hệ thống làm việc, hỗ trợ hiệu quả các phòng ban khác.
 - Được ghi nhận hiệu quả làm việc để làm cơ sở được đào tạo và phát triển hơn nữa trong kế hoạch phát triển dài hạn nguồn nhân lực tập trung cho đội ngũ cán bộ chủ chốt của Công ty.
 - Đối với CBNV có chuyên môn nghiệp vụ cao:
 - Đã chứng minh được khả năng đảm trách công việc một cách độc lập với chuyên môn nghiệp vụ cao qua quá trình học hỏi và tích lũy kinh nghiệm làm việc.
 - Có những đóng góp thiết thực vào kết quả làm việc, đem lại hiệu quả kinh doanh cho phòng ban và Công ty.
 - Được ghi nhận hiệu quả làm việc để làm cơ sở được đào tạo và phát triển hơn nữa trong kế hoạch phát triển dài hạn nguồn nhân lực tập trung cho đội ngũ cán bộ chủ chốt của Công ty
- Không thuộc trường hợp đang tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động trong thời gian làm việc tại HSC.
- Hội đủ các điều kiện theo tiêu chí đánh giá cán bộ chủ chốt của chương trình, và được Tổng Giám đốc quyết định đồng ý cho tham gia chương trình ESOP 2018.
- Tổng Giám đốc và Tiểu ban Lương – Thưởng có quyền quyết định cuối cùng đến từng đối tượng cụ thể được tham gia chương trình ESOP 2018.

Ngoài ra, một số trường hợp đặc biệt được tham gia hoặc không được tham gia chương trình này, và phải được Tổng Giám Đốc phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể, trước khi được Tiểu ban Lương – Thưởng chấp thuận cuối cùng.

2. Nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng:

Căn cứ tiêu chuẩn cán bộ nhân viên chủ chốt được tham gia chương trình ESOP 2018 được Hội đồng quản trị thông qua, Hội đồng quản trị giao Tổng Giám đốc lập danh sách người lao

động được tham gia chương trình ESOP 2018 và phân bổ cổ phiếu ESOP 2018 theo những quy định cụ thể như sau:

- Số lượng cổ phần của chương trình ESOP 2018 sẽ được Tổng Giám Đốc chia theo tỷ trọng của mỗi cấp bậc được gọi là số cổ phiếu phân bổ cơ bản.
- Số cổ phiếu phân bổ cơ bản của cá nhân sẽ được điều chỉnh dựa trên các tiêu chí trách nhiệm của vị trí, thâm niên làm việc, mức độ hoàn thành công việc năm 2018, đánh giá khả năng đóng góp, gắn bó của CBNV đó trong tương lai, và một số những tiêu chí khác.
- Số cổ phiếu phân bổ cơ bản của cá nhân được thông báo cho Giám đốc các Phòng Ban/ Bộ Phận xem xét, đề xuất điều chỉnh cho các cán bộ chủ chốt trong Phòng Ban/ Bộ Phận mình phụ trách thuộc đối tượng tham gia chương trình ESOP 2018. Các điều tiết tăng giảm số cổ phiếu phải theo các tiêu chí chung của công ty, nằm trong tổng số lượng cổ phiếu được phân bổ cho cả phòng, và phải được sự chấp thuận của Tổng Giám Đốc.
- Số lượng cổ phần phân bổ cho mỗi nhân viên được Tổng Giám Đốc xem xét và đưa ra quyết định cuối cùng trong phạm vi tối thiểu và tối đa và được Ban ESOP thông qua.

Hội đồng quản trị ủy quyền cho Tổng Giám đốc lập và ký ban hành danh sách người lao động được tham gia chương trình ESOP 2018.

3. Thông qua thời gian thực hiện: Dự kiến Quý II năm 2019 sau khi Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận

4. Ban hành Quy chế - Chính sách và thực hiện chương trình ESOP 2018

Hội đồng quản trị thống nhất cử các thành viên trong Tiểu ban Lương – Thưởng sau đây ban hành Quy chế - Chính sách đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho nhân viên HSC năm 2018 và tiến hành thực hiện chương trình ESOP 2018 theo đúng những tiêu chí Hội đồng quản trị đã thông qua:

- | | |
|--|--------------|
| - Ông Đỗ Hùng Việt (<i>Chủ tịch HĐQT</i>) | : Trưởng ban |
| - Ông Johan Nyvene (<i>Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc</i>) | : Phó ban |
| - Ông Lê Anh Minh (<i>Phó Chủ tịch HĐQT</i>) | : Thành viên |
| - Ông Võ Văn Châu (<i>Trưởng BKS</i>) | : Thành viên |

Hội đồng quản trị ủy quyền cho Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện các thủ tục cần thiết với các cơ quan thẩm quyền để phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho nhân viên HSC năm 2018.

ĐIỀU 4

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT



[Signature]

ĐỖ HÙNG VIỆT

Nơi gửi:

- + Thành viên Hội đồng quản trị;
- + Thành viên Ban Kiểm soát;
- + Ban Tổng Giám đốc;
- + Lưu Văn phòng HĐQT;

**ỦY BAN CHỨNG KHOÁN
NHÀ NƯỚC**

Số: 11/GPHDKD

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2003

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

- Căn cứ Nghị định số 75/CP ngày 28 tháng 11 năm 1996 của Chính phủ về việc thành lập Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Căn cứ Nghị định số 48/1998/NĐ-CP ngày 11 tháng 07 năm 1998 của Chính phủ về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- Xét hồ sơ xin cấp phép hoạt động kinh doanh chứng khoán của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ngày 10 tháng 12 năm 2002,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1 - Cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán cho:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
- Trụ sở chính đặt tại: 33-39 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4103001573 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 04 năm 2003.
- Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng (năm mươi tỷ đồng).

Điều 2 - Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh được phép thực hiện các loại hình kinh doanh sau đây:



1. Môi giới
2. Tự doanh
3. Quản lý danh mục đầu tư
4. Bảo lãnh phát hành
5. Tư vấn đầu tư chứng khoán

Điều 3 - Trong quá trình hoạt động, Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh phải tuân thủ pháp luật Việt Nam về chứng khoán và thị trường chứng khoán, các văn bản pháp luật khác có liên quan và Điều lệ công ty.

Điều 4 - Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán, Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh phải khai trương hoạt động. Sau thời hạn trên, nếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh không khai trương hoạt động, Giấy phép này mặc nhiên hết hiệu lực.

Điều 5 - Giấy phép này được lập thành ba (03) bản gốc; một (01) bản cấp cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh; một (01) bản gửi cho Trung tâm giao dịch chứng khoán; một (01) bản đăng ký tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC




NGUYỄN ĐỨC QUANG

THƯ XÁC NHẬN
Về việc mở và phong tỏa tài khoản thanh toán

Chúng tôi, Ngân hàng TMCP Phát Triển TP.HCM, Trung Tâm Kinh Doanh
Địa chỉ: 25 Bis Nguyễn Thị Minh Khai, P.Bến Nghé, Quận 1, HCM
Xác nhận về việc mở tài khoản thanh toán của Quý Công ty Cổ phần Chứng khoán
Tp.HCM (HSC) theo Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày **02/05/2018** đã ký kết
với Ngân hàng chúng tôi như sau :

Tên tài khoản: **Công ty Cổ phần Chứng khoán TP.HCM**

Số hiệu tài khoản : **068704070153794**

Loại tiền tệ của tài khoản : **VND**

Ngày mở: **02/05/2018**

Tại **Ngân hàng TMCP Phát Triển TP.HCM, Trung Tâm Kinh Doanh**

HSC sẽ sử dụng tài khoản này làm tài khoản phong tỏa để nhận tiền mua cổ phiếu của
đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và ESOP theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ
đông số 02/2018/NQ-ĐHCD ngày 22/10/2018

Thời gian phong tỏa: HSC chỉ được sử dụng tiền từ tài khoản phong tỏa số
068704070153794 Tại Trung Tâm Kinh Doanh, Ngân hàng TMCP Phát Triển TP.HCM
khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (SSC) có công văn xác nhận đã nhận được tài liệu
báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và ESOP của HSC hoặc SSC
đăng trên trang thông tin điện tử của SSC thông tin đã nhận tài liệu báo cáo kết quả
chào bán cổ phiếu của HSC

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 10 năm 2018

**ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG TMCP PHÁT
TRIỂN TP.HCM, TTKD**

GIÁM ĐỐC



Trần Lê Phương

- Báo cáo tài chính năm 2016 được kiểm toán đã được Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh đăng tải trên website tại đường dẫn <https://www.hsc.com.vn/vn/investor/financial-statement?GridView=true&Page=2>
- Báo cáo tài chính năm 2017 được kiểm toán đã được Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh đăng tải trên website tại đường dẫn <https://www.hsc.com.vn/vn/investor/financial-statement?GridView=true&Page=1>
- Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2018 được soát xét đã được Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh đăng tải trên website tại đường dẫn <https://www.hsc.com.vn/vn/investor/financial-statement?GridView=true&Page=1>
- Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2018 đã được Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh đăng tải trên website tại đường dẫn <https://www.hsc.com.vn/vn/investor/financial-statement?GridView=true&Page=1>